



BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2012

TÔN VINH GIÁ TRỊ ĐÍCH THỰC

25 năm- hành trình của những sáng tạo và nỗ lực không ngừng với sứ mệnh TÔN VINH GIÁ TRỊ ĐÍCH THỰC bằng những sản phẩm trang sức tinh tế mang đậm dấu ấn PNJ



Kỷ niệm 25 năm thành lập



LỜI GIỚI THIỆU

Chủ đề “**TÔN VINH GIÁ TRỊ ĐÍCH THỰC**” được chọn để đặt tên cho Báo cáo thường niên năm 2012 cũng là thông điệp chính mà PNJ muốn gửi gắm đến Quý cổ đông, đối tác và khách hàng của mình. Các nội dung lớn và trọng tâm trong báo cáo được chuyển tải một cách cô đọng và đầy đủ từ hoạt động quản trị doanh nghiệp, kết quả sản xuất kinh doanh và đầu tư, đến hoạt động xã hội cộng đồng. Cùng với 5 giá trị cốt lõi: **Trung thực, Chất lượng, Đổi mới, Sáng tạo** và **Trách nhiệm** được PNJ đúc kết trong hành trình 25 năm Hội tụ và tỏa sáng được xem là nền tảng và kim chỉ nam xuyên suốt cho quá trình xây dựng và thực hiện Báo cáo thường niên 2012.

Không chỉ sâu sắc trong nội dung chuyển tải nhằm hướng đến cổ đông, đối tác và nhà đầu tư với một tinh thần kinh doanh minh bạch, tuân thủ luật pháp và có trách nhiệm với cộng đồng xã hội, Báo cáo thường niên PNJ 2012 còn có sự đầu tư và chăm chút tỉ mỉ trong công tác thiết kế, hình thức trình bày và hình ảnh minh họa nhằm lột tả rõ nét ý tưởng chủ đề cũng như tạo ra tinh thần, bản lĩnh và dấu ấn riêng của PNJ.

MỤC LỤC

TÂM NHÌN - SỨ MỆNH - GIÁ TRỊ CỐT LÕI	7
THÔNG ĐIỆP CỦA CHỦ TỊCH HĐQT	9
HÀNH TRÌNH 1/4 THẾ KỶ HỘI TỤ và TỎA SÁNG	
Những cột mốc hình thành và phát triển	14
TRUNG THỰC	
THƯỚC ĐO GIÁ TRỊ VÀ SỰ MINH BẠCH	
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SXKD CỦA BTGD	
Tổng quan tình hình kinh tế Việt Nam và thị trường vàng năm 2012	20
Tình hình thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch	21
Doanh thu và lợi nhuận theo từng nhân hàng	22
Các chỉ tiêu tài chính	25
Tình hình thực hiện các nhiệm vụ trọng tâm	26
TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH, THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN	28
BÁO CÁO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	
Tổng quan tình hình hoạt động 2012	29
Tình hình thực hiện nghị quyết ĐHCĐ 2012	31
Định hướng chiến lược của HĐQT đối với hoạt động của công ty trong năm 2013	34
CÔNG TÁC QUẢN TRỊ RỦI RO TẠI PNJ	33
ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN	
Các mục tiêu trọng yếu năm 2013 của công ty	35
Các biện pháp để thực hiện mục tiêu trọng yếu	36
Đầu tư và phát triển hệ thống	37
Khẳng định vị thế vững chắc của người tiên phong	38

CHẤT LƯỢNG

CƠ SỞ VỮNG CHẮC ĐẢM BẢO SỰ SỐNG CÒN

TÌNH HÌNH CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

Cơ cấu sở hữu vốn theo tỷ lệ sở hữu vốn	52
Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% trên vốn điều lệ	53

QUAN HỆ NHÀ ĐẦU TƯ

HOẠT ĐỘNG QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

Báo cáo kiểm soát hoạt động công ty	56
Hội đồng quản trị, Ban tổng giám đốc, Ban kiểm soát	58
Giao dịch của cổ đông nội bộ và người có liên quan	59

ĐỔI MỚI

NỀN TẢNG CỦA SỰ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG VÀ TRƯỜNG TỒN

TÁI CƠ CẤU TỔ CHỨC	64
CÔNG TÁC NHÂN SỰ	65
NÂNG CAO NĂNG LỰC và TRÌNH ĐỘ SẢN XUẤT	66
CÔNG NGHỆ TIỀN TIẾN	67

SÁNG TẠO

SÁNG TẠO KHÔNG NGỪNG ĐỂ THỰC THI SỨ MỆNH

GIỚI THIỆU SẢN PHẨM DỊCH VỤ

Nhãn hiệu trang sức vàng PNJ	70
Nhãn hiệu trang sức bạc PNJSILVER	71
Nhãn hiệu CAO FINE JEWELLERY	72
Nhãn hiệu trang sức JEMMA	73

TRÁCH NHIỆM

ĐẶT LỢI ÍCH KHÁCH HÀNG, XÃ HỘI VÀO LỢI ÍCH DOANH NGHIỆP

CÁC THÀNH TỰU	76
CAM KẾT MÔI TRƯỜNG VÀ PHÁT TRIỂN CỘNG ĐỒNG	78

BÁO CÁO TÀI CHÍNH 2012

HỆ THỐNG PHÂN PHỐI NỮ TRANG PNJ	126
---------------------------------	-----

TỔNG QUAN VỀ PNJ

TÂM NHÌN

Là Công ty chế tác và bán lẻ trang sức hàng đầu tại Châu Á, giữ vị trí số một trong tất cả các phân khúc thị trường mà PNJ nhắm tới tại Việt Nam.

SỬ MỆNH

PNJ mang lại niềm kiêu hãnh cho khách hàng bằng các sản phẩm trang sức tinh tế, chất lượng vượt trội.

GIÁ TRỊ CỐT LÕI

1 TRUNG THỰC

Trung thực là chuẩn mực đạo đức hàng đầu trong công việc và trong cuộc sống mà mỗi cá nhân và tổ chức đều cam kết hướng đến.

Lấy lợi nhuận hợp pháp và đạo đức kinh doanh làm nền tảng cho mọi hoạt động.

Xây dựng chữ tín và minh bạch trong tổ chức để tạo dựng niềm tin.

Kiên quyết đấu tranh loại bỏ mọi hành động không trung thực.

2 CHẤT LƯỢNG

Chất lượng là cơ sở vững chắc để đảm bảo sự sống còn và là thước đo giá trị của mỗi cá nhân và tổ chức.

Luôn đảm bảo chất lượng của các nguồn lực để tạo ra những sản phẩm và dịch vụ có chất lượng cao.

Mỗi cá nhân cam kết thực hiện nhiệm vụ với chất lượng tốt nhất, không tạo ra sản phẩm hỏng, không chuyển sản phẩm hỏng cho người khác.

3 TRÁCH NHIỆM

Lấy trách nhiệm làm động lực thúc đẩy mọi hoạt động. Đặt lợi ích của khách hàng, của xã hội vào lợi ích của doanh nghiệp.

Mỗi cá nhân cam kết sống có trách nhiệm với bản thân, gia đình, tổ chức và xã hội.

Thực thi xuất sắc mọi công việc với tinh thần tự nguyện, chủ động, sáng tạo và tận tâm.

Luôn tiên phong theo đuổi và thực hiện những nhiệm vụ khó khăn nhất với tinh thần quyết thắng.

4 ĐỔI MỚI

Đổi mới là nền tảng của sự phát triển trường tồn của tổ chức.

Không tự mãn với các thành tích đã đạt được. Sẵn sàng đón nhận, học tập, ứng dụng các kiến thức, kinh nghiệm và kỹ năng mới.

Liên tục cải tiến để tối ưu hóa lợi ích cho tổ chức.

5 SÁNG TẠO

Sáng tạo để làm nên sự khác biệt vượt trội và lợi thế cạnh tranh.

Đáp ứng kỳ vọng của khách hàng là cơ sở để định hướng sáng tạo.

Bằng tinh thần trách nhiệm, lòng say mê nghề nghiệp, mỗi cá nhân và tổ chức cam kết không ngừng sáng tạo, đưa ra các giải pháp đột phá, tạo nên các sản phẩm và dịch vụ vượt trội.

THÔNGIỆP CỦA CHỦ TỊCH HĐQT

Kính thưa Quý Cổ đông,

Năm 2012 vẫn là một năm đầy khó khăn của nền kinh tế thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng. Tình hình chung là tăng trưởng kinh tế chậm lại, thất nghiệp tăng cao, sức mua hạn chế, nợ công nhiều hơn. Những thay đổi trong chính sách quản lý hoạt động sản xuất kinh doanh vàng đã có ảnh hưởng nhất định đến thị trường vàng trong nước và tác động mạnh mẽ đến hoạt động của doanh nghiệp. Theo báo cáo của Hội Đồng Vàng Thế Giới, nhu cầu tiêu thụ vàng trang sức năm 2012 của toàn thế giới giảm 3%, thị trường Việt Nam sụt giảm 12%, nhu cầu vàng cho mục đích đầu tư giảm 24%.

Trước những biến động, bất ổn của nền kinh tế và của ngành, Công ty Cổ phần Vàng Bạc Đá Quý Phú Nhuận xác định rất rõ rằng “năm 2012 là năm của sự thay đổi và gia tăng giá trị nội lực”, các hoạt động trọng tâm của công ty tập trung vào tái cơ cấu tổ chức, tập trung vào lĩnh vực sản xuất và kinh doanh cốt lõi, xây dựng chuẩn mực quản trị hiện đại, tìm các biện pháp hạ giá thành sản phẩm, nâng cao hiệu suất lao động, xây dựng và thực hiện tốt cơ chế kiểm soát rủi ro. Trong năm qua, công ty đã xây dựng và triển khai hiệu quả các giải pháp nhằm duy trì và phát triển hoạt động kinh doanh ổn định, bền vững, phấn đấu hoàn thành cơ bản các mục tiêu kinh doanh năm 2012 đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Việc đầu tư xí nghiệp sản xuất nữ trang mới quy mô lớn gấp 3 lần xí nghiệp cũ đã cho thấy công ty PNJ sẵn sàng cho việc triển khai kế hoạch 10 năm của mình và bước đầu đã thấy được những hiệu quả nhất định. Mô hình sản xuất khép kín, các quy trình được xây dựng và tuân thủ, hao hụt trong sản xuất được kiểm soát chặt chẽ và hiệu quả đã bước đầu cải thiện biên lợi nhuận của tất cả các kênh kinh doanh.

Công tác hoàn thiện cơ cấu tổ chức, nhân sự được đặc biệt chú trọng vì là một phần quan trọng trong dự án tái cấu trúc doanh nghiệp. PNJ đã mời công ty tư vấn nhân sự danh tiếng, nhiều kinh nghiệm để tư vấn và xây dựng hệ thống lương, đánh giá thành tích theo tiêu chuẩn hiện đại. Trong năm qua, công ty cũng tuyển dụng thêm nhiều nhân sự có kinh nghiệm làm việc lâu năm tại các công ty đa quốc gia vào các vị trí quản lý cấp cao, góp phần tăng chất lượng của nguồn nhân lực.

Việc phát triển hệ thống được công ty đánh giá, nghiên cứu thị trường kỹ, trong năm 2012 đã phát triển thêm 2 cửa hàng vàng, 11 cửa hàng bạc và tất cả các cửa hàng mới đều đạt doanh thu kỳ vọng. Tính đến ngày 31/12/2012, mạng lưới phân phối bán lẻ của công ty có 167 cửa hàng trên toàn quốc.

Từ những hoạt động rất trọng tâm, có định hướng như trên, kết quả hoạt động của Công ty Cổ phần Vàng Bạc Đá quý Phú Nhuận với tổng doanh thu hợp nhất đạt 6.777,8 tỷ đồng, doanh thu công ty mẹ đạt 6.428,4 tỷ đồng đạt 62% kế hoạch; lợi nhuận sau thuế hợp nhất đạt 254,4 tỷ đồng, đạt 96% kế hoạch. Yếu tố tác động đến không đạt chỉ tiêu doanh thu do doanh thu vàng miếng giảm mạnh, tuy nhiên hoạt



Bà **CAO THỊ NGỌC DUNG**
Chủ tịch HĐQT - Tổng Giám Đốc PNJ

THÔNG ĐIỆP CỦA CHỦ TỊCH HĐQT



động cốt lõi là kinh doanh trang sức vàng vẫn tăng trưởng 3% so với 2011, đạt 3.647 tỷ đồng. Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu là 19,1%, Công ty Cổ Phần Vàng Bạc Đá Quý Phú Nhuận dự kiến mức chi trả cổ tức là 23% đã được thông qua tại đại hội đồng cổ đông thường niên 2012.

Bước sang 2013, tình hình kinh tế vĩ mô và tăng trưởng ngành được dự báo là tiếp tục khó khăn, sức mua của thị trường và đặc biệt là ngành hàng xa xỉ chưa hứa hẹn khởi sắc. Hội đồng quản trị công ty đã chỉ đạo các đơn vị thận trọng xây dựng chương trình hành động, kế hoạch kinh doanh của mình, tiến hành rà soát các mục tiêu chiến lược 2012- 2022 đã được xây dựng để bám sát tình hình thực tiễn. Chúng tôi tin tưởng rằng với chiến lược tập trung vào các hoạt động cốt lõi, nâng cao hiệu quả hoạt động để phát triển bền vững ở các lĩnh vực chúng ta đang kinh doanh, kiểm soát giá thành chặt chẽ, luôn sẵn sàng đáp ứng được các nhu cầu đa dạng của thị trường, gia tăng giá trị cho khách hàng sẽ là nền tảng vững chắc giúp chúng ta đạt được các mục tiêu đã đề ra về gia tăng doanh thu, mở rộng thị phần, tăng thu nhập cho người lao động, gia tăng lợi nhuận, giá trị doanh nghiệp và tăng cổ tức cho các cổ đông

Năm 2013 cũng là một cột mốc hết sức quan trọng của Công ty Cổ Phần Vàng Bạc Đá Quý Phú Nhuận- đánh dấu chặng đường 25 năm hình thành và phát triển của công ty. Thành tựu của PNJ sau 1/4 thế kỷ hoạt động là xây dựng được một thương hiệu trang sức vàng của Việt Nam, có chỗ đứng vững chắc trong tâm trí người tiêu dùng và sẵn sàng vươn ra thị trường quốc tế trong thời gian tới. Đó chính là thành quả của sự lao động, sáng tạo của các thế hệ cán bộ, nhân viên, công nhân của PNJ và sự ủng hộ quý báu của quý vị khách hàng, cổ đông và các đối tác dành cho PNJ. Chúng tôi tin tưởng và cam kết sẽ nỗ lực thực hiện thành công các mục tiêu kinh doanh đã đề ra để xứng đáng với niềm tin mà Quý cổ đông và khách hàng đã, đang và sẽ tiếp tục trao cho PNJ.

Thay mặt Hội Đồng quản trị của công ty PNJ, tôi trân trọng cảm ơn các cấp chính quyền, quý vị cổ đông, đối tác, quý khách hàng và toàn thể tập thể cán bộ công nhân viên của công ty đã ủng hộ và đồng hành, chung sức để tạo ra những thành công cho PNJ và chúng tôi mong tiếp tục nhận được sự ủng hộ và hợp tác trong thời gian sắp tới. Kính chúc các quý vị cổ đông, quý vị khách hàng và các đối tác một năm 2013 sức khỏe, an Khang, thịnh vượng và hạnh phúc.

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Đã ký

CAO THỊ NGỌC DUNG

HÀNH TRÌNH 1/4 THẾ KỶ

HỘI TỤ và TỎA SÁNG

Hành trình 25 năm của trí lực hội tụ để tỏa sáng và tạo nên những giá trị lấp lánh mang dấu ấn PNJ



NHỮNG CỘT MỐC HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN



1988 - 1992

HÌNH THÀNH VÀ XÁC ĐỊNH CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN

Ngày **28/04/1988**, cửa hàng Kinh doanh Vàng bạc Phú Nhuận ra đời, trực thuộc UBND Quận Phú Nhuận trong thời điểm ngành kim hoàn Việt Nam còn non trẻ, chưa phát triển, thị trường còn nhiều hạn chế chính là những thách thức lớn mà 20 con người đầu tiên sáng lập ra PNJ phải vượt qua.

Năm **1992**, PNJ chính thức mang tên Công ty Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận sau hai lần đổi tên từ Cửa hàng Kinh doanh Vàng bạc Phú Nhuận và Công ty Vàng bạc Mỹ nghệ Kiều hối Phú Nhuận và xác định chiến lược phát triển là nhà sản xuất kinh doanh trang sức chuyên nghiệp. Tại thời điểm này, PNJ còn mở rộng hoạt động bằng việc sáng lập Ngân hàng Đông Á với tỷ lệ vốn góp 40%.



1993 - 2000

TĂNG TỐC MỞ RỘNG MẠNG LƯỚI VÀ NGÀNH NGHỀ

Năm **1994**, PNJ thành lập Chi nhánh Hà Nội, mở đầu cho chiến lược mở rộng hệ thống tại các tỉnh, thành phố lớn trên toàn quốc về sau như Chi nhánh Đà Nẵng được khai trương năm **1998**, Chi nhánh Cần Thơ được khai trương năm **1999**, hệ thống phân phối PNJ luôn được mở rộng không ngừng.

Giai đoạn này cũng mang đậm dấu ấn trong công tác xây dựng thương hiệu chuyên nghiệp của PNJ, nữ trang PNJ bắt đầu xuất khẩu. Chỉ sau vài năm từ lúc thành lập, trang sức thương hiệu PNJ nhanh chóng chiếm lĩnh thị trường, được người tiêu dùng tin yêu và khẳng định uy tín của mình. Với các danh hiệu và giải thưởng đạt được: Chứng nhận danh hiệu "Hàng Việt Nam chất lượng cao", đón nhận Huân chương Lao động Hạng 3, Huân chương Lao động Hạng 2. PNJ còn được tổ chức DNV cấp chứng nhận Hệ thống Quản trị Chất lượng theo tiêu chuẩn ISO.



2001 - 2004

ĐẨY MẠNH XÂY DỰNG THƯƠNG HIỆU VÀ THỰC HIỆN CỔ PHẦN HOÁ

Năm **2001**, Nhân hiệu PNJSilver chính thức ra đời đáp ứng nhu cầu làm đẹp cho các bạn trẻ yêu thích trang sức sang trọng với việc tiếp tục phát triển mạnh mẽ nhân hàng trang sức vàng PNJ bằng nhiều chương trình tiếp thị gây tiếng vang với sự bảo trợ của Hội đồng vàng thế giới.

Ngày **2/1/2004**: PNJ chính thức cổ phần hóa, chuyển đổi từ doanh nghiệp kinh tế Đảng thành Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận. Cũng trong thời gian này, PNJ đạt danh hiệu Top 500 Doanh nghiệp bán lẻ hàng đầu Châu Á – Thái Bình Dương và đón nhận Huân chương Lao động Hạng nhất.

NHỮNG CỘT MỐC HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN



2005 - 2008

TÁI TUNG THƯƠNG HIỆU VÀ PHÁT TRIỂN NHÃN HÀNG CAO CẤP

Đây là giai đoạn phát triển khá mạnh mẽ của PNJ trên mọi mặt. Đặc biệt là trong công tác phát triển thương hiệu và sản phẩm mới, được đánh dấu bằng các sự kiện PNJSilver tái tung hình ảnh mới. Nhãn hiệu trang sức CAO Fine Jewellery chính thức ra đời. PNJ là nhà tài trợ trang sức và vương miện cho cuộc thi Hoa hậu Hoàn vũ **2008** tổ chức tại Việt Nam. Và ngày 3/4/2008, PNJ chính thức công bố thay đổi logo mới nhân kỷ niệm 20 năm thành lập và phát triển với hình ảnh chuyên nghiệp, hiện đại hơn và xứng tầm cho chặng đường mới

Bên cạnh đó, trong thời gian này, PNJ cùng tham gia sáng lập Công ty Cổ phần Địa ốc Đông Á. PNJ trở thành một trong 200 doanh nghiệp lớn nhất Việt Nam theo công bố của UNDP và vinh dự đón nhận danh hiệu cao quý do Chủ tịch nước trao tặng: Huân chương Độc lập Hạng ba.



2009 - 2012

NIÊM YẾT CỔ PHIẾU, NỖ LỰC PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Tháng **3/2009**, cổ phiếu PNJ chính thức niêm yết tại HOSE, tăng vốn điều lệ lên 400 tỷ đồng. Tháng **8/2009** thành lập Công ty TNHH MTV Thời trang CAO cùng với việc bổ sung ngành kinh doanh đồng hồ của các nhãn hiệu nổi tiếng thế giới tại hệ thống PNJ. Trở thành nhà tài trợ trang sức cho cuộc thi Hoa hậu trái đất năm **2010** được tổ chức tại Việt Nam.

18/10/2012, PNJ đã khánh thành Xí nghiệp nữ trang PNJ sau thời gian gần 18 tháng thi công. Với tổng vốn đầu tư là 120 tỷ đồng, có công suất sản xuất đạt trên 4 triệu sản phẩm/năm và được đánh giá là một trong những xí nghiệp chế tác nữ trang lớn nhất khu vực Châu Á.

Bên cạnh đó PNJ tiếp tục đầu tư, nâng cấp quy mô hệ thống phân phối, khánh thành các trụ sở và khai trương các Trung tâm kim hoàn tại Kiên Giang, Bình Dương, Biên Hoà, Hà Nội, Đà Nẵng thành những Trung tâm kim hoàn lớn nhất tại các khu vực này. Đặc biệt, PNJ đã chính thức khánh thành Trung tâm trang sức, kim cương và đồng hồ lớn nhất trên toàn hệ thống tại 52A- 52B Nguyễn Văn Trỗi, Q. Phú Nhuận, thành phố Hồ Chí Minh - đây cũng là trụ sở và cửa hàng kinh doanh vàng bạc đầu tiên của PNJ được thành lập cách đây gần **25 năm** đồng thời được xem là một trong những trung tâm trang sức, kim cương lớn nhất tại thị trường Việt Nam.

TRUNG THỰC

Thước đo giá trị và Sự minh bạch

Trung thực trở thành thước đo của giá trị, sự minh bạch và PNJ tin rằng đây là cách tốt nhất để chúng tôi có được niềm tin vững vàng nơi Bạn



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SXKD CỦA BTGD

2012 - NĂM CỦA SỰ ĐỔI THAY VÀ GIA TĂNG SỨC MẠNH NỘI LỰC

Là năm bắt đầu thực hiện tái cấu trúc bộ máy quản lý nhằm tạo tiền đề cho một giai đoạn phát triển mới mạnh mẽ và bền vững hơn, tập trung vào hoạt động sản xuất và kinh doanh trang sức - là hoạt động cốt lõi và là thế mạnh của PNJ.

I. TỔNG QUAN TÌNH HÌNH KINH TẾ VIỆT NAM VÀ THỊ TRƯỜNG VÀNG NĂM 2012

Năm 2012 là năm khó khăn của kinh tế thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng. Tình hình nợ công Châu Âu chưa được giải quyết triệt để, xung đột chính trị ở Trung Đông và tranh chấp ở các khu vực biển đảo thêm một lần nữa góp phần cản trở sự hồi phục của kinh tế toàn cầu. Ngoài những khó khăn chung từ tình hình kinh tế thế giới, Việt Nam cũng phải đương đầu với những vấn đề riêng:

Chỉ số giá tiêu dùng chỉ tăng 6.81% so với mức 18.13% của năm 2011. Chủ yếu do tăng các nhóm ngành được nhà nước điều tiết như y tế, giáo dục và tác động từ tăng giá điện, xăng. Sức mua và niềm tin người tiêu dùng giảm sút.

Ngay từ đầu năm, chính phủ đã đặt mục tiêu tập trung kiềm chế lạm phát thay cho mục tiêu tăng trưởng kinh tế. Mức tăng GDP của năm là 5.03%, thấp hơn nhiều so với mức hơn 6% của kế hoạch đề ra. Đây cũng là mức tăng thấp nhất trong vòng 20 năm qua, chỉ cao hơn mức 4.8% của năm 1999 - thời điểm bị ảnh hưởng nặng nề bởi cuộc khủng hoảng tài chính Châu Á.

Xét riêng về thị trường vàng trang sức, nhu cầu tiêu thụ trong năm 2012 của toàn thế giới giảm 3%, tương ứng là mức giảm 12% tại thị trường Việt Nam (nguồn: BC Q4/2012 WGC). Ngoài ra những thay đổi trong chính sách vĩ mô cũng tác động không nhỏ đến người tiêu dùng và doanh nghiệp trong ngành.

Đối với PNJ, ngoài các thách thức từ môi trường kinh doanh, 2012 là năm bản lề trong chiến lược 10 năm nhằm tạo tiền đề đưa PNJ lên một tầm cao mới, phát triển mạnh mẽ và bền vững hơn, tiếp cận với mô hình công ty chuẩn quốc tế. Công ty đã tập trung nguồn lực vào dự án tái cấu trúc doanh nghiệp. Về kết quả kinh doanh, tổng doanh thu hợp nhất đạt 6.777,8 tỷ, doanh thu công ty mẹ đạt 6.428,4 tỷ bằng 62% kế hoạch và lợi nhuận sau thuế hợp nhất đạt 254,4 tỷ bằng 96% kế hoạch. Doanh thu vàng miếng giảm mạnh do ảnh hưởng bởi các chính sách vĩ mô, là nguyên nhân chính của việc tổng doanh thu giảm, tuy nhiên đây là mảng hoạt động có biên lợi nhuận thấp, chỉ đóng góp 4,7% lợi nhuận gộp. Hoạt động cốt lõi là nữ trang vàng vẫn tăng trưởng ổn định với doanh thu đạt 3.647 tỷ, tăng 3%.



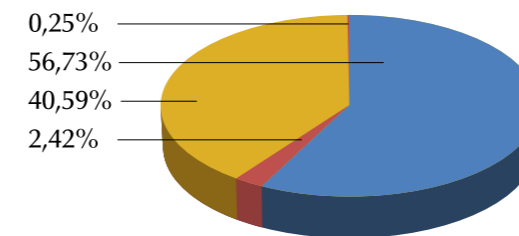
II. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH

Đvt: tỷ đồng

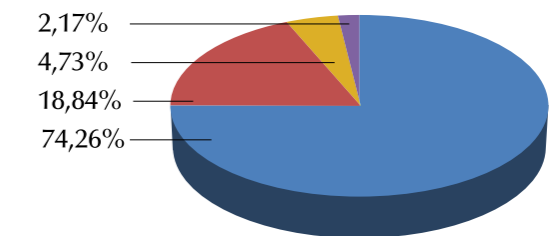
STT	Chỉ tiêu	Kế hoạch 2012	Thực hiện 2012	% TH/KH
1	Tổng doanh thu	10.303	6.428	62%
2	Vốn điều lệ	800	720	90%
3	Lợi nhuận trước thuế (chưa hợp nhất)	316	280	89%
4	Lợi nhuận sau thuế (chưa hợp nhất)	252	225	89%
5	Lợi nhuận trước thuế (hợp nhất)	326	310	95%
6	Lợi nhuận sau thuế (hợp nhất)	264	254	96%
7	Cổ tức	23%	23%	

III. DOANH THU VÀ LỢI NHUẬN THEO TỪNG NHÃN HÀNG

CƠ CẤU DOANH THU 2012



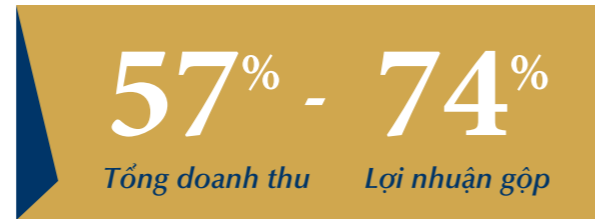
CƠ CẤU LỢI NHUẬN GỘP 2012



- Trang Sức vàng
- Vàng miếng
- Trang sức bạc
- Khác

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SXKD CỦA BTGD

1 | Doanh thu nhân hàng TRANG SỨC VÀNG PNJ



Đvt: tỷ đồng

	Kế hoạch	2012	2011	% tăng/ giảm	% thực hiện/ kế hoạch
Doanh thu	4.038	3.647	3.541	3%	90%
Lợi nhuận gộp		409	376	9%	

a. DOANH THU

Với 3 kênh bán hàng chính là kênh si, kênh lẻ và xuất khẩu, tỷ trọng đóng góp tương ứng vào doanh thu nhân hàng trang sức vàng PNJ là 55%, 43% và 2%.

Trong năm 2012, mảng kinh doanh si là điểm sáng nổi bật khi vượt qua tình hình suy giảm chung của thị trường để đạt mức tăng trưởng 8%, cao nhất trong các kênh. Kế đến là kênh lẻ, giữ vững doanh thu so với 2011.

Ngoài lợi thế từ một thương hiệu mạnh, vượt xa các đối thủ cạnh tranh, kết quả lợi ngược dòng này chính là kết tinh cho quá trình nỗ lực không ngừng của toàn thể ban lãnh đạo và CBCNV công ty.

Nhận thấy năm 2012 là năm khó khăn về nhiều mặt, để biến lợi thế thành lợi nhuận đòi hỏi phải có sự quản lý linh hoạt trong các chính sách kinh doanh. Ban lãnh đạo của công ty không ngừng đánh giá tình hình thị trường và đưa ra các chính sách bán hàng, chính sách thu mua, chăm sóc khách hàng và chiến lược Marketing mới, phù hợp hơn với từng điều kiện thị trường. Do đó trong bối cảnh hầu hết các ngành hàng thời trang, xa xỉ phẩm tụt giảm mạnh về doanh thu, doanh thu nữ trang vàng của PNJ vẫn ổn định và tăng trưởng. Riêng xuất khẩu, do tình hình kinh tế khó khăn kéo dài tại 2 thị trường Châu Âu và Châu Mỹ, ảnh hưởng nghiêm trọng đến hoạt động kinh doanh của các công ty nữ trang lớn, vốn là khách hàng của PNJ.

Tuy nhiên, bằng những nỗ lực của mình, PNJ không chỉ giữ được lượng khách hàng cũ mà còn đón nhận thêm nhiều đơn hàng từ các khách hàng mới. Ngay trong các tháng cuối năm 2012 và đầu năm 2013, số lượng đơn đặt hàng đã tăng lên, hứa hẹn cho một năm 2013 sôi động hơn.

b. HỆ THỐNG PHÂN PHỐI

Tổng số cửa hàng trang sức Vàng trên khắp cả nước tính đến 31/12/2012 là 57 cửa hàng, tăng 2 cửa hàng so với cuối năm 2011.

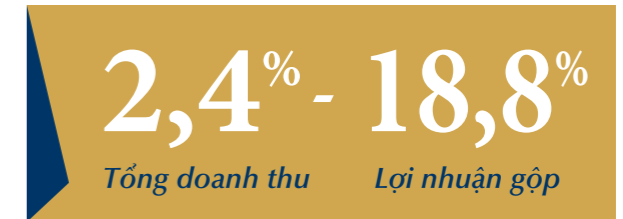
c. LỢI NHUẬN GỘP

Tăng trưởng 9%, nhanh hơn so với tốc độ tăng trưởng doanh thu. Lợi nhuận tăng nhanh phần nào phản ánh được kết quả từ việc tái cấu trúc của công ty. Mặc dù chỉ chính thức thay đổi từ quý 3 năm 2012, nhưng việc áp dụng mô hình quản lý mới đã bước đầu tinh giảm được chi phí, cải thiện biên lợi nhuận từ 10,6% của năm 2011 lên mức 11,2% trong năm 2012.

Xuất phát từ thay đổi quy trình quản lý trong sản xuất, kết hợp với phương pháp quản lý chi phí chung một cách khoa học, biên lợi nhuận của hầu hết các kênh đều tăng, cụ thể kênh si tăng 15%, kênh lẻ tăng 10%.

Trong tháng 8 và tháng 9 năm 2012, xí nghiệp nữ trang được chuyển từ trụ sở chính tại Phan Đăng Lưu sang đường Dương Quảng Hàm, Quận Gò Vấp. Với quy mô gần 12.500m² diện tích sử dụng, rộng gấp 3 lần so với xí nghiệp cũ. Chấp nhận gián đoạn sản xuất phục vụ kinh doanh trong thời gian di dời, nhưng một xí nghiệp nữ trang mới khang trang, quy mô hơn là cần thiết cho tốc độ phát triển của PNJ hiện nay và nhu cầu cho kế hoạch 10 năm tiếp theo. Với diện tích sản xuất rộng, mô hình sản xuất khép kín được áp dụng triệt để, chi phí hao hụt trong sản xuất đã giảm đáng kể, qua đó giúp tăng biên lợi nhuận của hầu hết các kênh.

2 | Doanh thu nhân hàng TRANG SỨC BẠC PNJSilver



Đvt: tỷ đồng

	Kế hoạch	2012	2011	% tăng/ giảm	% thực hiện/ kế hoạch
Doanh thu	231	156	165	-5%	68%
Lợi nhuận gộp		104	129	-19%	

a. DOANH THU

Doanh thu 90% đến từ thị trường nội địa và 10% từ hoạt động xuất khẩu. Tại thị trường trong nước, hai khu vực trọng yếu vẫn là TPHCM và Miền Bắc (bao gồm Hà Nội và các tỉnh lân cận) với tỷ trọng doanh thu lần lượt là 64% và 21%.

Sản phẩm PNJSilver vốn là hàng thời trang với đối tượng khách hàng mục tiêu là học sinh, sinh viên và các bạn trẻ có thu nhập trung bình. Kinh tế khó khăn không những ảnh hưởng lớn đến thu nhập của đối tượng khách hàng chính này mà thói quen tiêu dùng cũng vì đó thay đổi theo.

Báo cáo mới nhất của Nielsen Việt Nam cho biết, trong năm 2012, 63% khách hàng được khảo sát cắt giảm chi phí cho các mặt hàng thời trang. Người tiêu dùng chỉ tập trung vào các sản phẩm hàng tiêu dùng thiết yếu đồng thời cũng cân nhắc chi tiêu kỷ lưỡng hơn.

Đứng trước những thách thức to lớn chưa từng có từ môi trường kinh doanh, năm vừa qua Ban lãnh đạo của công ty đã theo dõi sát sao, đưa ra kế hoạch mở rộng hệ thống phân phối hợp lý, kết

hợp với các chính sách marketing, PR và khuyến mãi hấp dẫn nhằm kích cầu, thu hút khách hàng, đạt được kết quả tương đối khả quan.

b. LỢI NHUẬN GỘP

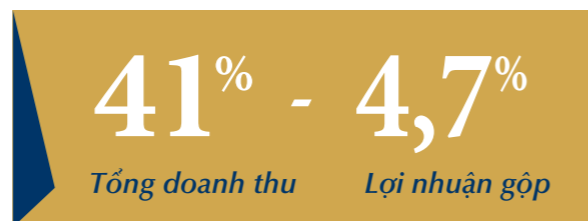
Để tăng nhu cầu và thu hút khách hàng, các chương trình khuyến mãi giảm giá là cần thiết. Nhiều chương trình với mức chiết khấu lên đến 20-30% đã được đồng ý khách hàng quan tâm. Đây còn là cách PNJ chia sẻ khó khăn với khách hàng, chính vì vậy lợi nhuận gộp không khỏi bị ảnh hưởng. Đồng thời trong năm để có mức tồn kho hợp lý, tăng vòng quay vốn, các sản phẩm bán chậm được đánh giá thường xuyên hơn và có kế hoạch thanh lý triệt để, tăng hiệu suất sử dụng vốn.

c. HỆ THỐNG PHÂN PHỐI

Trong năm mở thêm 11 cửa hàng, tập trung tại khu vực TPHCM và các tỉnh khu vực phía Bắc. Tính đến 31/12/2012 khắp cả nước có 88 cửa hàng PNJSilver.

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SXKD CỦA BTGD

3 | Doanh thu VÀNG MIẾNG



Dvt: tỷ đồng

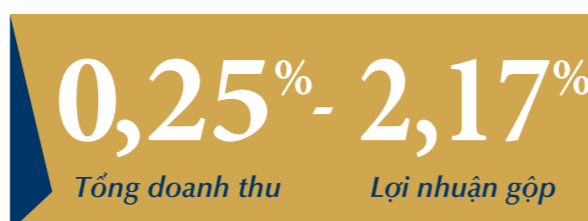
	Kế hoạch	2012	2011	% tăng/ giảm	% thực hiện/ kế hoạch
Doanh thu	6.000	2.609	8.640	-70%	43%
Lợi nhuận gộp		26	85	-69%	

Được coi là mảng kinh doanh khó dự đoán do tính nhạy cảm cao với các chính sách vĩ mô. Trong năm qua với chủ trương quản lý thắt chặt hoạt động sản xuất và kinh doanh vàng miếng (Nghị định 24/NĐ-CP), không ít người dân hoang mang về việc sở hữu vàng miếng khiến nhu cầu đầu tư kinh doanh vàng miếng giảm mạnh. Theo báo cáo Q4/2012 của WGC, nhu cầu vàng cho mục đích đầu tư năm qua giảm 24%, riêng quý 4 giảm 38%.

Tuy nhiên, do lợi nhuận biên thấp, mảng kinh doanh này đóng góp không đáng kể vào tổng lợi nhuận, chỉ chiếm 4,7% lợi nhuận gộp của toàn công ty trong năm 2012.

LỢI NHUẬN GỘP: Lợi nhuận biên tương đối ổn định, tổng giá trị tuyệt đối giảm 69% tương ứng với mức giảm 70% của doanh thu.

4 | Các mảng kinh doanh khác



Dvt: tỷ đồng

	Kế hoạch	2012	2011	% tăng/ giảm	% thực hiện/ kế hoạch
Doanh thu	34,2	16,1	22,5	- 28%	47%
Lợi nhuận gộp		11,9	18,8	-37%	

Liên quan đến các dịch vụ khác và hoạt động phân phối đồng hồ của PNJ, đóng góp rất nhỏ trong tổng cơ cấu doanh thu và lợi nhuận toàn công ty.

IV. CÁC CHỈ TIÊU TÀI CHÍNH

Năm 2012 đánh dấu chặng đường đổi mới với việc hoàn thành xí nghiệp nữ trang có quy mô lớn và hiện đại hơn. Hoàn thành dự án tư vấn chiến lược và bắt đầu thực hiện tái cơ cấu lại bộ máy quản lý, tăng hiệu quả quản lý tài chính.

1. KHẢ NĂNG THANH TOÁN

Các chỉ số về khả năng thanh toán nhanh và thanh toán hiện thời luôn ở mức an toàn, trong đó khả năng thanh toán hiện thời luôn lớn hơn 1. Các chỉ số thanh toán phần nào phản ánh đặc thù của doanh nghiệp nữ trang khi các khoản vay được chuyển hóa gần như hoàn toàn vào hàng tồn kho –chiếm tỷ trọng lớn trong tổng tài sản ngắn hạn.

Khả năng thanh toán nhanh xấp xỉ 0,5 lần. Tuy nhiên điểm khác biệt của PNJ so với các công ty sản xuất khác chính là tính thanh khoản cao của hàng tồn kho. Hơn 95% hàng tồn kho là thành phẩm vàng - loại hàng hóa đặc biệt - vốn có tính thanh khoản cao hơn rất nhiều so với các hàng hóa thông thường khác, đặc biệt tại thị trường Việt Nam.

Tình hình vay nợ của công ty được kiểm soát tốt và hợp lý. Bộ phận ngân sách luôn năng động tìm nguồn vốn vay với chi phí thấp nhất. Cơ cấu nợ vốn của công ty xấp xỉ 1, thấp hơn mức trung bình ngành cho thấy tính bền vững và thận trọng trong mô hình quản lý tài chính của PNJ.

2. KHẢ NĂNG SINH LỜI

Mặc dù doanh thu và lợi nhuận giảm nhưng các chỉ tiêu liên quan đến hiệu suất sinh lời tăng vượt trội. Giảm tỷ trọng doanh thu vàng miếng và tăng doanh thu vàng nữ trang, vốn có biên lợi nhuận cao hơn rất nhiều, là nguyên nhân chính cải thiện hiệu suất sinh lời của công ty.

Tỷ trọng doanh thu vàng miếng và vàng 24K giảm từ 79% trong năm 2011 xuống còn 41% trong năm 2012, đồng nghĩa với việc tỷ trọng doanh thu nữ trang tăng mạnh (từ 20,4% lên 57%). Chính việc thay đổi cơ cấu doanh thu đã giúp tỷ suất lợi nhuận gộp tăng hơn 132%, đạt 8,6%. Tương tự phần trăm lợi nhuận trước thuế và sau thuế trên doanh thu thuần cũng tăng xấp xỉ 2,5 lần.

Các chỉ số sinh lời ngày càng tăng là xu hướng tất yếu trong tương lai của PNJ khi mảng kinh doanh nữ trang vàng và bạc đang phát huy lợi thế và khẳng định vai trò là ngành kinh doanh cốt lõi của công ty.

Chỉ tiêu về lợi nhuận sau thuế/ tổng tài sản ổn định. Riêng chỉ tiêu lợi nhuận sau thuế/ vốn chủ sở hữu giảm do vốn điều lệ tăng từ 600 tỷ lên 720 tỷ vào quý 4 từ quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ sang vốn điều lệ.

CHỈ TIÊU	2012	2011
Lợi nhuận gộp/ Doanh thu thuần	8,6 %	3,7%
LNTT/ Doanh thu thuần	4,4 %	1,7 %
LNST/ Doanh thu thuần	3,5 %	1,4 %
LNST /Tổng tài sản (ROA)	9,0 %	9,0 %
LNST/ Vốn chủ sở hữu (ROE)	19,1 %	22,5 %

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SXKD CỦA BTGD

V. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÁC NHIỆM VỤ TRỌNG TÂM

“Củng cố và gia tăng sức mạnh nội lực là bước tiến bền vững”

Thay vì đặt mục tiêu tăng trưởng ấn tượng trong ngắn hạn, việc cơ cấu lại bộ máy tổ chức, nâng cao hiệu suất hoạt động được ban lãnh đạo công ty đánh giá là nền tảng cốt lõi cho sự tăng trưởng mạnh mẽ và bền vững trong tương lai.

Với định hướng gia tăng giá trị tích lũy trong dài hạn cho cổ đông, ngay trong năm 2012, sau khi hoàn thành dự án tư vấn chiến lược, Ban Tổng giám đốc và toàn thể cán bộ CNV Công ty PNJ đã bắt tay vào tái cấu trúc theo đúng kế hoạch đã được thông qua.

1. HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT

Ngày 18 tháng 10 năm 2012, xí nghiệp nữ trang mới được chính thức khánh thành với quy mô vốn đầu tư gần 120 tỷ, tổng diện tích sử dụng lên đến 12,500 m², là một trong những xí nghiệp nữ trang lớn nhất trong khu vực Châu Á. Việc xí nghiệp nữ trang mới chính thức đi vào hoạt động không chỉ khẳng định vị thế doanh nghiệp hàng đầu trong ngành nữ trang mà còn đánh dấu một bước phát triển mới trên con đường chinh phục những tầm cao của PNJ.

Tuy chỉ mới đi vào hoạt động trong 4 tháng cuối năm nhưng xí nghiệp nữ trang đã đạt được nhiều thành quả khả quan.

Chi phí sản xuất giảm. Quy trình sản xuất khép kín, tăng hàm lượng công nghiệp hóa trong sản xuất, nhờ đó giảm chi phí sản xuất và hao hụt. Góp phần tăng tỷ suất lợi nhuận gộp.

Triển khai xây dựng hệ thống ERP phân hệ sản xuất, giúp việc quản lý dễ dàng hơn.

Môi trường làm việc rộng rãi, không gian sinh hoạt chung và nghỉ ngơi được đầu tư tiện nghi, tạo tinh thần thoải mái cho người lao động, nâng cao hiệu suất làm việc.

Trong năm nhiều lớp huấn luyện tay nghề, nâng cao trình độ cũng như ý thức về sự thay đổi, tự kiểm soát chất lượng công việc được tổ chức, góp phần nâng cao chất lượng nguồn nhân lực của xí nghiệp nữ trang.

Tuy xác định việc di dời xí nghiệp là cần thiết, tuy nhiên cũng không tránh khỏi ảnh hưởng đến tiến độ sản xuất và kinh doanh do gián đoạn sản xuất trong thời gian 2 tháng di dời. Đây cũng là một trong những nguyên nhân làm chậm tốc độ tăng trưởng doanh thu trong năm 2012.

2. CÔNG TÁC TỔ CHỨC - NHÂN SỰ

Là một trong những mục tiêu chính trong chiến lược tái cấu trúc công ty, công tác tổ chức và nhân sự năm qua có nhiều cải tiến nhằm hướng tới mô hình công ty đạt chuẩn quốc tế.

Cùng với sự tư vấn của công ty tư vấn chiến lược, mô hình quản lý mới được thông qua và bắt đầu áp dụng trong năm 2012. Thực hiện bố trí mới, bổ nhiệm lại các vị trí lãnh đạo và chức danh công việc phù hợp. Tuyển thêm nhiều nhân sự có kinh nghiệm lâu năm làm việc tại các vị trí quản lý cấp cao ở các công ty đa quốc gia, góp phần tăng chất lượng nguồn nhân lực.

Thông qua dự án với công ty tư vấn nhân sự HAY-GROUP xây dựng bảng mô tả công việc, lượng giá công việc của từng vị trí, tiến tới xây dựng bộ tự điển năng lực. Bước đầu áp dụng các KPI mới trong quản lý nhân sự.

Tiếp tục triển khai chương trình nâng cao nhận thức về sự thay đổi và giá trị cốt lõi của Công ty đến toàn thể cán bộ công nhân viên.

Với quyết tâm cao trong việc tái cấu trúc, đưa doanh nghiệp phát triển ngày một xa hơn, ban lãnh đạo coi việc nâng cao chất lượng nguồn nhân lực là yếu tố tiên quyết để xây dựng và vận hành bộ máy một cách hiệu quả. Năm 2013 vừa hẹn sẽ có nhiều cải tổ mạnh mẽ hơn nữa nhằm phát huy sức mạnh con người trong bộ máy hoạt động của PNJ.

3. CÔNG TÁC PHÁT TRIỂN MẠNG LƯỚI

Đến 31/12/2012, hệ thống cửa hàng PNJ và Cao là 167 cửa hàng thuộc hệ thống PNJ. trong đó bao gồm 57 cửa hàng PNJGold, 88 cửa hàng PNJSilver, 10 cửa hàng CAO Fine Jeweley và 12 cửa hàng Jemma.

Việc mở rộng hệ thống được đánh giá kỹ càng, chú trọng đến chất lượng thay vì số lượng cửa hàng. Trong năm đã mở thêm 2 cửa hàng vàng và 11 cửa hàng bạc. Nhờ có sự đầu tư nghiên cứu kỹ hầu hết các cửa hàng mới mở đều đạt doanh thu theo đúng kỳ vọng đặt ra và có hiệu quả.

4. CÔNG TÁC QUẢN TRỊ TÀI CHÍNH VÀ IT

Công tác quản trị được đẩy mạnh, bộ phận kế toán quản trị và phân tích tài chính được đầu tư phát triển.

Bảng chỉ tiêu tài chính về hiệu suất sinh lời, tính thanh khoản và khả năng hoạt động được xây dựng cho từng kênh bán hàng và từng nhóm sản phẩm nhằm theo dõi sát sao hơn. Nhiều phương pháp đo lường hiện đại được áp dụng để tính toán suất giao dịch thành công, vòng quay hàng tồn kho...

Chương trình quản lý ERP - Xman được xây dựng hoàn chỉnh trong năm qua là thuận lợi lớn cho công tác quản trị của công ty. Hiện nay hầu hết các nhân sự có liên quan đều có khả năng sử dụng thành thạo phần mềm ERP trong phân hành được giao, việc truy suất dữ liệu vì thế cũng chính xác và nhanh hơn.

Năm 2012, toàn Công ty PNJ nỗ lực xây dựng chiến lược giai đoạn 10 năm (2012 - 2022), thực hiện tái cấu trúc, nâng cao tính chuyên nghiệp, nỗ lực trong mọi hoạt động sản xuất - kinh doanh. Mặc dù về doanh thu và lợi nhuận toàn Công ty không đạt như kế hoạch đề ra, tuy nhiên doanh thu và lợi nhuận hoạt động kinh doanh cốt lõi trang sức vàng tăng trưởng so cùng kỳ chứng tỏ giá trị nội lực, sức mạnh thương hiệu của PNJ.

TỔNG GIÁM ĐỐC

Đã ký

CAO THỊ NGỌC DUNG

TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH, THỰC HIỆN CÁC DỰ ÁN

Trong năm PNJ đã thoái vốn tại công ty con Đại Việt thu được 40,2 tỷ đồng lợi nhuận. Đến 31/12/2012 tổng vốn đầu tư vào các công ty con và đầu tư tài chính của PNJ là 764 tỷ đồng, giảm 4% so với cùng kỳ.

Hoạt động đầu tư không có nhiều biến động. Tổng mức cổ tức thu được trong năm là 67,5 tỷ chủ yếu liên quan đến khoản đầu tư vào ngân hàng Đông Á, SFC và Quê Hương.

Đvt: triệu đồng

STT	Tên	% Sở hữu	31/12/2012	31/12/2011
I	Công ty con		20.000	90.000
	Vinagas	-	-	70.000
	Thời trang CAO	100%	10.000	10.000
	Công ty giám định PNJL	100%	10.000	10.000
II	Công ty liên kết		230.475	230.475
	SFC	49,99%	138.609	138.609
	Địa Ốc Đông Á	30,62%	91.866	91.866
III	Khác	2,6%	513.242	474.745
	Quê Hương Liberty	7,7%	42.500	42.500
	Ngân Hàng Đông Á		395.272	356.775
	Sài Gòn M&C	5%	65.380	65.380
	Hoàng Minh Giám		10.090	10.090
IV	Dự phòng		(43.341)	(34.178)
	Tổng cộng		720.376	761.042

HOẠT ĐỘNG CỦA CÁC CÔNG TY CON

1. CÔNG TY TNHH MTV THỜI TRANG CAO

Vốn hoạt động 10 tỷ đồng, doanh thu đạt 73 tỷ đồng, giảm 12% so với năm 2011 (83 tỷ đồng), lợi nhuận sau thuế đạt 795 triệu đồng, tăng 62%. Đến cuối năm 2012, hệ thống phân phối của CAO & Jemma gồm 22 cửa hàng, không thay đổi so với cuối năm 2011.

2. CÔNG TY TNHH MTV GIÁM ĐỊNH PNJ

Vốn hoạt động 10 tỷ đồng, doanh thu năm 2012 đạt 6,9 tỷ đồng, lợi nhuận sau thuế đạt 972 triệu đồng.

BÁO CÁO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

“ Năm 2012 là cột mốc của những thay đổi và nhiều thành tựu mang ý nghĩa chiến lược của PNJ ”

PNJ được điều hành và quản lý bởi một hội đồng quản trị có trách nhiệm và hoạt động hiệu quả. Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm chính trong việc đề ra **Tầm nhìn, Sứ mệnh, Giá trị cốt lõi** và chiến lược hoạt động của công ty. Đồng thời, hội đồng quản trị chịu trách nhiệm chọn lọc, bổ nhiệm và đánh giá kết quả làm việc hàng năm của Tổng giám đốc

Nhận thấy nền kinh tế Việt Nam đang bước vào giai đoạn chuyển mình với nhiều thay đổi trong chính sách vĩ mô, đồng thời cũng bị ảnh hưởng không ít từ sự bất ổn kinh tế toàn cầu, ngay từ đầu năm HĐQT đã xác định đây là sẽ là giai đoạn đầy thách thức đối với PNJ và các doanh nghiệp nói chung. Để đương đầu với các khó khăn từ môi trường kinh doanh, củng cố vị thế doanh nghiệp đầu ngành và tiến tới một giai đoạn phát triển mới, đòi hỏi doanh nghiệp phải có định hướng chiến lược phù hợp, linh hoạt. Hai mục tiêu chính được HĐQT hướng tới là tăng hiệu quả hoạt động kinh doanh và tái cơ cấu bộ máy quản lý. Trong năm 2012 mục tiêu tái cơ cấu được đặt lên hàng đầu nhằm phát huy tối đa sức mạnh nội lực và tạo nền tảng vững chắc cho giai đoạn phát triển vững mạnh hơn nữa trong tương lai.

1. TỔNG QUAN TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG 2012

Như đã dự đoán, nền kinh tế Việt Nam và thế giới đã trải qua một năm đầy khó khăn và biến động, giá vàng giao động với biên độ lớn. Bên cạnh đó các chính sách mới của chính phủ về quản lý thị trường vàng cũng là một trong những yếu tố tác động trực tiếp đến hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.

Vì nhiều lí do khách quan và chủ quan, kết quả hoạt động kinh doanh của công ty chưa đạt được kế hoạch đề ra. Chủ yếu giảm chỉ tiêu về doanh thu do doanh thu vàng miếng giảm mạnh. Tuy vậy đây không phải là ngành kinh doanh chủ lực của PNJ, có tỷ trọng đóng góp vào lợi nhuận thấp, nên mặc dù doanh thu giảm, chỉ đạt 62% kế hoạch, nhưng không ảnh hưởng lớn đến lợi nhuận. LNST trước và sau khi hợp nhất lần lượt hoàn thành 89% và 96% kế hoạch đề ra.

Tình hình kinh tế khó khăn là một trong những nguyên nhân chính dẫn tới tiêu thụ hàng hóa giảm sút. Mặt khác, theo định hướng đã được HĐQT thống nhất, đây sẽ là năm tập trung cho việc tái cấu trúc, khởi đầu cho những thay đổi mang tính chiến lược của công ty. Nội dung cụ thể liên quan

đến các hoạt động chính đã được HĐQT chỉ đạo thực hiện như sau:

Về công tác quản trị: Chỉ đạo ban điều hành cùng với công ty tư vấn nước ngoài thực hiện dự án tái cấu trúc và xây dựng xong chiến lược phát triển đến năm 2022. Không dừng lại ở những thành tựu đã đạt được, bằng cách hợp tác cùng công ty tư vấn nước ngoài xây dựng chiến lược dài hạn phù hợp, công ty đang chủ động nâng doanh nghiệp lên tầm cao mới, từng bước thực hiện mục tiêu trở thành doanh nghiệp nữ trang hàng đầu tại khu vực Châu Á - Thái Bình Dương. Theo đó, mục tiêu chính trong giai đoạn hiện nay là nâng cao năng lực cạnh tranh, củng cố và phát triển nguồn nhân lực, tăng hiệu quả hoạt động sản xuất, kinh doanh.

HĐQT đã phê duyệt định hướng chiến lược, cơ cấu tổ chức mới phù hợp hơn với giai đoạn phát triển mới. Tiếp tục chỉ đạo thuê tư vấn xây dựng lại hệ thống lương, thưởng và chính sách đãi ngộ nhằm thu hút cũng như giữ chân đội ngũ nhân sự có trình độ cao. Những thay đổi bước đầu đã nhận được nhiều phản hồi tích cực, giúp tăng hiệu quả làm việc của người lao động.

BÁO CÁO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Về Sản xuất: Hoàn thành và đưa vào sử dụng xí nghiệp nữ trang mới, là một trong những xí nghiệp nữ trang lớn nhất trong khu vực. Sẵn sàng cho giai đoạn phát triển mở rộng mạnh mẽ trong tương lai. Áp dụng nền tảng công nghệ thông tin hiện đại trong quản lý, kết hợp với quy trình sản xuất khép kín và công nghiệp hóa nhằm tăng hiệu suất hoạt động của xí nghiệp.

Về công tác kinh doanh và phát triển hệ thống: Chỉ đạo phân tích hiệu quả kinh doanh cho từng dòng sản phẩm và vị trí bán hàng.

Thành lập phòng quản lý, nghiên cứu và mở rộng hệ thống bán lẻ, hoạt động một cách chuyên nghiệp với mục tiêu đem lại hiệu quả tối ưu cho hệ thống phân phối.

Áp dụng chiến lược Marketing mới, linh hoạt và bám sát thị trường hơn. Đánh giá thường xuyên hiệu quả các chiến lược đề ra và có biện pháp thay đổi phù hợp.

Hoạt động đầu tư: ngoài việc khánh thành xí nghiệp nữ trang mới, dự án xây dựng Trung Tâm Kim Hoàn PNJ Phú Nhuận cũng được hoàn thành. Đây là trung tâm kim hoàn lớn nhất trên cả nước, góp phần khẳng định vị thế và đẳng cấp của thương hiệu nữ trang PNJ.

Thực hiện thoái vốn tại Công ty Gas Đại Việt, thu về hơn 40 tỷ lợi nhuận bước đầu giảm đầu tư tài chính.

2. TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT ĐHCĐ 2012 VÀ TỔ CHỨC CÁC CUỘC HỌP CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2012

Hội Đồng Quản Trị mới chính thức bắt đầu nhiệm kỳ 2012- 2017 ngày 14/04/2012 theo Nghị quyết Đại Hội Cổ Đông thường niên 2012.

Trong năm, HĐQT đã tổ chức 36 phiên họp định

kỳ, ban hành 38 nghị quyết, thông qua các nội dung quan trọng và thực hiện các nhiệm vụ theo nghị quyết ĐHCĐ 2012 như sau:

Chia cổ tức đợt 3 năm 2011 bằng tiền mặt 5% và trích lập các quỹ theo điều 7 của Nghị Quyết.

Tạm ứng 10% cổ tức đợt 1 năm 2012 bằng tiền mặt.

Lựa chọn công ty kiểm toán Ernst & Young thực hiện kiểm toán cho năm tài chính 2012.

Phát hành cổ phiếu thưởng cho cổ đông hiện hữu, số lượng 11,999,828 cổ phiếu theo mệnh giá. Chưa thực hiện phát hành riêng lẻ cho đối tác chiến lược và phát hành cho CBCNV do đánh giá thấy điều kiện thị trường chưa thuận lợi.

Sửa Điều lệ tổ chức và hoạt động của công ty theo

BÁO CÁO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

sự góp ý của SGDCK TPHCM, phù hợp với điều lệ mẫu và tình hình thực tế của doanh nghiệp.

Sử dụng nguồn vốn thặng dư và quỹ phát triển để đầu tư xây dựng và hoàn thành xí nghiệp nữ trang mới tại Dương Quang Hàm, Q. Gò Vấp, theo đúng phương án sử dụng vốn đã được thông qua tại ĐHCĐ.

3. ĐỊNH HƯỚNG CHIẾN LƯỢC CỦA HĐQT ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY TRONG NĂM 2013:

Nhận định năm 2013 vẫn còn nhiều khó khăn, do đó PNJ cần sớm triển khai triệt để dự án tái cấu trúc, nhanh chóng phát huy thế mạnh sẵn có. Tập trung phát triển hoạt động kinh doanh cốt lõi là sản xuất và kinh doanh nữ trang, thúc đẩy nhanh việc mở rộng thị phần cho cả kênh si và lẻ. Với chiến lược phát triển phù hợp, HĐQT tin tưởng đặt ra kế hoạch kinh doanh khả quan với chỉ tiêu doanh thu tăng 21% và lợi nhuận gộp tăng 18%.

Đồng thời, HĐQT đã phê duyệt chiến lược phát triển công ty đến năm 2022 với các định hướng chính:

Năng lực thiết kế ngang tầm quốc tế

Quy mô và công nghệ sản xuất hàng đầu Châu Á

Hệ thống quản lý tiên tiến và phù hợp

Đội ngũ nhân viên nhiệt huyết, tin vào con đường mình đã chọn, đáng tin cậy, biết tin người khác, dám chịu trách nhiệm và được tướng thưởng xứng đáng.

Trên cơ sở định hướng chiến lược đó, HĐQT đã đề ra năm nhiệm vụ trọng yếu của 2013 như sau:

1. Xây dựng và vận hành hệ thống Quản trị nguồn nhân lực phù hợp và hiệu quả
2. Xây dựng nền tảng Công nghệ thông tin hỗ trợ hiệu quả các hoạt động.
3. Xây dựng và vận hành hệ thống quy trình nội bộ đạt hiệu quả.
4. Sản xuất đáp ứng đầy đủ các yêu cầu của các đơn vị kinh doanh với chi phí cạnh tranh hợp lý.
5. Kinh doanh (sỉ, lẻ, xuất khẩu) đạt doanh thu và hiệu quả.

Để hoàn thành được các chỉ tiêu kế hoạch đề ra, HĐQT định hướng chiến lược cụ thể cho các hoạt động chính của công ty trong năm 2013 như sau:

CÔNG TÁC QUẢN TRỊ: thúc đẩy triển khai các bước tiếp theo của dự án chiến lược, kiện toàn hệ thống quản lý theo cơ cấu tổ chức mới. Bổ sung các vị trí quản lý còn thiếu đồng thời đánh giá và thay thế các vị trí nhân sự không theo kịp yêu cầu phát triển. Chú trọng các chương trình đào tạo, phát triển đội ngũ quản lý trẻ, năng động. HĐQT sẽ theo dõi sát sao và đánh giá kết quả hoạt động thông qua các chỉ tiêu kế hoạch đã đề ra.

HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT: Phát huy năng lực của xí nghiệp nữ trang mới.

Cải tiến công tác quản trị theo qui trình sản xuất mới với mục tiêu công nghiệp hóa tối đa. Không ngừng nghiên cứu, học hỏi các phương pháp chế tác mới nhất, kết hợp với quy trình quản lý khoa học nhằm nâng cao chất lượng sản phẩm, giảm thiểu chi phí hao hụt. Cung ứng đầy đủ các yêu cầu của bộ phận kinh doanh với chi phí cạnh tranh, hợp lý.

HOẠT ĐỘNG KINH DOANH: Phát triển thông qua mở rộng hệ thống phân phối, nâng cao chất lượng phục vụ khách hàng nhằm tăng tần suất giao dịch. Xây dựng biện pháp nhằm tối đa hóa doanh thu trên từng mét vuông kinh doanh. Áp dụng các chiến lược Marketing, truyền thông có trọng tâm và hiệu quả. Thực hiện đánh giá liên tục và định kỳ nhằm đưa ra các giải pháp thay đổi kịp thời.

HOẠT ĐỘNG KIỂM SOÁT: được chú trọng cải tiến, hoàn thiện quy trình kiểm soát rủi ro, kể cả rủi ro về thị trường cũng như rủi ro về chính sách, đồng thời đảm bảo tuân thủ đúng các định hướng và quy định đã được HĐQT đề ra.

HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ: Nhanh chóng hoàn thành và đưa vào hoạt động dự án “Trung Tâm bán hàng Du lịch Thủ Khoa Huân”, góp phần đưa thương hiệu PNJ đến gần hơn với khách hàng quốc tế. Theo dõi đánh giá và đề ra phương án thoái vốn hiệu quả cho các khoản đầu tư hiện hữu.

Với tâm huyết và những nỗ lực không ngừng, HĐQT luôn mong muốn xây dựng và tin tưởng công ty PNJ sẽ ngày càng phát triển vững mạnh trong tương lai.

CÔNG TÁC QUẢN TRỊ RỦI RO TẠI PNJ

1. QUẢN LÝ RỦI RO TRONG CHIẾN LƯỢC KINH DOANH

Hạn chế rủi ro thông qua việc xây dựng mô hình hoạt động và chiến lược phát triển đúng đắn.

Ngay từ những ngày đầu thành lập ban lãnh đạo công ty đã nhận thấy tiềm năng phát triển mạnh mẽ của ngành trang sức tại thị trường Việt Nam và thế giới khi nhu cầu của khách hàng ngày càng tăng. Chiến lược dài hạn được đưa ra với mục tiêu chính là xây dựng một thương hiệu uy tín, có sức lan tỏa khắp các tỉnh thành trong cả nước và vươn ra thị trường thế giới .

Muốn đạt được mục tiêu này trước tiên phải xây dựng được mô hình kinh doanh phù hợp, đó chính là trở thành doanh nghiệp vừa sản xuất vừa bán lẻ nữ trang. Mô hình này cho phép PNJ quản lý chặt chẽ chất lượng sản phẩm, chủ động trong quản lý, gia tăng giá trị cho cổ đông. Tính đến cuối năm 2012, sản lượng sản xuất và tiêu thụ mỗi năm đạt gần 3 triệu sản phẩm. Tiếp tục duy trì vị thế công ty sản xuất và bán lẻ nữ trang hàng đầu Việt Nam suốt nhiều năm.

Chiến lược kinh doanh phù hợp với từng giai đoạn phát triển của thị trường.

Chú trọng xây dựng thương hiệu dựa trên 5 giá trị

cốt lõi: **Trung thực - Chất lượng - Trách nhiệm - Sáng tạo - Đổi mới.**

Chủ động đào tạo nguồn lao động có tay nghề cao. Mỗi năm ngoài các chương trình đào tạo, công ty còn tổ chức các cuộc thi tay nghề nhằm tạo động lực cho nhân viên tự rèn luyện thêm kỹ năng.

Không ngừng cải tiến quy trình sản xuất và đầu tư công nghệ mới.

Chiến lược mở rộng hệ thống phân phối được nghiên cứu kỹ, theo sát tình hình phát triển của thị trường. Tính hiệu quả được đặt lên hàng đầu. Trong năm 2012, tất cả 13 cửa hàng mới mở đều đạt được doanh thu kỳ vọng chỉ sau 2 đến 3 tháng hoạt động.

Mặc dù đang vũng vằng với vị thế của doanh nghiệp đầu ngành, bỏ xa các đối thủ, nhưng Ban lãnh đạo của công ty không vì thế mà ngưng học hỏi. Cuối năm 2011, PNJ ký hợp đồng tư vấn chiến lược với Value Partners nhằm hoàn thiện kế hoạch phát triển cho 10 năm tiếp theo. Với kinh nghiệm nhiều năm làm việc với các công ty nữ trang hàng đầu trên thế giới, Value Partners đã đưa ra được chiến lược cụ thể cho từng giai đoạn, được đánh giá lại sau mỗi 3 năm.

“Việc đương đầu với các rủi ro trong quá trình hoạt động của doanh nghiệp là không thể tránh khỏi. Hiểu được bản chất, đặc tính của rủi ro chính là chìa khóa giúp ngăn ngừa, đối phó với rủi ro, đảm bảo sự phát triển bền vững của doanh nghiệp. Với kinh nghiệm dày dặn trong lĩnh vực nữ trang, Ban lãnh đạo PNJ ý thức được rằng: Xây dựng hệ thống quản trị rủi ro trong toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh và không ngừng hoàn thiện nó là tự xây dựng sức mạnh to lớn cho doanh nghiệp.”

CÔNG TÁC QUẢN TRỊ RỦI RO TẠI PNJ

2. RỦI RO VỀ MÔI TRƯỜNG HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Rủi ro về chính sách:

Đây được cho là rủi ro khó dự đoán nhất có ảnh hưởng lớn đến kết quả hoạt động kinh doanh của công ty. Công ty luôn theo sát các chủ trương và chính sách của nhà nước để xây dựng kế hoạch hành động phù hợp

Trong năm qua, nghị định số 24/NĐ- CP có hiệu lực thi hành từ ngày 25/05/2012, quy định ngân hàng nhà nước độc quyền sản xuất vàng miếng, ảnh hưởng đến việc kinh doanh vàng miếng của các doanh nghiệp trong đó có PNJ, tuy nhiên không ảnh hưởng đến sản phẩm chủ lực là trang sức vàng của công ty. Để đáp ứng nhu cầu của khách hàng, công ty đã linh động cho ra đời sản phẩm nhẫn trơn đóng ví, đảm bảo người mua vàng nhẫn không phải lo ngại về chất lượng.

Các chính sách quản lý thị trường vàng chủ yếu tập trung vào vàng miếng, riêng vàng nữ trang được coi là một loại hàng hóa đơn thuần và luôn được nhà nước khuyến khích phát triển, đặc biệt là các sản phẩm có thương hiệu uy tín như PNJ.

Rủi ro về biến động giá vàng ảnh hưởng đến chi phí đầu vào của công ty:

Công ty có đội ngũ phân tích dày dặn kinh nghiệm nhằm dự báo xu hướng giá vàng, nhưng không xa đà vào đầu cơ mà tập trung vào các công cụ hạn chế rủi ro.

Để giảm thiểu rủi ro về biến động giá nguyên vật liệu đầu vào, một phần công ty vay vàng từ ngân hàng nhằm đảm bảo cân đối giữa hàng tồn kho và vàng vay.

Mặt khác biến động giá được tính toán an toàn với mức biên độ tương đối ổn định.

Rủi ro về cung cầu:

Luôn nghiên cứu, đánh giá các thị trường mới nhằm mở rộng hệ thống, tăng doanh thu.

Luôn củng cố, nâng cao giá trị thương hiệu, gia tăng thị phần.

Chiến lược marketing phù hợp với từng phân khúc khách hàng. Tại mỗi vùng miền cũng có chiến lược riêng biệt để phù hợp hơn với thị hiếu khách hàng tại đây.

3. RỦI RO TÀI CHÍNH

Rủi ro về tính thanh khoản:

Như đã phân tích trong mục các chỉ số tài chính, đòn cân nợ/ vốn của PNJ khá cân bằng, nằm ở mức an toàn, thể hiện quan điểm cẩn trọng trong điều hành của Ban Tổng giám đốc.

Rủi ro về chi phí vốn:

Kiểm soát tốt lãi suất các khoản lãi vay. Rà soát tất cả các ngân hàng, sản phẩm để đảm bảo mức lãi vay thấp nhất. Lãi suất vay VNĐ trung bình cuối năm 2012 là 10%.

4. RỦI RO VỀ VIỆC TUÂN THỦ CÁC QUY TRÌNH - QUY ĐỊNH:

Toàn bộ hoạt động của PNJ đều theo quy trình nghiêm ngặt, luôn được kiểm soát đánh giá và cải tiến liên tục theo ISO 9001 .

Thông qua phần mềm ERP, việc kiểm soát trở nên dễ dàng hơn. Tất cả quy trình quản lý đang từng bước được chuẩn hóa và tự động hóa.

Bộ phận kiểm soát nội bộ chịu trách nhiệm kiểm tra việc tuân thủ các quy định của công ty cũng như việc thực thi các quy định, chính sách của nhà nước. Ngoài việc kiểm tra, đánh giá định kỳ,

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

Năm 2013, tình hình kinh tế thế giới và trong nước vẫn tiếp tục diễn biến phức tạp, mặc dù từ giữa năm 2012 Chính phủ đã đưa ra nhiều giải pháp nhằm ổn định kinh tế vĩ mô, đặc biệt là đã kéo được lạm phát và lãi suất về ngưỡng mong đợi. Tuy nhiên, kết quả này được đánh giá là chưa được củng cố vững chắc, nguồn vốn vẫn chưa được khơi thông, điều đáng ngại là niềm tin tiêu dùng tiếp tục sụt giảm, biểu hiện thông qua sự sụt giảm của thị trường bán lẻ kéo dài từ những tháng cuối năm đến nay vẫn chưa được cải thiện.

Trung tâm thông tin và dự báo kinh tế- xã hội Quốc gia dự báo năm 2013 tăng trưởng GDP Việt Nam là 5,68% và GDP thế giới là 3,3%.

Trong bối cảnh khó khăn chung của nền kinh tế, để có thể phát triển một cách bền vững và định hướng chiến lược trung dài hạn, năm 2012 Công ty PNJ đã thuê tư vấn nước ngoài thực hiện dự án tái cấu trúc và định vị chiến lược đến năm 2022. Dự án đã bước vào giai đoạn thực thi từng phần từ quý 3 năm 2012, bước đầu đã có những chuyển biến tích cực.

Năm 2013, đánh dấu 25 năm hình thành và phát triển, với định hướng chiến lược hướng đến năm 2022 – Trở thành công ty chế tác và bán lẻ trang sức hàng đầu Châu Á, giữ vị trí số một trong tất cả các phân khúc thị trường mà PNJ nhắm tới tại Việt Nam. Kế hoạch năm 2013 được xây dựng dựa trên nền tảng phân tích lợi thế cạnh tranh và bối cảnh kinh tế vĩ mô:

I. CÁC MỤC TIÊU TRỌNG YẾU NĂM 2013 CỦA CÔNG TY

1. Hoàn thiện và vận hành hệ thống quản trị nguồn nhân lực phù hợp và hiệu quả.
2. Nâng cấp hệ thống công nghệ thông tin đủ năng lực đáp ứng nhu cầu phục vụ các nghiệp vụ kinh doanh và quản lý hiệu quả..
3. Cải tiến và vận hành hệ thống quy trình nội bộ phù hợp quy trình quản trị mới và kiểm soát được tính hiệu quả.
4. Cung ứng đầy đủ các yêu cầu của các đơn vị kinh doanh với chi phí cạnh tranh hợp lý.
5. Đạt doanh thu và lợi nhuận với các chỉ tiêu sau:

Tổng Doanh thu năm 2013 đạt 7.798 tỷ đồng (tăng 21%) trong đó:

Dvt: tỷ đồng

STT	Tên	Tỷ đồng	%
1	Doanh thu trang sức vàng	4.394	tăng 20%
2	Doanh thu trang sức bạc	174	tăng 12%
3	Doanh thu vàng miếng	3.230	tăng 24%
4	Lợi nhuận gộp từ hoạt động SX-KD	650	tăng 18%
5	Doanh thu hoạt động tài chính	65	bằng 56%
6	Lợi nhuận trước thuế (chưa hợp nhất)	280	bằng 100%
7	Lợi nhuận sau thuế	226	bằng 100%
8	Lợi nhuận trước thuế hợp nhất	296	bằng 96%
9	Lợi nhuận sau thuế hợp nhất	241	bằng 95%
10	Cổ tức	20%	

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

II. CÁC BIỆN PHÁP ĐỂ THỰC HIỆN MỤC TIÊU TRỌNG YẾU:

1. MỤC TIÊU 1:

Hoàn thiện và vận hành hệ thống quản trị nguồn nhân lực phù hợp và hiệu quả.

Xác định nguồn nhân lực đủ mạnh, có chất lượng, chuyên nghiệp là yếu tố hàng đầu xây dựng nền tảng vững chắc cho chiến lược phát triển do đó cần phải:

- Hoàn thiện cơ cấu tổ chức theo mô hình mới đã được HĐQT phê duyệt, bổ sung đủ nhân sự ở những vị trí còn thiếu, hoàn tất bản mô tả công việc cho từng chức danh cụ thể theo chuẩn mục mới, tổ chức các khóa đào tạo nâng cao trình độ nhận thức, kỹ năng chuyên môn.
- Xây dựng và áp dụng chính sách đãi ngộ phù hợp với bối cảnh và mặt bằng lao động chung của thị trường, đủ sức hấp dẫn để lưu giữ và thu hút nhân sự có chất lượng. Dùng KPIs để điều hành và quản trị thành tích.

- Đẩy mạnh truyền thông nội bộ, phát triển sâu rộng văn hóa doanh nghiệp đến toàn thể lực lượng lao động tại Công ty.

2. MỤC TIÊU 2:

Nâng cấp hệ thống công nghệ thông tin đủ năng lực đáp ứng nhu cầu phục vụ các nghiệp vụ chuyên môn.

- Xây dựng lộ trình nâng cấp hệ thống công nghệ thông tin phù hợp với chiến lược phát triển kinh doanh với ngân sách đầu tư hợp lý.
- Vận hành hoàn chỉnh ERP trong quản trị tài chính và điều hành kinh doanh hiệu quả. Hoàn tất ERP phân hệ sản xuất, tiến tới vận hành hoàn chỉnh hệ thống ERP trong hệ thống quản trị toàn công ty.
- Đào tạo huấn luyện sử dụng hệ thống ERP đến từng nhân viên nghiệp vụ và bán hàng, cam kết tất cả cấp quản lý dùng hệ thống ERP làm công cụ quản trị và điều hành.

3. MỤC TIÊU 3:

Cải tiến và vận hành hệ thống quy trình nội bộ phù hợp mô hình quản trị điều hành mới, kiểm soát được tính hiệu quả.

- Xây dựng và triển khai chương trình hoạt động của Phòng Quản lý Hiệu quả. Bổ sung nguồn nhân lực đủ để thực thi việc hướng dẫn và cùng các đơn vị chức năng xây dựng, chuẩn hóa các quy trình hoạt động cho phù hợp với nhiệm vụ chiến lược, triển khai áp dụng và đánh giá kết quả sự tuân thủ các quy trình.
- Xây dựng và thử nghiệm phương pháp đo lường hiệu quả của quy trình để đảm bảo các quy trình mang lại hiệu quả trong hoạt động sản xuất, kinh doanh và điều hành tại từng đơn vị cũng như có các giải pháp cải tiến, điều chỉnh quy trình hợp lý.

4. MỤC TIÊU 4:

Cung ứng đầy đủ các yêu cầu của các đơn vị kinh doanh với chi phí cạnh tranh hợp lý.

Mục tiêu này được thực hiện thông qua nhiều giải pháp của các phòng chức năng và xí nghiệp, bao gồm:

- Hoàn thiện cơ cấu tổ chức và quy trình quản lý của Xí nghiệp nữ trang theo sơ đồ sản xuất đáp ứng mục tiêu công nghiệp hóa các công đoạn sản xuất, tiến hành đánh giá quá trình vận hành và hiệu quả hoạt động của đơn vị này. Tăng cường công tác Kiểm soát chặt chẽ và tiết giảm chi phí sản xuất.
- Tiếp tục cải tiến một số quy trình công nghệ trọng yếu, nhằm nâng cao năng suất và hiệu quả sản xuất.
- Đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu phát triển sản phẩm mới, xây dựng chiến lược sản phẩm trọng tâm. Chú trọng tới lĩnh vực thiết kế và kỹ thuật sản xuất.
- Khai thác tìm kiếm nguồn cung ứng tốt, đáp ứng nhu cầu.

- Cung ứng đầy đủ hàng hóa vật tư nguyên liệu đáp ứng nhu cầu sản xuất và kinh doanh với chi phí cạnh tranh.

- Theo dõi, điều chuyển hàng hóa hợp lý và kịp thời giữa các cửa hàng/ khu vực nhằm phát huy cao nhất hiệu quả của hàng hóa.

- Nâng cao tính chuyên nghiệp và hiệu quả trong việc cung ứng kịp thời các dịch vụ hỗ trợ cho hoạt động sản xuất, kinh doanh của Công ty.

5. MỤC TIÊU 5:

Doanh thu và lợi nhuận.

Để đạt được mục tiêu doanh thu và lợi nhuận năm 2013, các đơn vị liên quan cần thực hiện tốt các công tác cụ thể để tăng cường khả năng thu hút khách hàng tiềm năng; tăng cơ hội bán hàng thông qua sự gia tăng về tỷ lệ bán hàng thành công, tăng giá trị trong mỗi lần mua hàng của người tiêu dùng, từ đó giảm chi phí trong quá trình bán hàng và gia tăng tỷ lệ lợi nhuận cho Công ty.

- Tăng cường mức độ nhận biết và giá trị cảm nhận của người tiêu dùng đối với thương hiệu PNJ và các nhãn hiệu trọng điểm. Xây dựng các chương trình marketing có trọng tâm và hiệu quả cho từng nhãn hàng phù hợp với từng khu vực thị trường khác nhau.

- Xây dựng và áp dụng phong cách phục vụ theo chuẩn mực PNJ. Xây dựng các chương trình chăm sóc khách hàng hiệu quả, nâng cao mức độ trung thành của người tiêu dùng với thương hiệu và từng nhãn hiệu.

- Nâng cấp và mở rộng hệ thống phân phối bao gồm mạng lưới bán lẻ, đặc biệt quan tâm nâng

cấp và mở rộng các chi nhánh vùng, chi nhánh cấp 2, tăng lượng khách hàng si và xuất khẩu.

- Điều chỉnh chính sách giá kịp thời và hiệu quả, tạo ưu thế cạnh tranh trên thị trường và đảm bảo lợi nhuận trong quá trình kinh doanh.

- Kiểm soát, quản lý vòng quay vốn và hàng tồn tại các đơn vị kinh doanh sản xuất tối ưu. Quản lý chặt chẽ và tiết giảm chi phí vốn, chi phí quản lý và chi phí bán hàng.

III. ĐẦU TƯ VÀ PHÁT TRIỂN HỆ THỐNG:

- Đầu tư công tác nghiên cứu thị trường và phát triển thị trường xuất khẩu.

- Khai trương Trung Tâm bán hàng du lịch Thủ Khoa Huân.

- Đầu tư chương trình tái định vị nhãn hàng PNJSilver.

- Định vị lại nhãn hàng CAO và Jemma

- Đầu tư nâng cấp 02 chi nhánh cấp 2, từ các chi nhánh tại các tỉnh chuyên kinh doanh nhãn hiệu PNJSilver thành những chi nhánh kinh doanh vàng. Mở thêm 08 cửa hàng vàng và 06 cửa hàng bạc

- Đầu tư nâng cấp hệ thống công nghệ thông tin theo nhu cầu chiến lược.

- Đầu tư bổ sung máy móc công cụ phục vụ nhu cầu mở rộng sản xuất và nâng cấp chất lượng sản phẩm.

- Theo dõi và đánh giá lại các danh mục đầu tư, tìm cơ hội thanh lý các khoản đầu tư không phát huy hiệu quả.

TỔNG GIÁM ĐỐC

Đã ký

CAO THỊ NGỌC DUNG

LỢI THẾ CẠNH TRANH

KHẲNG ĐỊNH VỊ THẾ VỮNG CHẮC CỦA NGƯỜI TIÊN PHONG

1. MÔ HÌNH QUẢN TRỊ KHOA HỌC - ĐỘI NGŨ CBCNV CÓ KINH NGHIỆM, TÂM HUYẾT VỚI CÔNG TY

Trong suốt 25 năm xây dựng và phát triển, nguồn nhân lực được coi là nền tảng cốt lõi tạo nên sự thành công và khác biệt so với các đối thủ cạnh tranh. PNJ tự hào có đội ngũ nhân sự không chỉ có năng lực, dày dặn kinh nghiệm mà còn rất tâm huyết với nghề, đoàn kết vì mục tiêu phát triển chung của công ty.

PNJ hiện sở hữu gần 1000 thợ kim hoàn lành nghề cùng với đội ngũ lãnh đạo năng động, có kinh nghiệm trong các lĩnh vực chuyên môn như sản xuất, marketing, tài chính... Trong đó phần đông đã gắn bó và cùng phát triển với công ty ngay từ những ngày đầu thành lập.

Hệ thống quản lý khoa học theo tiêu chuẩn quốc tế ISO-9001, hệ thống quản lý môi trường ISO-14001. Với tiêu chí “khắc phục – phòng ngừa và cải tiến liên tục”, hệ thống quản trị được thường xuyên xem xét và cải tiến kịp thời, phù hợp hơn với từng giai đoạn phát triển của doanh nghiệp, khai thác tối đa sức mạnh nguồn nhân lực.

2. THƯƠNG HIỆU MẠNH, UY TÍN ĐƯỢC ĐỒNG ĐÀO NGƯỜI TIÊU DÙNG TIN TƯỞNG

Là doanh nghiệp trang sức dẫn đầu tại Việt Nam, công ty nhiều năm liền đạt danh hiệu hàng Việt Nam chất lượng cao, giải thưởng thương hiệu mạnh, được Chính Phủ công nhận là Thương hiệu quốc gia. Không dừng lại ở đó, PNJ đang dần khẳng định vị thế thương hiệu của mình trên bản đồ khu vực và thế giới, vinh dự là 1 trong 3 doanh nghiệp Việt Nam được nhận giải thưởng “Chất lượng Châu Á- Thái Bình Dương” năm 2011 và liên tục có mặt trong bảng xếp hạng top 500 nhà bán lẻ hàng đầu Châu Á Thái Bình Dương.

Đặt uy tín, chất lượng sản phẩm và trách nhiệm đối với khách hàng là mục tiêu hàng đầu, PNJ đã tạo cho mình chỗ đứng vững chắc trong tâm trí người tiêu dùng, được khách hàng tin tưởng bình chọn là thương hiệu trang sức số 1 Việt Nam.

Các giải thưởng cao quý và sự tin tưởng của khách hàng là thành quả lớn lao cho quá trình lao động, cống hiến không mệt mỏi của toàn thể CBCNV công ty. Đây vừa là lợi thế vừa là nền tảng vững chắc cho chặng đường phát triển mới của công ty.

3. QUY MÔ SẢN XUẤT LỚN VỚI QUY TRÌNH SẢN XUẤT HIỆN ĐẠI HÀNG ĐẦU VIỆT NAM:

Là doanh nghiệp đi tiên phong trong việc áp dụng công nghệ hiện đại vào sản xuất nữ trang, thay thế cho phương pháp thủ công truyền thống.

Sớm nhận ra tầm quan trọng của công nghệ, PNJ chủ động tự nghiên cứu và học hỏi kinh nghiệm từ các cường quốc về nữ trang như Thái Lan, Ấn Độ, Hongkong, Đức,... Quy trình sản xuất công nghiệp hóa dần hoàn thiện đã đem lại lợi thế vượt trội cho PNJ. Chất lượng ổn định, kiểu dáng đa dạng, sắc sảo, tinh tế, tạo sự khác biệt so với các sản phẩm hiện hữu trên thị trường. Bên cạnh đó tỷ lệ hao hụt thấp và được kiểm soát chặt chẽ đã góp phần làm tăng lợi nhuận cho công ty.

Hệ thống sản xuất nhanh chóng được mở rộng, mang lại nhiều lợi thế về quy mô cho công ty. Hiện nay với công suất 4 triệu sản phẩm/ năm, PNJ là công ty có quy mô sản xuất nữ trang lớn nhất nước, bỏ xa các đối thủ trong ngành và nằm trong top các công ty sản xuất nữ trang hàng đầu trên thế giới. Không chỉ đảm bảo nhu cầu kinh doanh ngày càng tăng tại thị trường trong nước, xí nghiệp nữ trang còn được các khách hàng lớn trên thế giới tin tưởng đặt sản xuất với số lượng lớn và chất lượng tinh xảo theo chuẩn quốc tế.

4. HỆ THỐNG PHÂN PHỐI HIỆU QUẢ VÀ RỘNG KHẮP:

PNJ không chỉ là doanh nghiệp bán lẻ nữ trang hàng đầu mà còn là 1 trong 3 doanh nghiệp bán lẻ lớn nhất Việt Nam hiện nay.

Không chỉ tăng nhanh về số lượng, các cửa hàng mới nhanh chóng đạt mức doanh thu kỳ vọng và hoạt động hiệu quả. 100% cửa hàng mở mới trong các năm gần đây đạt mức hòa vốn chỉ sau chưa đầy 1 năm hoạt động. Đến cuối năm 2012, PNJ có 167 cửa hàng trên khắp cả nước và dự định sẽ tăng gấp đôi diện tích bán lẻ trong vòng 5 năm nhằm đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của khách hàng.

Việc duy trì những lợi thế sẵn có kết hợp với tinh thần không ngừng học hỏi, phát triển chính là sức mạnh đưa PNJ chinh phục những tầm cao mới trong tương lai.

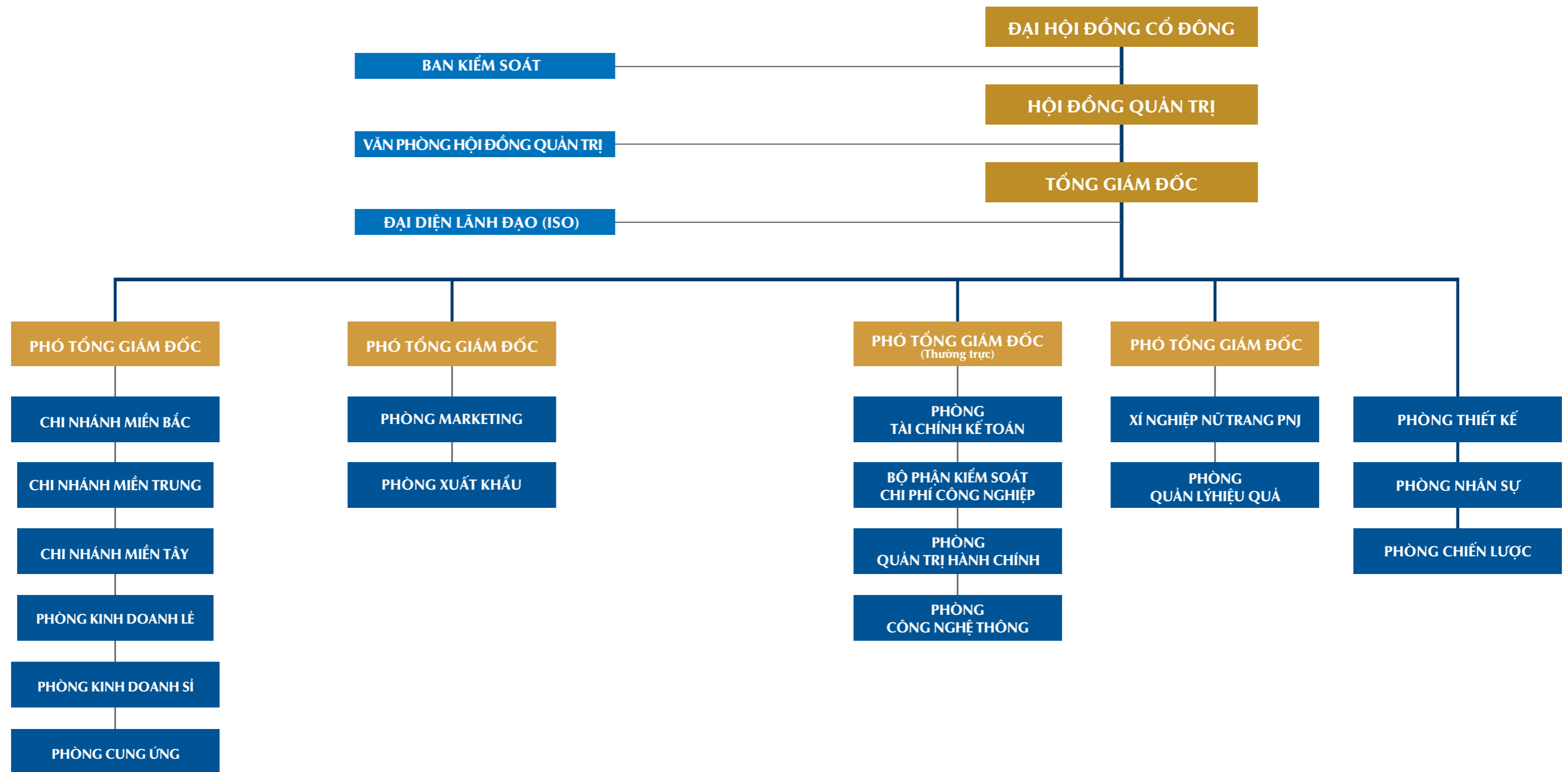
“ Qua 25 năm xây dựng và phát triển, trải qua không ít khó khăn, nhưng với quyết tâm và định hướng đúng đắn, những gì PNJ đạt được ngày hôm nay là niềm tự hào của toàn thể ban lãnh đạo và CBCNV công ty ”

CHẤT LƯỢNG

Cơ sở vững chắc đảm bảo sự sống còn

Luôn mang đến những sản phẩm và dịch vụ chất lượng với khát vọng tôn vinh giá trị đích thực của cuộc sống.





MÔ HÌNH QUẢN TRỊ

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Bà CAO THỊ NGỌC DUNG
CHỦ TỊCH HĐQT

Năm sinh : 1957
Quốc tịch : Việt Nam

Trình độ chuyên môn
Cử nhân Kinh tế thương nghiệp, ĐH
Kinh tế TP.Hồ Chí Minh

QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC

1984 - 1985: Phó phòng Kế hoạch
Công ty Thương nghiệp Tổng hợp
Phú Nhuận

1985 - 1987: Trưởng Phòng Kế hoạch
Công ty Nông sản thực phẩm Quận
Phú Nhuận

1988 - 2003: Giám Đốc Công ty Vàng
bạc Đá quý Phú Nhuận

1990: Giám Đốc Trung tâm Tín dụng
Phú Gia

1991 - 1992: Giám Đốc Công ty
Thương mại Phú Nhuận

1992 - 1997: Chủ tịch HĐQT Ngân
Hàng TMCP Đông Á

2003 - nay: Chủ tịch HĐQT Công ty
CP Địa ốc Đông Á

2004 - nay: Chủ tịch HĐQT kiêm
Tổng Giám Đốc Công ty CP Vàng bạc
Đá quý Phú Nhuận

2005 - 2011: Chủ tịch HĐQT Công Ty
CP Năng lượng Đại Việt



Ông NGUYỄN VŨ PHAN
PHÓ CHỦ TỊCH HĐQT

Năm sinh : 1956
Quốc tịch : Việt Nam

Trình độ chuyên môn
Thạc sĩ Quản trị kinh doanh, ĐH
Bách khoa TP.Hồ Chí Minh
Kỹ sư rèn dập - chế tạo máy, ĐH Bách
khoa HN

QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC

1978 - 1985: Trưởng Ban Công
nghệ Xí nghiệp Caric

1985 - 1987: Chuyên viên Kỹ thuật
Công ty Thiết bị toàn bộ (Sở Công
nghiệp TP. HCM)

1987 - 1996: Chuyên viên Kỹ thuật
Công ty Công nghệ mới (COTEC),
Phân viện KHVN tại TP.Hồ Chí
Minh

1996 - 1999: Phó Giám đốc Xí
nghiệp may Công ty Sản xuất - Xuất
nhập khẩu Bình Dương

1999 - 2003: Phó Giám Đốc Công
ty Vàng Bạc Đá Quý Phú Nhuận

2004 - nay: Phó Chủ tịch HĐQT
kiêm Phó Tổng Giám Đốc Công
ty Cổ phần Vàng Bạc Đá Quý Phú
Nhuận

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Bà NGUYỄN THỊ CÚC
ỦY VIÊN HĐQT

Năm sinh : 1960
Quốc tịch : Việt Nam

Trình độ chuyên môn:

Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh, ĐH Kinh tế TP.Hồ Chí Minh

QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC

1983 - 1988: Chuyên viên Phòng Thống kê - Kế hoạch Quận Phú Nhuận

1988 - 1995: Kế toán trưởng Công ty Vàng Bạc Đá Quý Phú Nhuận

1996 - 2003: Phó Giám Đốc Công ty Vàng Bạc Đá Quý Phú Nhuận

2007 - nay: Trưởng Ban Kiểm Soát Ngân hàng TMCP Đông Á

2004 - nay: Ủy viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc thường trực Công ty Cổ Phần Vàng Bạc Đá Quý Phú Nhuận



Ông NGUYỄN TUẤN QUỲNH
ỦY VIÊN HĐQT

Năm sinh : 1972
Quốc tịch : Việt Nam

Trình độ chuyên môn:

Tiến Sỹ Quản trị kinh doanh, Paramount University Thạc Sỹ Quản trị kinh doanh, ĐH Mở bán công TP.Hồ Chí Minh

Cử nhân Quản trị kinh doanh, ĐH Kinh tế TP.Hồ Chí Minh

QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC

1994 - 2005: Trợ lý TGD, Phó phòng Kinh doanh Gas Saigon Petro

Ủy viên Hội Quản Trị Công ty Cổ Phần Dầu Khí Saigon Phú Yên.

Ủy viên Hội Quản Trị Công ty Cổ Phần Dầu Khí Saigon Nghệ An.

2005 - 2007: Phó Tổng Giám đốc Saigon Gas

2007 - 2011: Phó Chủ tịch HĐQT Công ty CP Năng lượng Đại Việt

2007 - 2010: Chủ Tịch HĐQT Công ty Bình Khí Đốt Hong Vina

2007 - 2012: Phó Tổng Giám đốc CTCP Vàng Bạc Đá Quý Phú Nhuận

2007 - nay: Chủ tịch HĐQT CTCP Đầu tư và Đào tạo Doanh Chủ

2008 - nay: Chủ tịch HĐQT Công ty CP Nhiên liệu Sài Gòn SFC



Ông ANDY HO
ỦY VIÊN HĐQT

Năm sinh : 1972
Quốc tịch : Mỹ

Trình độ chuyên môn:

Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh, Cao học MIT (Mỹ)

Cử nhân Kế toán, ĐH Colorado (Mỹ)

QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC

2000 - 2004: Giám đốc Đầu tư Dell Computer Corp (Mỹ)

2004 - 2007: Giám đốc Đầu tư Công ty Quản lý quỹ Prudential

2007 - nay: Trưởng đại diện VPĐD VinaCapital



Bà PHẠM VŨ THANH GIANG
ỦY VIÊN HĐQT

Năm sinh : 1983
Quốc tịch : Việt Nam

Trình độ chuyên môn:

Thạc sỹ Tài chính Ngân hàng, University of Applied Sciences North-western Switzerland

Cử nhân Tài chính Ngân hàng, ĐH Ngân hàng TP.Hồ Chí Minh

QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC

2005 - 2006: Nhân viên Aon Việt Nam

2007 - nay: Trưởng phòng Mekong Capital



Bà NGUYỄN THỊ BÍCH HÀ
ỦY VIÊN HĐQT

Năm sinh : 1969
Quốc tịch : Việt Nam

Trình độ chuyên môn:

Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh, Vanderbilt University USA

Chứng chỉ Kinh tế học ứng dụng vào phân tích chính sách, Chương trình Fulbright VN

Cử nhân Kinh tế ngoại thương, ĐH Kinh tế TP.HCM

QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC

1992 - 1999: Trưởng phòng Kinh doanh Chi nhánh TP.HCM Công ty XNK Phú Yên

2001 - 2008: Phó Tổng Giám Đốc Ngân hàng TMCP Đông Á

2006 - 2009: Cố vấn, thành viên HĐQT của Doanh nghiệp Phát triển Cộng Đồng Bình Minh

2010 - nay: Cố vấn cao cấp của Trường Đào tạo Quản lý doanh nghiệp CBAM

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC



Bà CAO THỊ NGỌC DUNG
TỔNG GIÁM ĐỐC

Năm sinh : 1957
Quốc tịch : Việt Nam

Trình độ chuyên môn

Cử nhân Kinh tế thương nghiệp,
ĐH Kinh tế TP.Hồ Chí Minh

QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC

1984 - 1985: Phó phòng Kế hoạch Công ty Thương nghiệp Tổng hợp Phú Nhuận

1985 - 1987: Trưởng Phòng Kế hoạch Công ty Nông sản thực phẩm Quận Phú Nhuận

1988 - 2003: Giám Đốc Công ty Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận

Năm 1990: Giám Đốc Trung tâm Tín dụng Phú Gia

1991 - 1992: Giám Đốc Công ty Thương mại Phú Nhuận

1992 - 1997: Chủ tịch HĐQT Ngân Hàng TMCP Đông Á

2003 - nay: Chủ tịch HĐQT Công ty CP Địa ốc Đông Á

2004 - nay: Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng Giám Đốc Công ty CP Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận

2005 - 2011: Chủ tịch HĐQT Công Ty CP Năng lượng Đại Việt



Ông NGUYỄN VŨ PHAN
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Năm sinh : 1956
Quốc tịch : Việt Nam

Trình độ chuyên môn

Thạc sĩ Quản trị kinh doanh, ĐH Bách khoa TP.Hồ Chí Minh

Kỹ sư rèn dập - chế tạo máy, ĐH Bách khoa Hà Nội

QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC

1978 - 1985: Trưởng Ban Công nghệ Xí nghiệp Caric

1985 - 1987: Chuyên viên Kỹ thuật Công ty Thiết bị toàn bộ (Sở Công nghiệp TP. HCM)

1987 - 1996: Chuyên viên Kỹ thuật Công ty Công nghệ mới (COTEC), Phân viện KHVN tại TP.HCM

1996 - 1999: Phó Giám đốc Xí nghiệp may Công ty Sản xuất - Xuất nhập khẩu Bình Dương

1999 - 2003: Phó Giám Đốc Công ty Vàng Bạc Đá Quý Phú Nhuận

2004 - nay: Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Phó Tổng Giám Đốc Công ty Cổ phần Vàng Bạc Đá Quý Phú Nhuận

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC



Bà NGUYỄN THỊ CÚC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Năm sinh : 1960
Quốc tịch : Việt Nam

Trình độ chuyên môn

Thạc sỹ Quản trị Kinh doanh, ĐH Kinh tế TP.Hồ Chí Minh

QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC

1983 - 1988: Chuyên viên Phòng Thống kê - Kế hoạch Quận Phú Nhuận
1988 - 1995: Kế toán trưởng Công ty Vàng Bạc Đá Quý Phú Nhuận
1996 - 2003: Phó Giám Đốc Công ty Vàng Bạc Đá Quý Phú Nhuận
2007 - nay: Trưởng Ban Kiểm Soát Ngân hàng TMCP Đông Á
2004 - nay: Ủy viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc thường trực Công ty Cổ Phần Vàng Bạc Đá Quý Phú Nhuận



Bà PHẠM THỊ MỸ HẠNH
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Ngày sinh: 1970
Quốc tịch: Việt Nam

Trình độ chuyên môn

Thạc sỹ Quản trị kinh doanh Cử nhân ngoại ngữ

QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC

1993 - 1994: Nhân viên Phòng Kinh Doanh Công ty Vàng Bạc Đá Quý Phú Nhuận
1994 - 1995: Thư ký - Công ty TOBA Investment
1995 - 2003: Nhân viên kinh doanh, Thư ký Giám đốc, Phó Phòng Nghiên cứu - Tiếp thị, Trưởng Phòng Nghiên cứu - Tiếp thị PNJ.
2004 - 2009: Giám đốc Phòng Nghiên cứu - Tiếp thị, Giám đốc Phòng Quản lý hệ thống CAO
2009 - 2011: Giám đốc Công ty TNHH MTV Thời trang CAO
2012 - nay: Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận - PNJ.



Ông LÊ HỮU HẠNH
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Năm sinh : 1963
Quốc tịch : Việt Nam

Trình độ chuyên môn

Cử nhân ngành Hoá học, Đại học Bách Khoa TP.Hồ Chí Minh
Chuyên gia kiểm định Kim cương, Đá quý

QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC

1983 - 1988: Nhân viên kỹ thuật Công ty in số 4
1988-1992: Nhân viên kinh doanh Công ty Dịch vụ Tổng hợp Quận Gò Vấp
1992- 2003: Nhân viên kinh doanh, Giám đốc Chi nhánh PNJ Hà Nội, Phó Phòng Kinh doanh, Trưởng Phòng Kinh doanh Công ty Cổ phần Vàng Bạc Đá Quý Phú Nhuận
2004 - nay: Phó Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Vàng Bạc Đá quý Phú Nhuận

BAN KIỂM SOÁT



Ông PHẠM VĂN TÂN
TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT

Năm sinh : 1960
Quốc tịch : Việt Nam

Trình độ chuyên môn

Cử nhân Kinh tế Thương nghiệp, ĐH Kinh tế TP.HCM
Cử nhân Kinh tế Chính trị, Học viện Chính trị Quốc gia TP.HCM - Phân viện Báo chí và Tuyên truyền

QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC

1982 - 1989: Trợ lý Giáo vụ và Giảng dạy Trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh
1989 - 1992: Phụ trách Kinh doanh, Hành chính Xí nghiệp Vàng bạc Đá quý SJC
1992 - 2010: Trưởng phòng, Giám đốc Chi nhánh, Phó Tổng Giám đốc Ngân hàng TMCP Đông Á
2010 - 2012: Cố vấn HĐQT Công ty CP Mạng truyền thông Quốc tế Toàn cầu (Công ty INCOMNET)



Ông TRẦN VĂN DÂN
THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

Năm sinh : 1974
Quốc tịch : Việt Nam

Trình độ chuyên môn

Cử nhân Kế toán, ĐH Thương mại
Cử nhân Quản trị kinh doanh, ĐH Kỹ thuật công nghệ TP.HCM
Chứng chỉ kế toán trưởng, ĐH Quốc gia TP.HCM

QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC

1997 - nay: Đã trải qua các chức danh sau tại Công ty Vàng Bạc Đá Quý Phú Nhuận - PNJ:
Công nhân trực tiếp sản xuất
Trưởng BP Chất lượng
Phó phòng Quản trị Chất lượng
Trưởng P.Quản trị chất lượng
Phó GD xí nghiệp nữ trang PNJ
Phó phòng Quản lý sản xuất xí nghiệp nữ trang PNJ
Phó phòng Kỹ thuật chất lượng xí nghiệp nữ trang PNJ
Trưởng phòng Kỹ thuật Chế tác nữ trang - xí nghiệp nữ trang PNJ



Bà NGUYỄN NGỌC HUỆ
THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

Năm sinh : 1965
Quốc tịch : Việt Nam

Trình độ chuyên môn

Cử nhân Tài chính thương nghiệp, ĐH Tài chính kế toán TP.HCM
Giấy chứng nhận Kế toán - Tài vụ XNK, Trường Kinh tế Đối ngoại
Giấy chứng nhận lớp Bồi dưỡng kế toán trưởng, Bộ Tài chính

QUÁ TRÌNH CÔNG TÁC

1988 - 1991: Kế toán Tổng hợp Công ty CODIMEX TP. Vũng Tàu
1991 - 1994: Kế toán trưởng Khách sạn CANADIAN TP. Vũng Tàu
1994 - 1997: Kế toán trưởng Công ty Giao châu TP. Vũng Tàu
1997 - 1998: Kế toán Tổng hợp Công ty DUHACO TP.HCM
1998 - 1999: Kế toán trưởng Công ty COMPUNET TP.HCM
2000 - 2010: Trưởng Bộ phận Kế toán Thanh toán Công ty PNJ
2011 - nay: Kế toán trưởng Công ty TNHH MTV Giám định PNJ

TÌNH HÌNH CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

THÔNG TIN

Tên chứng khoán	:	Cổ phiếu Công ty Cổ phần Vàng Bạc Đá Quý Phú Nhuận
Mã chứng khoán	:	PNJ
Tổng số cổ phần	:	71.997.835 cổ phần
Loại cổ phần lưu hành	:	Cổ phần phổ thông

1. CƠ CẤU SỞ HỮU VỐN THEO TỶ LỆ SỞ HỮU VỐN:

Đvt: 1.000 đồng

Danh mục	Cổ đông trong nước		Cổ đông nước ngoài		Tổng cộng	
	Giá trị	Tỷ lệ (%)	Giá trị	Tỷ lệ (%)	Giá trị	Tỷ lệ (%)
Tổng vốn đầu tư chủ sở hữu	367.189.010	51,00	352.789.340	49,00	719.978.350	100,00
Cổ đông Nhà nước	0	0,00	0	0,00	0	0,00
Cổ đông sáng lập	0	0,00	0	0,00	0	0,00
Cổ đông sở hữu trên 5% cổ phiếu	73.067.040	10,15	49.667.860	6,90	122.734.900	17,05
Cổ đông sở hữu từ 1% - dưới 5% cổ phiếu	108.978.260	15,14	251.251.200	30,86	360.229.460	50,03
Cổ đông sở hữu dưới 1% cổ phiếu	185.136.620	25,71	51.870.280	8,93	237.006.900	32,92
Cổ phiếu quỹ	7.090	0,00	0	0,00	7.090	0,00

2. DANH SÁCH CỔ ĐÔNG NẮM GIỮ TỪ 5% TRÊN VỐN ĐIỀU LỆ:

STT	Cổ đông	Địa chỉ	Số cổ phần	Tỷ lệ nắm giữ (%)
1	Cao Thị Ngọc Dung	82/138 Lý Chính Thắng, P.8, Q.3, Tp.HCM	7.306.704	10,15
2	Vietnam Azalea Fund Limited	Tầng 8, tòa nhà Capital Palace, số 6 Thái Văn Lung, Q.1, Tp.HCM	4.966.786	6,90
TỔNG CỘNG			12.273.490	17,05

3. CÁC ĐỢT TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ TRONG NĂM 2012:

- Niêm yết và giao dịch cổ phiếu phát hành thêm (theo Quyết định số 149/2012/QĐ-SGDHCM ngày 01/10/2012 của Sở Giao dịch chứng khoán TP.HCM) tại Sở Giao dịch chứng khoán TP.HCM:

• Loại chứng khoán	:	Cổ phiếu phổ thông
• Mã chứng khoán	:	PNJ
• Mệnh giá	:	10.000 đồng
• Số lượng	:	11.998.693 cổ phiếu
• Tổng giá trị chứng khoán niêm yết	:	119.986.930.000 đồng
• Ngày niêm yết có hiệu lực	:	03/10/2012
• Ngày chính thức giao dịch	:	09/10/2012

- Thay đổi vốn điều lệ:

• Vốn điều lệ trước khi thay đổi	:	599.991.420.000 đồng
• Vốn điều lệ sau khi thay đổi	:	719.978.350.000 đồng



QUAN HỆ NHÀ ĐẦU TƯ



Ban quan hệ nhà đầu tư PNJ đã tổ chức đón tiếp hơn 80 nhà đầu tư trong và ngoài nước đến thăm và làm việc tại trụ sở PNJ trong năm 2012. Ngoài ra công ty cũng tham dự các hội thảo lớn quy tụ nhiều nhà đầu tư do CTCK Bản Việt, Quỹ đầu tư Dragon Capital, CTCK SSI, CTCK Kim Eng tổ chức.

HƠN **80**
NHÀ ĐẦU TƯ TRONG & NGOÀI
NƯỚC THĂM và LÀM VIỆC tại PNJ

So với năm 2011, năm 2012 hoạt động IR đã được công ty đầu tư bài bản hơn.

- Trong năm Công ty đã bổ sung nhân sự chuyên trách cho ban quan hệ NĐT.
- Cập nhật các tin tức về thay đổi trong hoạt động của công ty thông qua email, thông cáo báo chí, website.
- Hoàn chỉnh kế hoạch hoạt động IR cho năm 2013.

Nhờ định hướng về đảm bảo tính minh bạch và kịp thời trong công bố thông tin, hoạt động IR đã xây dựng bức tranh toàn diện hơn về tình hình hoạt động của PNJ đến các NĐT.

Trong tương lai công ty sẽ tổ chức nhiều hơn nữa các hoạt động kết nối với NĐT nhằm tăng hiệu quả của công tác quan hệ NĐT.

HOẠT ĐỘNG QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

I. BÁO CÁO KIỂM SOÁT HOẠT ĐỘNG CÔNG TY

Trong năm 2012, Ban kiểm soát đã thực hiện chức năng kiểm soát các hoạt động trong phạm vi và trách nhiệm theo kế hoạch đề ra, kết quả khái quát như sau:

1. HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

- HĐQT đã triển khai đầy đủ các vấn đề nêu trong NQ ĐHCĐ năm 2012. Các mục tiêu lớn của nhiệm kỳ đã được HĐQT đề ra các chiến lược để thực thi.
- HĐQT đã nhận định khá chính xác diễn biến thị trường khi đưa ra các chỉ tiêu quan trọng phải thực hiện trong năm 2012, chỉ đạo và hỗ trợ tốt cho Ban tổng giám đốc trong hoạt động kinh doanh mang lại lợi ích cao nhất cho PNJ trong tình hình thị trường diễn biến nhanh và phức tạp.
- Tất cả các NQ của HĐQT được ban hành sát với thực tiễn và dự báo, BTGD đã triển khai thực hiện được nhiều thuận lợi, phù hợp nội tại của PNJ và sự tác động của môi trường bên ngoài PNJ.
- Lợi ích của PNJ và cổ đông luôn là mục tiêu thường trực của HĐQT. HĐQT đã hoạt động với sự phân công/ phân nhiệm cụ thể đến từng cá nhân thành viên HĐQT.
- Từng thành viên HĐQT thể hiện tinh thần, tâm huyết và thái độ trách nhiệm rất cao vì PNJ. HĐQT tiến hành mọi công tác trong tuân thủ nghiêm điều lệ, các quy chế của PNJ và pháp luật.

2. HOẠT ĐỘNG BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Trong năm 2012 BTGD PNJ đã thực hiện đầy đủ và nghiêm túc các NQĐHCĐ, NQ của HĐQT, chủ động thực hiện tái cấu trúc doanh nghiệp nhanh và hiệu quả với trọng tâm là đưa PNJ phát triển trường tồn.

a. Về hoạt động hành chính - Nhân sự

- BTGD công ty chú trọng trong việc thúc đẩy sự phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, quy hoạch và thử thách nhân sự chủ chốt có đủ năng lực và làm việc lâu dài cho công ty, quyết tâm triển khai dự án xây dựng tiêu chuẩn đánh giá nhân sự bằng cách thiết lập KPIs (với sự tư vấn của Hay group).
- Hoạt động đào tạo, tăng cường nhận thức các giá trị cốt lõi của PNJ mang lại những tác động tích cực cho con người và PNJ. Các nhân sự chủ chốt thiếu hụt đã được tuyển dụng và đào tạo phù hợp với nhu cầu phát triển.
- Quản trị tốt các dự án đầu tư xây dựng và sửa chữa nhà xưởng, cửa hàng, đáp ứng kịp thời hoạt động sản xuất - kinh doanh, đảm bảo tiết kiệm chi phí đầu tư và an toàn.

b. Về hoạt động sản xuất

- Đưa vào khai thác nhà máy sản xuất trang sức hiện đại có quy mô lớn. Sắp xếp logic các chuyên sản xuất ứng dụng kỹ thuật – công nghệ mới. Xây dựng phương pháp kế hoạch – điều độ sản xuất tiên tiến, rút ngắn chu kỳ sản xuất, phòng ngừa hiệu quả các rủi ro tiềm ẩn.

- Nâng cao hiệu quả quản lý chi phí giá thành sản xuất, nỗ lực giảm chi phí hao hụt góp phần giảm chi phí giá thành, nâng cao khả năng cạnh tranh của sản phẩm.

c. Về hoạt động kinh doanh

- Phát triển mạng lưới cửa hàng một cách thận trọng trên cơ sở thẩm định kỹ lưỡng. Nâng cao chất lượng phục vụ khách hàng. Thực hiện thành công những giải pháp quản lý hàng dự trữ và trung bày, Phát triển mạnh mẽ kênh bán sỉ. Thực hiện điều hành giá bán linh hoạt và phòng ngừa được rủi ro.

- Chuyên nghiệp trong quản lý và phát triển thương hiệu. Phân cấp sản phẩm gắn liền với nhân hàng, bước đầu dẫn dắt xu hướng nhu cầu trang sức của khách hàng trong nước.

d. Về hoạt động kế toán - tài chính và đầu tư

- Tình hình tài chính của PNJ là lành mạnh, phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, tuân thủ đầy đủ pháp luật kế toán Việt Nam cũng như điều lệ và các quy định của PNJ.
- Hoạt động kiểm soát nội bộ và kiểm toán độc lập thực hiện nghiêm túc và khách quan, báo cáo hoặc thư kiểm toán phản ánh đúng thực trạng tình hình tài chính của công ty.
- Quản trị chặt chẽ các khoản đầu tư tài chính. Việc thoái vốn đầu tư tại Công ty Năng lượng Đại Việt mang về khoản lợi nhuận 40 tỷ 250 triệu đồng cho PNJ. Các khoản trích lập dự phòng tương ứng với tình hình thị trường.

3. KẾ HOẠCH HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NĂM 2013

Thực hiện trách nhiệm của BKS trước cổ đông và công ty, để hoàn thành nhiệm vụ kiểm soát theo luật định, theo Điều lệ công ty và Quy chế hoạt động của BKS, BKS dự kiến kế hoạch hoạt động năm 2013 như sau:

- Duy trì việc giám sát tình hình tài chính công ty, tính hợp pháp trong các hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban tổng giám đốc và cán bộ quản lý khác. Giám sát sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, thành viên Ban tổng giám đốc và cổ đông.
- Giám sát tình hình và kết quả triển khai NQ ĐHCĐ, NQ và các quyết định, chỉ thị khác của HĐQT. Giám sát thực hiện các quy chế, quy định khác của PNJ.
- Thực hiện các chức năng, nhiệm vụ khác theo quy định của luật pháp và các quy định riêng của PNJ.

HOẠT ĐỘNG QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

II. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC, BAN KIỂM SOÁT

- Ngày 14/04/2012, Đại hội đồng cổ đông thường niên 2012 đã bầu ra Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 3 (2012-2017) với các thành viên như sau:

1. Bà Cao Thị Ngọc Dung	Chủ tịch Hội đồng quản trị	
2. Ông Nguyễn Vũ Phan	Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị	
3. Bà Nguyễn Thị Cúc	Ủy viên Hội đồng quản trị	
4. Ông Nguyễn Tuấn Quỳnh	Ủy viên Hội đồng quản trị	Bổ sung mới
5. Bà Nguyễn Thị Bích Hà	Ủy viên Hội đồng quản trị	Bổ sung mới
6. Bà Phạm Vũ Thanh Giang	Ủy viên Hội đồng quản trị	Bổ sung mới
7. Ông Ho An T (Andy Ho)	Ủy viên Hội đồng quản trị	Bổ sung mới

- Ngày 14/04/2012, Đại hội đồng cổ đông thường niên 2012 đã bầu ra Ban kiểm soát nhiệm kỳ 3 (2012-2017) với các thành viên như sau:

1. Ông Phạm Văn Tân	Trưởng Ban kiểm soát	Bổ sung mới
2. Ông Trần Văn Dân	Thành viên Ban kiểm soát	
3. Bà Nguyễn Ngọc Huệ	Thành viên Ban kiểm soát	Bổ sung mới

- Ngày 26/03/2012, Hội đồng quản trị thông qua việc bổ nhiệm bà Phạm Thị Mỹ Hạnh làm Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Vàng Bạc Đá Quý Phú Nhuận kể từ ngày 01/04/2012.

- Ngày 20/07/2012, Hội đồng quản trị thông qua đơn xin từ nhiệm chức danh Phó Tổng Giám đốc của ông Nguyễn Tuấn Quỳnh.

- Kể từ ngày 14/04/2012, các thành viên sau đây không còn là thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát do hết nhiệm kỳ hoạt động (nhiệm kỳ 2)

1. Ông Bùi Việt	Ủy viên HĐQT nhiệm kỳ 2
2. Bà Nguyễn Thị Ngo	Ủy viên HĐQT nhiệm kỳ 2
3. Bà Trương Nguyễn Thiên Kim	Trưởng ban kiểm soát nhiệm kỳ 2
4. Ông Võ Như Tố	Thành viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2

III. GIAO DỊCH CỦA CỔ ĐÔNG NỘI BỘ VÀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN:

1. GIAO DỊCH CỔ PHIẾU:

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với cổ đông nội bộ /cổ đông lớn	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1	Công ty TNHH MTV Chứng khoán Ngân hàng Đông Á	Người có liên quan thành viên HĐQT (ông Bùi Việt)	284		850.284	1,41%	Mua
2	Công ty TNHH Quản lý quỹ đầu tư chứng khoán Đông Á	Người có liên quan thành viên HĐQT (ông Bùi Việt)	1.147.254	1,91%	847.254	1,41%	Mua và Bán
3	Deutsche Bank Aktiengesellschaft và Deutsche Asset Management	Nhóm cổ đông lớn	3.132.280	5,22%	2.975.290	4,96%	Mua và Bán
4	Route One Investment Company (gồm: Quỹ Route One Fund I L.P., Quỹ Route One Fund II L.P. và Quỹ Route One Offshore Master Fund L.P.)	Nhóm cổ đông lớn	0		3.655.010	6,09%	Mua

HOẠT ĐỘNG QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

2. CÁC GIAO DỊCH KHÁC:

Các giao dịch của cổ đông nội bộ/ cổ đông lớn và người liên quan với chính Công ty.

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với công ty	Nội dung giao dịch
1	Công ty TNHH MTV Chứng khoán Ngân hàng Đông Á	Người có liên quan của thành viên HĐQT	Hợp đồng tư vấn tổ chức Đại hội đồng thường niên năm 2012
2	Công ty Cổ phần Địa ốc Đông Á	Người có liên quan của thành viên HĐQT	Hợp đồng thương mại về xây dựng
3	Công ty Cổ phần Tư vấn và Quản lý dự án Tiêu chuẩn vàng	Người có liên quan của thành viên HĐQT	Hợp đồng thương mại về tư vấn giám sát công trình xây dựng
4	Công ty Cổ phần Trang trí nội thất Không gian vàng	Người có liên quan của thành viên HĐQT	Hợp đồng thương mại về trang trí nội thất

IV. LƯƠNG, THƯỞNG, THÙ LAO CỦA HĐQT, BKS

1. THÙ LAO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Chủ tịch Hội đồng quản trị	:	20.000.000 đồng/tháng
Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị	:	14.000.000 đồng/tháng
Ủy viên Hội đồng quản trị	:	10.000.000 đồng/tháng

2. THÙ LAO CỦA BAN KIỂM SOÁT

Trưởng Ban kiểm soát	:	8.000.000 đồng/tháng
Thành viên Ban kiểm soát	:	4.000.000 đồng/tháng

ĐỔI MỚI

Nền tảng của sự phát triển bền vững và trường tồn

Đổi mới là nền tảng sự phát triển bền vững và khẳng định những giá trị trường tồn của mỗi doanh nghiệp



ĐỔI MỚI ĐỂ LIÊN TỤC PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Với bản lĩnh của một doanh nghiệp được hình thành và phát triển không ngừng trong 25 năm qua, PNJ đã minh chứng rằng dưới sự tác động khắc nghiệt và sự thay đổi nhanh chóng không ngừng của môi trường bên ngoài, nếu doanh nghiệp có tầm nhìn dài hạn, có chiến lược phát triển đúng đắn và phù hợp, có kế hoạch hành động cụ thể và linh hoạt thì doanh nghiệp đó vẫn có thể phát triển và có những thành tích vượt trội.

Từ những ngày đầu được thành lập, PNJ đã xác lập một mục tiêu rõ ràng là trở thành nhà sản xuất và kinh doanh trang sức chuyên nghiệp hàng đầu tại Việt Nam. Trong những chặng đường chúng ta đã đi qua, có những giai đoạn kế hoạch hành động được điều chỉnh cho phù hợp với tình hình thực tế nhưng luôn bám sát tôn chỉ: lấy hoạt động sản xuất và kinh doanh trang sức làm năng lực cốt lõi. Năm 2012 là một năm bản lề quan trọng, đánh dấu một giai đoạn phát triển mới của công ty PNJ với tầm nhìn từ năm 2012- 2022 là “trở thành nhà sản xuất kinh doanh và bán lẻ hàng đầu trong tất cả các phân khúc thị trường mà PNJ tham gia”. Để biến tầm nhìn này thành hiện thực, dự án tái cấu trúc doanh nghiệp được thực hiện với sự tư vấn của công ty tư vấn chuyên nghiệp. Dự án được hoàn thành vào tháng 9 năm 2012 với những mục tiêu, kế hoạch hành động ưu tiên, kế hoạch trung và dài hạn được vạch ra cụ thể. PNJ bước vào giai đoạn tích cực đổi mới với những ưu tiên trên các phương diện: tái cơ cấu tổ chức, chính sách về nhân sự, cải tiến sản xuất, xây dựng hệ thống và ứng dụng công nghệ.

1. TÁI CƠ CẤU TỔ CHỨC

Chiến lược mới đòi hỏi một cơ cấu tổ chức mới phù hợp. Việc sắp xếp lại cơ cấu tổ chức bắt đầu từ việc xem xét và đánh giá toàn diện hệ thống quản trị điều hành hiện tại, phân chia lại các chức năng cho phù hợp với yêu cầu quản trị mới, bổ sung và thành lập các phòng ban chức năng mới để đảm bảo đủ nguồn lực cho việc thực thi chiến lược và kiểm soát quá trình được thực hiện liên tục.

Các hoạt động chức năng được phân chia hợp lý hơn như tách hoạt động bán sỉ và bán lẻ, tách hoạt động mua hàng và bán hàng, phân chia hoạt động bán lẻ theo 4 khu vực địa lý. Theo yêu cầu quản lý mới, các phòng chức năng mới được thành lập là phòng Quản trị Chiến lược và phòng Quản lý Hiệu quả. Mô hình quản trị mới cũng được xây dựng cho Xí nghiệp nữ trang, các quy trình sản xuất được thiết lập lại cho phù hợp với quy mô mới của xí nghiệp.

Xây dựng lại bảng mô tả công việc cho từng vị trí trong cơ cấu tổ chức mới, tiến tới quản trị và đánh giá kết quả thành tích (KPIs) cho từng chức danh công việc. Xây dựng chính sách lương, khung lương mới, cải tiến về các chính sách phúc lợi, đãi ngộ cho người lao động đảm bảo tính công bằng và hợp lý.

Ủy quyền cho các đơn vị nhằm nâng cao tinh thần trách nhiệm và tính chủ động trong công việc bằng cách mô tả cụ thể, rõ ràng chức năng nhiệm vụ và quyền hạn của các đơn vị trong tổ chức.



2. CÔNG TÁC NHÂN SỰ:

Xây dựng và phát triển đội ngũ

Một cơ cấu tổ chức mới đòi hỏi phải có người lãnh đạo đủ năng lực và đáp ứng tốt các yêu cầu công việc mà đơn vị mình phụ trách. Công ty đã đánh giá các vị trí quản lý cấp cao hiện tại để quyết định bổ nhiệm hay tuyển dụng mới, tìm kiếm những ứng viên có trình độ chuyên môn cao, có kỹ năng quản lý tốt, có thể đáp ứng được yêu cầu công việc theo mô hình quản trị mới.

Tổ chức các khóa đào tạo nâng cao kỹ năng chuyên môn, kỹ năng quản lý cho cán bộ quản lý cấp trung; các lớp đào tạo về kỹ năng và chuyên môn cho nhân viên bán hàng, công nhân sản xuất, tăng cường khả năng hoàn thành nhiệm vụ được giao.

Tổ chức các lớp đào tạo về kỹ năng tin học để sử dụng phần mềm quản lý (ERP) cho các nhân sự liên quan thuộc khối Kế toán và Kinh doanh.

Để nâng cao tinh thần, nhận thức của người lao động và hiệu quả hoạt động của các đơn vị, các khóa đào tạo nhận thức nội bộ được tổ chức thường xuyên. Thông qua các khóa đào tạo này, Ban Lãnh Đạo Công ty đã truyền tải đến cán bộ, nhân viên và lực lượng công nhân trực tiếp sản xuất các giá trị nhận thức, tầm nhìn, sứ mệnh của Công ty cũng như định hướng chiến lược của Công ty

VỚI HƠN
2.500
CÁN BỘ NHÂN VIÊN PNJ

ĐỔI MỚI ĐỂ LIÊN TỤC PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG



Xí nghiệp Nữ trang PNJ
CÔNG SUẤT CHẾ TÁC

4
Triệu

SẢN PHẨM / NĂM

3. NÂNG CAO NĂNG LỰC và TRÌNH ĐỘ SẢN XUẤT

Để đáp ứng được kế hoạch phát triển kinh doanh của mình, PNJ đã đầu tư một xí nghiệp sản xuất trang sức trị giá 120 tỷ với công suất lên đến 4 triệu sản phẩm/năm. Công trình đã hoàn tất và đưa vào hoạt động từ tháng 10 năm 2012. Mặt bằng sản xuất được quy hoạch và sắp xếp theo chuẩn hiện đại, theo đó cơ cấu tổ chức của đơn vị được thay đổi và mô hình quản lý mới cũng được áp dụng, phù hợp với việc vận hành một xí nghiệp kim hoàn có quy mô.

Xí nghiệp đã ứng dụng nhiều công nghệ mới trong sản xuất, gia tăng tỷ lệ công nghiệp hóa trong sản xuất nhằm đảm bảo chất lượng sản phẩm được đồng đều, năng suất lao động được nâng cao và giảm được giá thành sản xuất. Các quy trình sản xuất được cải tiến, các biện pháp để kiểm soát và giảm thiểu hao hụt trong quá trình sản xuất, giảm chi phí nhưng vẫn bảo đảm được chất lượng sản phẩm. Với những cải tiến đó, công ty có thể cung ứng nhiều sản phẩm tốt cho thị trường với giá cả cạnh tranh, giúp nâng cao lợi thế cạnh tranh cho doanh nghiệp.

4. CÔNG NGHỆ TIÊN TIẾN

a. Cải tiến quy trình

Các quy trình kỹ thuật trong sản xuất được cải tiến cho phù hợp với mô hình quản trị và quy mô mới của xí nghiệp.

Cải tiến, chỉnh sửa, bổ sung các quy trình nghiệp vụ phù hợp với cơ cấu tổ chức mới, tạo điều kiện thuận lợi cho việc phát triển các hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, đảm bảo tốt chất lượng sản phẩm và dịch vụ, nâng cao hiệu quả hoạt động.

b. Công nghệ thông tin

Quyết tâm khai thác tối ưu sức mạnh công nghệ thông tin, PNJ đã nhanh chóng nâng cấp cơ sở hạ tầng và đã đưa hệ thống ERP vào quản trị điều hành ở phân hệ Kế toán và Kinh doanh, giúp cho việc quản lý hàng hóa và điều hành nguồn vốn hiệu quả rõ rệt. Bên cạnh đó, phân hệ quản lý điều hành sản xuất đã bắt đầu triển khai từ cuối 2012, dự kiến hoàn tất và áp dụng chính thức vào quý 4 năm 2013.

Với sự hỗ trợ của công ty tư vấn chuyên nghiệp, Công ty PNJ đã hoàn tất việc xây dựng chiến lược phát triển công nghệ thông tin, lộ trình phát triển từ 2013-2017.



SÁNG TẠO

Sáng tạo không ngừng để thực thi sứ mệnh

Sáng tạo làm nên sự khác biệt vượt trội và lợi thế
cạnh tranh của PNJ trong hành trình chinh phục
những đỉnh cao mới



GIỚI THIỆU SẢN PHẨM DỊCH VỤ



NHÃN HIỆU | TRANG SỨC VÀNG PNJ

Chính thức có mặt tại thị trường Việt Nam từ năm 1989, nhãn hàng trang sức vàng **PNJ** đã khẳng định vị thế hàng đầu khi là thương hiệu tiên phong khai hóa cuộc cách mạng thời trang về lĩnh vực trang sức tại thị trường Việt Nam bằng những sản phẩm trang sức tinh tế, kiểu dáng đa dạng và chất lượng vượt trội.

Gần 25 năm hình thành và phát triển, nhãn hàng trang sức vàng **PNJ** luôn không ngừng sáng tạo để liên tục cho ra đời hàng trăm bộ sưu tập đa

dạng về chất liệu vàng, phong phú về chủng loại đá quý với những thiết kế đột phá mang tính tiên phong, góp phần tôn vinh vẻ đẹp, sự sang trọng và đẳng cấp của người tiêu dùng Việt. Những bộ sưu tập như Trang sức cưới **Hạnh Phúc Vàng**, **Trang sức ECZ - Excellent Cubic Ziconia**, **Trang sức Kim Cương**,... là minh chứng cho trình độ chế tác đỉnh cao, mang lại niềm tự hào và khẳng định sứ mệnh của nhãn hiệu trang sức vàng **PNJ** khi “đem lại niềm kiêu hãnh cho khách hàng bằng các sản phẩm trang sức tinh tế với chất lượng vượt trội”.



NHÃN HIỆU | TRANG SỨC PNJSILVER

Ra đời từ năm 2001, với chặng đường 13 năm sáng tạo và phát triển, **PNJSilver** luôn khẳng định vị trí dẫn đầu trên thị trường trang sức bạc cao cấp Việt Nam. Định hình phong cách trẻ trung và hiện đại, **PNJSilver** thường xuyên cho ra đời những bộ sưu tập mới cùng nhiều chương trình truyền thông tiếp thị hướng tới khách hàng trẻ với sứ mệnh mang lại vẻ đẹp hiện đại, khẳng định phong cách riêng và luôn là sự lựa chọn lý tưởng cho khách hàng khi làm quà tặng trong những dịp đặc biệt.

Hệ thống phân phối rộng khắp với 130 cửa hàng trên toàn quốc, **PNJSilver** đã và đang tiếp tục nỗ lực, sáng tạo không ngừng để hướng đến mục tiêu trở thành một biểu tượng thời trang cho khách hàng trẻ, được biết đến như một thương hiệu trang sức thời trang dẫn đầu với chất lượng vượt trội và giá cả phù hợp.



GIỚI THIỆU SẢN PHẨM DỊCH VỤ



NHÃN HIỆU | CAO FINE JEWELLERY

Được thành lập và phát triển từ năm 2005, **CAO Fine Jewellery** là nhãn hàng trang sức cao cấp đã đăng ký thương hiệu tại Việt Nam, USA, và Singapore. Là một trong những thương hiệu trang sức uy tín tại thị trường trong nước và quốc tế, **CAO Fine Jewellery** được giới sành điệu ưa chuộng bởi sự kết hợp giữa nét tinh tế của phương Tây và vẻ đẹp truyền thống Á Đông.

Tính độc đáo của các sản phẩm trang sức **CAO Fine Jewellery** được thể hiện qua chính khả năng thiết kế của đội ngũ chuyên gia tư vấn thiết kế giàu kinh nghiệm - những người luôn sẵn sàng biến các ý tưởng thành những tuyệt tác đích thực, phục vụ nhu cầu và sở thích riêng của mỗi người.

Sản phẩm của **CAO Fine Jewellery** đều được làm bằng vàng 18k cùng những viên kim cương trắng, kim cương màu, những viên đá quý, bán quý có màu sắc sống động - tất cả đều được đảm bảo về độ chiếu sáng cùng giác cắt mài tinh tế từ những tên tuổi hàng đầu trên thế giới trong lĩnh vực cắt mài đá quý như Antwerp hay trong lĩnh vực kiểm định như GIA...

Qua 7 năm thành lập và phát triển, **CAO Fine Jewellery** đã khẳng định được vị trí của mình trong phân khúc thị trường cao cấp và có thể cạnh tranh trực tiếp với các thương hiệu trang sức quốc tế đang hiện diện tại Việt Nam.



NHÃN HIỆU | TRANG SỨC JEMMA

JEMMA là nhãn hàng nữ trang và phụ kiện thời trang cao cấp thuộc Công ty Cổ phần Vàng Bạc Đá Quý Phú Nhuận - PNJ. Được thành lập và phát triển từ cuối năm 2002, với định hướng phát triển là một nhãn hàng trang sức phụ kiện thời trang cao cấp, **JEMMA** như một lựa chọn khác cho phụ nữ trẻ, đặc biệt là giới văn phòng có nhiều lựa chọn hơn trong việc làm mới mình, khẳng định cá tính bản thân.

Tất cả sản phẩm **JEMMA** đều được thiết kế bởi các nhà thiết kế Hàn Quốc và Italy dựa trên xu hướng thời trang mới nhất tại các trung tâm thời trang như Italy, Paris, Hàn Quốc và Hồng Kông. Sử dụng nguyên liệu cao cấp từ Ấn Độ, Hàn Quốc, Châu Phi... sản phẩm **JEMMA** được sản

xuất bởi quy trình công nghệ hiện đại, dưới một chế độ quản lý chất lượng cực kỳ nghiêm ngặt. Vì vậy, mỗi sản phẩm **JEMMA** không chỉ là những sản phẩm thời trang, phù hợp với xu hướng, mà còn là một sản phẩm biểu trưng của đẳng cấp và sự sang trọng.

JEMMA bao gồm hai dòng hàng chính là nữ trang và phụ kiện. Nữ trang **JEMMA** thành công là nhờ 2 yếu tố chính: đội ngũ thiết kế và công nghệ sản xuất từ Italy. Chính vì vậy, nữ trang **JEMMA** không chỉ tạo nên nét tươi trẻ, hiện đại, cá tính và phong cách, mà còn mang đậm dấu ấn của sự sang trọng, quý phái và luôn là niềm tự hào của người sở hữu.



TRÁCH NHIỆM

Đặt lợi ích khách hàng, xã hội vào lợi ích doanh nghiệp

Trách nhiệm trở thành khởi sự cho mọi hành động của PNJ. Chúng tôi trung thành với triết lý kinh doanh: Luôn đặt lợi ích khách hàng, lợi ích xã hội vào lợi ích doanh nghiệp.



CÁC THÀNH TỰU

NĂM 2012

- 1 | PNJ nhận giải thưởng Hàng Việt Nam Chất Lượng Cao 16 năm liên tiếp (13/03/2012)
- 2 | Tổ chức Plimsoll (Anh Quốc) xếp hạng PNJ là công ty sản xuất trang sức lớn thứ 3 thế giới năm 2012
- 3 | Chính phủ trao tặng giải thưởng Thương Hiệu Quốc Gia (12/2012)
- 4 | Khánh thành Trung Tâm Kim Hoàn lớn nhất hệ thống tại số 52A- 52B Nguyễn Văn Trỗi (12/01/2013)
- 5 | Báo cáo thường niên 2012 đạt TOP 50 báo cáo thường niên tốt nhất 2012 (7/2012)
- 6 | Bà Cao Thị Ngọc Dung- Tổng giám đốc PNJ nhận giải thưởng 50 Người tiên phong do VNExpress bình chọn (16/10/2012)
- 7 | PNJ là nhà tài trợ vương miện chính thức cho cuộc thi Hoa hậu Phụ nữ Việt Nam qua ảnh 2012 (12/2012)
- 8 | PNJ đạt TOP 50 doanh nghiệp kinh doanh hiệu quả nhất Việt Nam (19/06/2013)
- 9 | PNJ trở thành một trong 16 doanh nghiệp được NHNN cấp giấy phép kinh doanh vàng miếng (12/2012)
- 10 | PNJ nằm trong Top 500 Nhà bán lẻ hàng đầu châu Á - Thái Bình Dương do Tạp chí Retail Asia (Singapore) bình chọn.



TOP 50 Công ty kinh doanh hiệu quả nhất Việt Nam



Cúp THƯƠNG HIỆU QUỐC GIA



Top 500 nhà bán lẻ hàng đầu Châu Á - Thái Bình Dương

- 11 | Công đoàn PNJ được vinh dự đón nhận Huân chương lao động hạng 3
- 12 | Bà Cao Thị Ngọc Dung – TGD PNJ được trao tặng Huân chương Lao động Hạng nhất
- 13 | Bà Cao Thị Ngọc Dung – TGD PNJ là nữ doanh nhân duy nhất trong Top 5 doanh nhân được trao giải thưởng quốc tế Ernst & Young, bản lĩnh doanh nhân lập nghiệp
- 14 | PNJ đón nhận danh hiệu vàng chất lượng thương hiệu quốc gia 2011
- 15 | Được Chính phủ công nhận Thương hiệu Quốc gia 2010 – 2011
- 16 | Được người tiêu dùng bình chọn là thương hiệu trang sức số một HVNCLC do báo SGTTCông bố 2012
- 17 | PNJ là một trong ba doanh nghiệp VN nhận Giải thưởng Chất lượng Châu Á – Thái Bình Dương 2011
- 18 | Giải thưởng Top 500 nhà bán lẻ hàng đầu Châu Á Thái Bình Dương và nằm trong Top 3 doanh nghiệp bán lẻ hàng đầu Việt nam 2011
- 19 | Là doanh nghiệp kim hoàn duy nhất của Việt Nam được xếp thứ 16 trong top 500 công ty sản xuất và kinh doanh nữ trang lớn nhất thế giới do Plimsoll (Anh) công bố năm 2011
- 20 | PNJ đạt chứng nhận và cúp giải thưởng Top 50 Nhà bán lẻ hàng đầu Châu Á Thái Bình Dương
- 21 | PNJ đạt chứng nhận và cúp giải thưởng Chất lượng Việt Nam năm 2006, 2007
- 22 | PNJ đạt chứng nhận và cúp giải thưởng Thương hiệu mạnh năm 2006, 2007
- 23 | PNJ đạt chứng nhận và cúp giải thưởng Thương hiệu Việt Nam tốt nhất năm 2007



Cúp SAO VÀNG ĐẤT VIỆT

TRƯỚC NĂM 2012

- 24 | PNJ đạt chứng nhận và cúp giải thưởng Sao vàng Đất Việt năm 2003, 2005 và 2007
- 25 | PNJ đạt chứng nhận và cúp giải thưởng Hàng Việt Nam Chất lượng Cao – từ năm 1998 – 2008
- 26 | PNJ đạt chứng nhận và cúp Xác nhận kỷ lục Việt Nam “Doanh nghiệp đầu tiên đầu tư công nghệ sản xuất nữ trang hiện đại và quy mô nhất Việt Nam” – năm 2007
- 27 | PNJ đạt chứng nhận cúp vàng ISO 2007
- 28 | PNJ đạt chứng nhận ISO 9001:2000
- 29 | Chủ tịch nước trao tặng Huân chương Độc lập Hạng 3 (12/6/2008)
- 30 | Chủ tịch nước trao tặng Huân chương lao động Hạng nhất, Nhì và Ba (2003, 2000 và 1995)
- 31 | PNJ trở thành đơn vị dẫn đầu được trao tặng cờ thi đua của Chính phủ (2002)
- 32 | Thủ tướng Chính phủ trao tặng bằng khen: PNJ là đơn vị có thành tích nhiều năm liên được bình chọn đạt danh hiệu HVNCLC
- 33 | PNJ được UBND TP trao tặng cờ thi đua 20 năm xây dựng và phát triển (1988 - 2008)
- 34 | PNJ được Đảng Cộng sản Việt Nam trao tặng cờ thi đua “Tổ chức cơ sở Đảng vững mạnh” (1995 - 1999)
- 35 | PNJ được Liên đoàn lao động TP.HCM trao tặng cờ thi đua “Công Đoàn cơ sở vững mạnh xuất sắc” (2003)
- 36 | PNJ được BCH Trung Ương Đoàn Cộng sản Hồ Chí Minh trao tặng cơ sở Đoàn vững mạnh (1997 - 2001)



Giải thưởng CHẤT LƯỢNG CHÂU Á - THÁI BÌNH DƯƠNG

CAM KẾT MÔI TRƯỜNG VÀ PHÁT TRIỂN CỘNG ĐỒNG



PNJ HƯỚNG ĐẾN CỘNG ĐỒNG

VỚI TRIẾT LÝ KINH DOANH “ĐẶT LỢI ÍCH KHÁCH HÀNG, XÃ HỘI VÀO LỢI ÍCH CỦA DOANH NGHIỆP”

Với triết lý kinh doanh “Đặt lợi ích khách hàng, xã hội vào lợi ích của doanh nghiệp”, trong nhiều năm qua, bên cạnh các hoạt động sản xuất kinh doanh, PNJ luôn quan tâm và gắn kết sứ mạng vì cộng đồng thông qua nhiều chương trình ý nghĩa góp phần nâng cao trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp trong việc chăm lo cho thế hệ tương lai, các gia đình chính sách, những mảnh đời khó khăn, bất hạnh trong cuộc sống... Các hoạt động này được xây dựng và tổ chức trên nền tảng một trong 5 giá trị cốt lõi của PNJ là Trách nhiệm và đây được xem là khởi nguyên cho mọi hành động của PNJ, thể hiện nét đẹp truyền thống của người Việt Nam nói chung và văn hóa PNJ nói riêng.

VÌ THẾ HỆ TƯƠNG LAI

Nhận thức sâu sắc vai trò quan trọng của thế hệ trẻ - những chủ nhân tương lai của đất nước, PNJ luôn quan tâm hàng đầu đến việc chăm sóc và hỗ trợ cho sự phát triển của các tài năng trẻ. Trong suốt 13 năm

liên (2000 – 2013), PNJ đã tài trợ trên 2000 suất học bổng cho học sinh nghèo hiếu học của quận Phú Nhuận; PNJ cũng dành hàng trăm học bổng mỗi năm cho các trường trung học như học bổng Nguyễn Đức Cảnh, học bổng Trần Văn Ôn, học bổng Đại học Kinh tế; tài trợ chương trình học bổng dài hạn SFT (TBKTSG-PNJ), Quỹ học bổng DEF và quỹ giáo dục, chăm lo đời sống tinh thần cho công nhân nghèo do CLB DNHVNCLC thành lập; tham gia tích cực vào các chương trình hành động vì xã hội của các trường Đại học Kinh tế, Đại học Luật TP.HCM, Đại học RMIT... Bên cạnh đó, mỗi năm PNJ dành hàng trăm phần quà là tập, sách, cặp, nón, áo mưa... tặng các em học sinh nghèo ở các vùng sâu, vùng xa trên toàn quốc với mong muốn chăm sóc và hỗ trợ các em có được điều kiện học tập sinh hoạt tốt hơn, góp phần thực hiện nhiệm vụ giáo dục và bồi dưỡng những mầm non tương lai của đất nước.

HOẠT ĐỘNG XÃ HỘI MANG TÍNH CHIỀU SÂU

Là một trong những doanh nghiệp cộng đồng tiêu biểu, tiên phong trong việc thực hiện chủ trương phát triển kinh tế gắn liền với sự phát triển bền vững của cộng đồng- xã hội. Trong suốt những năm qua, PNJ luôn đi đầu trong công tác cứu trợ đồng bào gặp thiên tai, lũ lụt, chăm lo Tết cho người nghèo, tham gia tích cực vào các hoạt động về y tế như hiến máu nhân đạo, khám chữa bệnh cho người nghèo,

chăm sóc trẻ em nghệ khuyết tật, xây nhà tình thương và bảo vệ môi trường....

Bằng sự cảm thông sâu sắc đối với những hoàn cảnh kém may mắn trong xã hội, PNJ đã tổ chức nhiều hoạt động từ thiện thiết thực, giúp họ với bớt gánh nặng cả về vật chất và tinh thần trong cuộc sống. Hàng năm, rất nhiều phần quà từ thiện được công ty trao tặng tới những đồng bào có hoàn cảnh khó khăn trên cả nước; bên cạnh đó PNJ còn phối hợp với các Trung tâm y tế, Hội Chữ Thập Đỏ và các bệnh viện tổ chức nhiều đợt khám bệnh, phát thuốc miễn phí và tặng quà cho hàng ngàn người nghèo tại các tỉnh Tây Nguyên và miền Tây Nam bộ; phối hợp với Bệnh viện Mắt tổ chức mổ mắt miễn phí cho trên 800 người mù nghèo với tổng chi phí là 400 triệu ở các tỉnh Đồng Tháp, Vĩnh Long, Nghệ An. .

Những năm trở lại đây, PNJ thường xuyên tổ chức các hoạt động tặng quà Tết cho người nghèo ở nhiều tỉnh thành trong cả nước; những căn nhà tình thương, nhà tình nghĩa liên tiếp được ra đời với mong muốn mang đến cho nhiều mảnh đời còn thiếu may mắn trong xã hội một cuộc sống ổn định, ấm áp hơn. Các hoạt động này được tổ chức xuyên suốt với sự tham gia của đông đảo cán bộ công nhân viên PNJ đã trở thành một nét văn hoá truyền thống mang đậm dấu ấn PNJ, thể hiện tinh thần tương thân tương ái, luôn chung tay vì cộng đồng của doanh nghiệp.





Trao quà từ thiện_Quảng Ngãi



Trao quà người nghèo_Gò Vấp



Hiến máu nhân đạo



Trao quà người nghèo_Phú Nhuận



Trao học bổng PNJ



Trao quà tết



Đêm hội trăng rằm



Hội diễn văn nghệ



CAM KẾT MÔI TRƯỜNG & PHÁT TRIỂN CỘNG ĐỒNG



THÔNG TIN VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận (“Công ty”) là công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0300521758 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 2 tháng 1 năm 2004, và các Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh điều chỉnh.

Công ty đã được chính thức niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh kể từ ngày 23 tháng 3 năm 2009 theo Quyết định số 129/ĐKNY do Tổng Giám đốc Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ký ngày 26 tháng 12 năm 2008.

Hoạt động chính của Công ty là kinh doanh vàng, bạc, nữ trang và đá quý, và xuất nhập khẩu nữ trang bằng vàng, bạc và đá quý.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại số 170E, Đường Phan Đăng Lưu, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Ngoài ra, Công ty có một trăm ba mươi một (131) cửa hàng tại các tỉnh thành khác nhau ở Việt Nam.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên Hội đồng Quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Cao Thị Ngọc Dung	Chủ tịch	
Ông Nguyễn Vũ Phan	Phó Chủ tịch	
Bà Nguyễn Thị Cúc	Thành viên	
Ông Nguyễn Tuấn Quỳnh	Thành viên	bổ nhiệm ngày 14 tháng 4 năm 2012
Bà Nguyễn Thị Bích Hà	Thành viên	bổ nhiệm ngày 14 tháng 4 năm 2012
Ông Hồ Andy	Thành viên	bổ nhiệm ngày 14 tháng 4 năm 2012
Bà Phạm Vũ Thanh Giang	Thành viên	bổ nhiệm ngày 14 tháng 4 năm 2012
Bà Nguyễn Thị Ngọc	Thành viên	từ nhiệm ngày 14 tháng 4 năm 2012
Ông Bùi Việt	Thành viên	từ nhiệm ngày 14 tháng 4 năm 2012

BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên Ban kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Ông Phạm Văn Tân	Trưởng Ban kiểm soát
Bà Nguyễn Ngọc Huệ	Thành viên
Ông Trần Văn Dân	Thành viên

BÁO CÁO TÀI CHÍNH 2012

BÁO CÁO TÀI CHÍNH 2012

BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Ban Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này như sau:

Bà Cao Thị Ngọc Dung	Tổng Giám đốc	
Ông Lê Hữu Hạnh	Phó Tổng Giám đốc	
Bà Nguyễn Thị Cúc	Phó Tổng Giám đốc	
Ông Nguyễn Vũ Phan	Phó Tổng Giám đốc	bổ nhiệm ngày 26 tháng 3 năm 2012
Bà Phạm Thị Mỹ Hạnh	Phó Tổng Giám đốc	từ nhiệm ngày 20 tháng 7 năm 2012
Ông Nguyễn Tuấn Quỳnh	Phó Tổng Giám đốc	

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và vào ngày lập báo cáo này là Bà Cao Thị Ngọc Dung.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam là công ty kiểm toán cho Công ty.

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận (“Công ty”) hân hạnh trình bày báo cáo này và các báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các công ty con (“Tập đoàn”) cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo các báo cáo tài chính hợp nhất cho từng năm tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn. Trong quá trình lập các báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Giám đốc cần phải:

- lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- thực hiện các đánh giá và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Tập đoàn có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong các báo cáo tài chính hợp nhất; và
- lập các báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở nguyên tắc hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm đảm bảo việc các sổ sách kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn, với mức độ chính xác hợp lý, tại bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng các sổ sách kế toán tuân thủ với chế độ kế toán được áp dụng. Ban Giám đốc cũng chịu

trách nhiệm về việc quản lý các tài sản của Tập đoàn và do đó phải thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và những vi phạm khác.

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty đã tuân thủ những yêu cầu nêu trên trong việc lập các báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

CÔNG BỐ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Theo ý kiến của Ban Giám đốc, các báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn vào ngày 31 tháng 12 năm 2012, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan.

TM. BAN TỔNG GIÁM ĐỐC



CAO THỊ NGỌC DUNG
Tổng Giám đốc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH 2012

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận

Chúng tôi đã kiểm toán các báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận ("Công ty") và các Công ty con ("Tập đoàn") được trình bày từ trang 4 đến trang 40 bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất vào ngày 31 tháng 12 năm 2012, và báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

Việc lập và trình bày các báo cáo tài chính hợp nhất này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Tập đoàn. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Các báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011 được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán khác, phát hành báo cáo kiểm toán ngày 26 tháng 3 năm 2012, đưa ra ý kiến kiểm toán chấp nhận toàn phần.

Cơ sở ý kiến kiểm toán

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và thực hiện việc kiểm toán để đạt được mức tin cậy hợp lý về việc liệu các báo cáo tài chính hợp nhất có còn các sai sót trọng yếu hay không. Việc kiểm toán bao gồm việc kiểm tra, theo phương pháp chọn mẫu, các bằng chứng về số liệu và các thuyết minh trên các báo cáo tài chính hợp nhất. Việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá các nguyên tắc kế toán đã được áp dụng và các ước tính quan trọng của Ban Giám đốc Tập đoàn cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể các báo cáo tài chính hợp nhất. Chúng tôi tin tưởng rằng công việc kiểm toán của chúng tôi cung cấp cơ sở hợp lý cho ý kiến kiểm toán.

Ý kiến kiểm toán

Theo ý kiến của chúng tôi, các báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn vào ngày 31 tháng 12 năm 2012, và kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định pháp lý có liên quan.

TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN
ERNST & YOUNG
 VIỆT NAM
 Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam

Mai Việt Hùng Trần

Phó Tổng Giám đốc
 Chứng chỉ KTV số: D.0048/KTV

Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
 Ngày 25 tháng 3 năm 2013

Lê Quang Minh
 Kiểm toán viên
 Chứng chỉ KTV số: 0426/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT ngày 31 tháng 12 năm 2012

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		1.342.948.159.392	1.605.037.461.093
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	4	468.655.700.806	454.113.948.194
111	1. Tiền		34.076.003.469	82.732.710.340
112	2. Các khoản tương đương tiền		434.579.697.337	371.381.237.854
120	II. Khoản đầu tư ngắn hạn		-	70.000.000.000
121	1. Đầu tư ngắn hạn		-	70.000.000.000
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		53.722.534.510	70.871.461.230
131	1. Phải thu khách hàng	5	15.555.505.035	39.634.363.771
132	2. Trả trước cho người bán		10.110.406.855	9.061.955.750
135	3. Các khoản phải thu khác	6	35.808.841.279	22.790.855.759
139	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	7	(7.752.218.659)	(615.714.050)
140	IV. Hàng tồn kho	8	791.136.127.118	968.915.039.630
141	1. Hàng tồn kho		791.136.127.118	968.915.039.630
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		29.433.796.958	41.137.012.039
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn		9.800.584.428	20.780.523.529
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ		7.697.287.196	3.626.013.421
154	3. Thuế và các khoản khác phải thu nhà nước		69.000.000	1.037.353.890
158	4. Tài sản ngắn hạn khác	9	11.866.925.334	15.693.121.199
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		1.200.037.803.867	1.323.075.161.632
220	I. Tài sản cố định		431.898.544.676	419.577.684.256
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	141.328.725.256	114.426.075.356
222	Nguyên giá		228.464.773.059	201.160.654.826
223	Giá trị khấu hao lũy kế		(87.136.047.803)	(86.734.579.470)
227	2. Tài sản cố định vô hình	11	279.551.935.394	279.199.924.767
228	Nguyên giá		280.112.851.451	279.869.348.563
229	Giá trị khấu trừ lũy kế		(560.916.057)	(669.423.796)
230	3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	12	11.017.884.026	25.951.684.133
250	II. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	13	760.781.225.093	712.435.781.858
252	1. Đầu tư vào công ty liên kết		258.339.816.693	258.315.155.708
258	2. Đầu tư dài hạn khác		513.241.408.400	475.245.158.400
259	3. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(10.800.000.000)	(21.124.532.250)
260	III. Tài sản dài hạn khác		7.358.034.098	191.061.695.518
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	14	6.681.494.466	188.628.499.090
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	27.3	481.539.632	919.152.184
268	3. Các tài sản dài hạn khác		195.000.000	1.514.044.244
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		2.542.985.963.259	2.928.112.622.725


BÁO CÁO TÀI CHÍNH 2012

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tt)

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		1.301.246.946.986	1.771.024.241.138
310	I. Nợ ngắn hạn		1.130.464.996.486	973.411.782.490
311	1. Vay ngắn hạn	15	1.008.230.455.000	604.356.835.868
312	2. Phải trả người bán	16	52.168.925.843	123.648.989.802
313	3. Người mua trả tiền trước		1.737.185.759	10.271.763.272
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	17	21.767.812.994	29.561.163.550
315	5. Phải trả người lao động		7.999.497.651	46.402.734.297
316	6. Chi phí phải trả	18	3.329.829.410	8.431.746.109
319	7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	19	27.480.312.148	133.760.429.404
323	8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		7.750.977.681	16.978.120.188
330	II. Nợ dài hạn		170.781.950.500	797.612.458.648
333	1. Phải trả dài hạn khác		426.284.500	62.532.121.564
334	2. Vay dài hạn	20	170.355.666.000	730.658.754.727
336	3. Dự phòng trợ cấp thôi việc		-	4.421.582.357
400	B. VỐN CHỦ SỞ HỮU		1.241.739.016.273	1.130.451.377.433
410	I. Vốn chủ sở hữu	21	1.241.739.016.273	1.130.451.377.433
411	1. Vốn cổ phần		719.978.350.000	599.991.420.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		105.021.650.000	225.008.580.000
414	3. Cổ phiếu quỹ		(7.090.000)	(7.090.000)
417	4. Quỹ đầu tư phát triển		96.070.897.000	72.461.168.576
418	5. Quỹ dự phòng tài chính		46.376.732.783	35.866.235.360
420	6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		274.298.476.490	197.131.063.497
439	C. LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ		-	26.637.004.154
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		2.542.985.963.259	2.928.112.622.725

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Chỉ tiêu	Số cuối năm	Số đầu năm
Ngoại tệ các loại :		
▶ Đô la Mỹ ("US\$")	56.930	5.675.227
▶ Vàng thỏi	9.949	6.816
▶ Đô la Úc ("AUD")	-	39.999

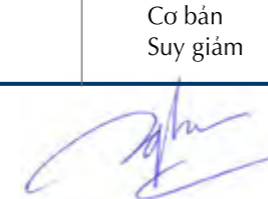

Dương Quang Hải
Người lập


Đặng Thị Lại
Kế toán trưởng


Cao Thị Ngọc Dung
Tổng Giám Đốc

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tt)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	22.1	6.777.869.795.148	18.038.055.458.855
	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	22.1	(61.026.428.725)	(74.214.987.083)
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	22.1	6.716.843.366.423	17.963.840.471.772
11	4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	23	(6.118.336.274.620)	17.225.520.872.828)
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		598.507.091.803	738.319.598.944
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	22.2	120.569.293.310	64.754.928.074
22	7. Chi phí tài chính	24	(91.405.694.428)	(125.534.692.551)
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		(101.497.808.442)	(103.995.485.100)
24	8. Chi phí bán hàng		(267.972.724.506)	(289.530.963.640)
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp		(89.631.912.787)	(98.126.294.532)
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		270.066.053.392	289.882.576.295
31	11. Thu nhập khác	25	49.775.091.650	19.224.929.719
32	12. Chi phí khác	25	(20.041.344.299)	(1.607.851.780)
40	13. Lợi nhuận khác	25	29.733.747.351	17.617.077.939
	14. Phần lãi từ công ty liên kết			10.666.239.207
50	15. Tổng lợi nhuận trước thuế		310.093.877.728	318.165.893.441
51	16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	27.1		(60.742.590.596)
52	17. Thu nhập thuế TNDN hoãn lại	27.3	(437.612.552)	83.304.492
60	18. Lợi nhuận sau thuế TNDN		254.408.662.493	257.506.607.337
61	Trong đó:			
62	Lợi ích của các cổ đông thiểu số		-	(401.324.979)
	Lãi thuộc về các cổ đông của Công ty mẹ		254.408.662.493	257.105.282.358
70	19. Lãi trên mỗi cổ phiếu (VNĐ/cổ phiếu)	21.4		
	Cơ bản		3.534	4,285
	Suy giảm		-	3.571


Dương Quang Hải
Người lập


Đặng Thị Lại
Kế toán trưởng


Cao Thị Ngọc Dung
Tổng Giám Đốc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH 2012

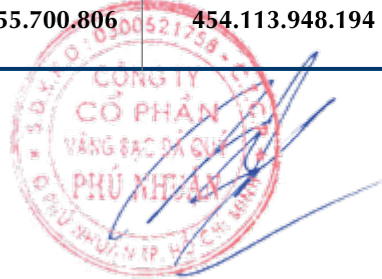
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tt)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
	Lợi nhuận trước thuế		310.093.877.728	318.165.893.441
	Điều chỉnh cho các khoản:			
02	Khấu hao và khấu trừ tài sản cố định	10, 11	15.134.039.127	42.308.214.488
03	Các khoản dự phòng		(3.188.027.641)	12.113.142.484
04	Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện		31.596.846.638	85.681.898.050
05	Lãi từ hoạt động đầu tư		(105.602.734.355)	(68.950.357.648)
06	Chi phí lãi vay	24	101.497.808.442	103.995.485.100
08	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		349.531.809.939	493.314.275.915
09	Tăng các khoản phải thu		(165.811.248.496)	(11.140.015.759)
10	Giảm (tăng) hàng tồn kho		172.002.642.355	(217.205.994.746)
11	(Giảm) tăng các khoản phải trả		(141.420.759.807)	83.708.237.858
12	Giảm (tăng) chi phí trả trước		192.926.943.725	(7.541.101.943)
13	Tiền lãi vay đã trả		(101.911.586.414)	(103.861.814.898)
14	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	27.2	(53.996.209.047)	(65.658.313.770)
16	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(56.348.884.453)	(17.387.942.365)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		194.972.707.802	154.227.330.292
	II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
21	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định		(70.213.384.150)	(115.655.063.956)
22	Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định		11.728.380.455	959.942.727
23	Tiền gửi kỳ hạn		-	(70.000.000.000)
24	Thu hồi tiền gửi kỳ hạn		70.000.000.000	-
25	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		(38.020.910.985)	34.298.300.000
26	Tiền thu từ thanh lý đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		99.569.666.282	-
27	Tiền lãi và cổ tức nhận được		53.764.811.788	47.508.585.919
30	Lưu chuyển tiền thuần từ (sử dụng vào) hoạt động đầu tư		126.828.563.390	(102.888.235.310)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tt)

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
33	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		3.427.905.909.708	8.767.143.927.774
34	Tiền chi trả nợ gốc vay		(3.585.225.129.370)	(8.551.891.484.141)
35	Cổ tức đã trả cho cổ đông thiểu số		-	(3.839.805.702)
36	Cổ tức đã trả	21.2	(149.965.528.175)	(150.183.653.750)
40	Lưu chuyển tiền thuần (sử dụng vào) từ hoạt động tài chính		(307.284.747.837)	61.228.984.181
50	Tăng tiền và tương đương tiền thuần trong năm		14.516.523.355	112.568.079.163
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm		454.113.948.194	337.769.093.757
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		25.229.257	3.776.775.274
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	4	468.655.700.806	454.113.948.194


Dương Quang Hải
Người lập

Đặng Thị Lại
Kế toán trưởng

Cao Thị Ngọc Dung
Tổng Giám Đốc

BÁO CÁO TÀI CHÍNH 2012

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tt)

1. THÔNG TIN CÔNG TY

Công ty Cổ phần Vàng bạc Đá quý Phú Nhuận (“Công ty”) là công ty cổ phần được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0300521758 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 2 tháng 1 năm 2004, và các Giấy chứng nhận Đăng ký Kinh doanh Điều chỉnh.

Công ty đã được chính thức niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh kể từ ngày 23 tháng 3 năm 2009 theo Quyết định số 129/ĐKNY do Tổng Giám đốc Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh ký ngày 26 tháng 12 năm 2008.

Hoạt động chính của Công ty là kinh doanh vàng, bạc, nữ trang và đá quý, và xuất nhập khẩu nữ trang bằng vàng, bạc và đá quý.

Công ty có trụ sở chính đăng ký tại số 170E, Đường Phan Đăng Lưu, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Ngoài ra, Công ty có một trăm ba mươi một (131) cửa hàng tại các tỉnh thành khác nhau ở Việt Nam.

Số lượng nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2012 là 2.172 (31 tháng 12 năm 2011: 2.045).

CƠ CẤU TỔ CHỨC

Công ty có ba công ty con, trong đó:

Công ty TNHH Thời trang CAO (“CFC”) là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0309279212 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 14 tháng 8 năm 2009. CFC có trụ sở đăng ký tại số 170E, Đường Phan Đăng Lưu, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Hoạt động chính của CFC là sản xuất và kinh doanh các sản phẩm thời trang, trang sức vàng và bạc, các sản phẩm nghệ thuật và thủ công, nhập khẩu và xuất khẩu các sản phẩm nghệ thuật và thủ công.

Công ty TNHH Giám định PNJ (“PLC”) là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 0310521330 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 16 tháng 12 năm 2010. PLC có trụ sở đăng ký tại số 205, Đường Phan Đăng Lưu, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Hoạt động chính của PLC là cung cấp dịch vụ giám định và tư vấn liên quan đến vàng, bạc và đá quý.

Trong năm, Công ty đã chuyển nhượng 70% quyền sở hữu của Công ty Cổ phần Năng lượng Đại Việt (“DVC”) cho Công ty TNHH Totalgaz Việt Nam (“Totalgaz”) theo Hợp đồng Chuyển nhượng Quyền sở hữu cổ phần ngày 21 tháng 12 năm 2011.

2. CƠ SỞ TRÌNH BÀY

2.1 CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Các báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và các Công ty con (“Tập đoàn”) được trình bày bằng đồng Việt Nam (“VNĐ”) phù hợp với Chế độ Kế toán Việt Nam và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (“CMKTVN”) do Bộ Tài chính ban hành theo:

Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 1);

Quyết định số 165/2002/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2002 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 2);

Quyết định số 234/2003/QĐ-BTC ngày 30 tháng 12 năm 2003 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 3);

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tt)

Quyết định số 12/2005/QĐ-BTC ngày 15 tháng 2 năm 2005 về việc ban hành sáu Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 4); và

Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC ngày 28 tháng 12 năm 2005 về việc ban hành bốn Chuẩn mực Kế toán Việt Nam (Đợt 5).

Theo đó, bảng cân đối kế toán hợp nhất, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và các thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày kèm theo và việc sử dụng các báo cáo này không dành cho các đối tượng không được cung cấp các thông tin về các thủ tục và nguyên tắc và thông lệ kế toán tại Việt Nam và hơn nữa không được chủ định trình bày tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận rộng rãi ở các nước và lãnh thổ khác ngoài Việt Nam.

2.2 HÌNH THỨC SỔ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Hình thức sổ kế toán được áp dụng của Tập đoàn là Nhật ký chung.

2.3 NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Niên độ kế toán của Tập đoàn áp dụng cho việc lập các báo cáo tài chính hợp nhất bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc ngày 31 tháng 12.

2.4 ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Các báo cáo tài chính hợp nhất được lập bằng đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Tập đoàn là VNĐ.

2.5 CƠ SỞ HỢP NHẤT

Các báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các báo cáo tài chính của Công ty và các công ty con cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012.

Các công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày mua, là ngày Tập đoàn thực sự nắm quyền kiểm soát công ty con, và tiếp tục được hợp nhất cho đến ngày Tập đoàn thực sự chấm dứt quyền kiểm soát đối với công ty con.

Các báo cáo tài chính của Công ty và các công ty con sử dụng để hợp nhất được lập cho cùng một niên độ kế toán, và được áp dụng các chính sách kế toán một cách thống nhất.

Số dư các tài khoản trên bảng cân đối kế toán giữa các đơn vị trong cùng Tập đoàn, các khoản thu nhập và chi phí, các khoản lãi hoặc lỗ nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ hoàn toàn.

Lợi ích của các cổ đông thiểu số là phần lợi ích trong lãi, hoặc lỗ, và trong tài sản thuần của công ty con không được nắm giữ bởi Tập đoàn và được trình bày riêng biệt trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và được trình bày riêng biệt với phần vốn chủ sở hữu của các cổ đông của công ty mẹ trong phần vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

3.1 THAY ĐỔI TRONG CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN VÀ THUYẾT MINH

Các chính sách kế toán của Tập đoàn sử dụng để lập các báo cáo tài chính hợp nhất được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được sử dụng để lập các báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011, ngoại trừ các thay đổi về chính sách kế toán liên quan đến tỷ giá hối đoái.

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012, bên cạnh việc tiếp tục áp dụng Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 10 - Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái (“CMKTVN 10”) như trong các năm trước, Tập đoàn bắt đầu thực hiện Thông tư số 179/2012/TT-BTC quy định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp do Bộ Tài chính ban hành ngày 24 tháng 10 năm 2012 (“Thông tư 179”).

BÁO CÁO TÀI CHÍNH 2012

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tt)

Theo Thông tư 179, tại thời điểm cuối năm, các khoản tài sản và công nợ tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi ra VNĐ theo tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn mở tài khoản. Trong năm 2011, Công ty sử dụng tỷ giá bình quân liên ngân hàng tại ngày kết thúc niên độ kế toán để thực hiện việc quy đổi này.

Thông tư 179 được áp dụng từ năm 2012 trên cơ sở phi hồi tố. Ảnh hưởng của việc thay đổi từ sử dụng tỷ giá bình quân liên ngân hàng sang sử dụng tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại trong việc đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối năm đến các báo cáo tài chính hợp nhất vào ngày và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012 là không trọng yếu trên phương diện tổng thể.

3.2 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, vàng, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

3.3 CÁC KHOẢN PHẢI THU

Các khoản phải thu được trình bày trên các báo cáo tài chính hợp nhất theo giá trị ghi sổ các khoản phải thu từ khách hàng và phải thu khác sau khi trừ các khoản dự phòng được lập cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị của các khoản phải thu mà Tập đoàn dự kiến không có khả năng thu hồi tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

3.4 HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá thành để đưa mỗi sản phẩm đến vị trí và điều kiện hiện tại và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong điều kiện kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí bán hàng ước tính.

Tập đoàn áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho với giá trị được xác định như sau:

Nguyên vật liệu, hàng hóa và khác	Thành phẩm và sản phẩm dở dang
Chi phí mua hàng được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.	Giá vốn nguyên vật liệu và lao động trực tiếp cộng chi phí sản xuất chung có liên quan được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng cho hàng tồn kho

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, hư hỏng, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với nguyên vật liệu, thành phẩm, hàng hóa tồn kho khác thuộc quyền sở hữu của Tập đoàn dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được hạch toán vào giá vốn hàng bán trong năm.

3.5 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

Tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị khấu hao lũy kế và giá trị khấu trừ lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào sẵn sàng hoạt động như dự kiến.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tt)

Các chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được ghi tăng nguyên giá của tài sản và chi phí bảo trì, sửa chữa được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh. Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị khấu hao hay giá trị khấu trừ lũy kế được xóa sổ và các khoản lãi lỗ phát sinh do thanh lý tài sản được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất được ghi nhận là tài sản cố định vô hình trên bảng cân đối kế toán hợp nhất khi Công ty nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Nguyên giá quyền sử dụng đất bao gồm tất cả những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng để sử dụng và không được khấu trừ vì quyền sử dụng đất có thời gian sử dụng vô thời hạn.

3.6 KHẤU HAO VÀ KHẤU TRỪ

Khấu hao và khấu trừ tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình được trích theo phương pháp khấu hao đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản như sau:

Nhà cửa và vật kiến trúc	3 - 25 năm
Máy móc thiết bị	3 - 15 năm
Phương tiện vận tải	4 - 10 năm
Thiết bị văn phòng	3 - 8 năm
Phần mềm máy tính	3 năm

Thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định và tỷ lệ khấu hao và khấu trừ được xem xét lại nhằm đảm bảo rằng phương pháp và thời gian trích khấu hao và khấu trừ nhất quán với lợi ích kinh tế dự kiến sẽ thu được từ việc sử dụng tài sản cố định.

3.7 CHI PHÍ ĐI VAY

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay của Tập đoàn và được hạch toán vào chi phí phát sinh trong năm.

3.8 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Chi phí thuê trả trước bao gồm chi phí thuê đất và thuê cửa hàng trả trước nhiều năm theo các hợp đồng thuê hoạt động và được phân bổ theo thời gian thuê;

Công cụ, dụng cụ sản xuất dùng trong nhiều năm có giá trị lớn; và

Chi phí khác được phân bổ từ 2 đến 3 năm vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.9 ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT

Các khoản đầu tư vào các công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Công ty liên kết là các công ty mà trong đó Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Tập đoàn. Thông thường, Tập đoàn được coi là có ảnh hưởng đáng kể nếu sở hữu từ 20% quyền bỏ phiếu ở đơn vị nhận đầu tư.

Theo phương pháp vốn chủ sở hữu, khoản đầu tư được ghi nhận ban đầu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất theo giá gốc, sau đó được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của Công ty trong tài sản thuần của công ty liên kết sau khi mua. Lợi thế thương mại phát sinh từ việc đầu tư vào công ty

BÁO CÁO TÀI CHÍNH 2012

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tt)

liên kết được phản ánh trong giá trị còn lại của khoản đầu tư và được phân bổ trong khoảng thời gian mười (10) năm. Báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất phản ánh phần sở hữu của Tập đoàn trong kết quả hoạt động kinh doanh của công ty liên kết sau khi mua.

Phần sở hữu của nhà đầu tư trong lợi nhuận (lỗ) của công ty liên kết sau khi mua được phản ánh trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất và phần sở hữu của nhà đầu tư trong thay đổi sau khi mua của các quỹ của công ty liên kết được ghi nhận vào các quỹ. Thay đổi lũy kế sau khi mua được điều chỉnh vào giá trị còn lại của khoản đầu tư vào công ty liên kết. Cổ tức nhận được từ công ty liên kết được căn trừ vào khoản đầu tư vào công ty liên kết.

Các báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ với các báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn và sử dụng các chính sách kế toán nhất quán. Các điều chỉnh hợp nhất thích hợp đã được ghi nhận để bảo đảm các chính sách kế toán được áp dụng nhất quán với Tập đoàn trong trường hợp cần thiết.

3.10 ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN VÀ CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ KHÁC

Đầu tư chứng khoán và các khoản đầu tư khác được ghi nhận theo giá mua thực tế. Dự phòng được lập cho việc giảm giá trị của các khoản đầu tư có thể chuyển nhượng được trên thị trường vào ngày kết thúc niên độ kế toán tương ứng với chênh lệch giữa giá gốc của khoản đầu tư với giá trị thị trường tại ngày đó theo hướng dẫn của Thông tư số 228/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 7 tháng 12 năm 2009. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.11 CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ VÀ CHI PHÍ TRÍCH TRƯỚC

Các khoản phải trả và chi phí trích trước được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được không phụ thuộc vào việc Tập đoàn đã nhận được hóa đơn của nhà cung cấp hay chưa.

3.12 CÁC KHOẢN DỰ PHÒNG

Tập đoàn ghi nhận các khoản dự phòng khi có một nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra trong quá khứ. Việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và Tập đoàn có thể đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.

3.13 CÁC NGHIỆP VỤ BẰNG NGOẠI TỆ

Tập đoàn áp dụng hướng dẫn theo CMKTVN 10 liên quan đến các nghiệp vụ bằng ngoại tệ và được áp dụng nhất quán trong các năm trước. Bên cạnh CMKTVN 10, bắt đầu từ năm 2012, Tập đoàn áp dụng Thông tư 179 đối với các nghiệp vụ ngoại tệ như được trình bày trong Thuyết minh 3.1.

Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với đơn vị tiền tệ kế toán của Tập đoàn (VNĐ) được hạch toán theo tỷ giá giao dịch vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được đánh giá lại theo tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại nơi Tập đoàn mở tài khoản tại thời điểm này. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong năm và chênh lệch do đánh giá lại số dư tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

3.14 CỔ PHIẾU QUỸ

Các công cụ vốn chủ sở hữu được Tập đoàn mua lại (cổ phiếu quỹ) được ghi nhận theo nguyên giá và trừ vào vốn chủ sở hữu. Tập đoàn không ghi nhận các khoản lãi (lỗ) khi mua, bán, phát hành hoặc hủy các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

3.15 PHÂN CHIA LỢI NHUẬN

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông khi được Đại hội cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ của Tập đoàn và các quy định của pháp luật Việt Nam.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tt)

Tập đoàn trích lập các quỹ dự phòng sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Tập đoàn theo đề nghị của Hội đồng Quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại đại hội đồng cổ đông thường niên.

Quỹ dự phòng tài chính

Quỹ này được trích lập để bảo vệ hoạt động kinh doanh thông thường của Tập đoàn trước các rủi ro hoặc thiệt hại kinh doanh, hoặc để dự phòng cho các khoản lỗ hay thiệt hại ngoài dự kiến do các nhân tố khách quan hoặc do các trường hợp bất khả kháng như hỏa hoạn, bất ổn trong tình hình kinh tế và tài chính trong nước hay nước ngoài.

Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.

Quỹ khen thưởng và phúc lợi

Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được ghi nhận như một khoản nợ.

3.16 LÃI TRÊN MỖI CỔ PHIẾU

Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Tập đoàn cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Tập đoàn (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

3.17 GHI NHẬN DOANH THU

Doanh thu được ghi nhận khi Tập đoàn có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng khi ghi nhận doanh thu:

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi các rủi ro trọng yếu và các quyền sở hữu hàng hóa đã được chuyển sang người mua, thường là trùng với việc chuyển giao hàng hóa.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu được ghi nhận khi dịch vụ hoàn thành.

Tiền lãi

Doanh thu được ghi nhận khi tiền lãi phát sinh trên cơ sở dồn tích (có tính đến lợi tức mà tài sản đem lại) trừ khi khả năng thu hồi tiền lãi không chắc chắn.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Tập đoàn được xác lập.

3.18 THUẾ

Thuế thu nhập hiện hành

Tài sản thuế thu nhập và thuế thu nhập phải nộp cho năm hiện hành và các năm trước được xác định bằng số tiền dự kiến được thu hồi từ hoặc phải nộp cho cơ quan thuế, dựa trên các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày kết thúc niên độ kế toán.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH 2012

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tt)

Thuế thu nhập hiện hành được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hiện hành cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu. Tập đoàn chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hiện hành phải trả khi Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày kết thúc niên độ kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích lập các báo cáo tài chính hợp nhất.

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế, ngoại trừ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại cần được ghi nhận cho tất cả các chênh lệch tạm thời được khấu trừ, giá trị được khấu trừ chuyển sang các năm sau của các khoản lỗ tính thuế và các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng, khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ, các khoản lỗ tính thuế và các ưu đãi thuế chưa sử dụng này, ngoại trừ tài sản thuế hoãn lại phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hoặc nợ phải trả từ một giao dịch mà giao dịch này không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán và lợi nhuận tính thuế thu nhập (hoặc lỗ tính thuế) tại thời điểm phát sinh giao dịch.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc niên độ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc niên độ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài chính khi tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất và luật thuế có hiệu lực vào ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Tập đoàn chỉ được bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi Tập đoàn có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế, hoặc khi Tập đoàn dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng năm tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tt)

3.19 THÔNG TIN BỘ PHẬN

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt được của Tập đoàn tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Hoạt động kinh doanh của Tập đoàn chủ yếu tạo ra từ doanh thu trong lĩnh vực là kinh doanh vàng, bạc và nữ trang, phụ kiện; kinh doanh gas và vỏ bình gas, và dịch vụ kiểm định. Tập đoàn hoạt động trong một khu vực địa lý là Việt Nam.

3.20 CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Công cụ tài chính – Ghi nhận ban đầu và trình bày

Tài sản tài chính

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 6 tháng 11 năm 2009 hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính (“Thông tư 210”), tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính hợp nhất, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Tập đoàn quyết định việc phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Các tài sản tài chính của Tập đoàn bao gồm tiền, các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính theo phạm vi của Thông tư 210, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính hợp nhất, được phân loại một cách phù hợp thành các nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Tập đoàn xác định việc phân loại các nợ phải trả tài chính thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tất cả nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Nợ phải trả tài chính của Tập đoàn bao gồm các khoản phải trả người bán, các khoản phải trả khác, nợ và vay.

Giá trị sau ghi nhận lần đầu

Hiện tại không có hướng dẫn về việc xác định lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu. Do đó giá trị sau ghi nhận ban đầu của các công cụ tài chính đang được phản ánh theo nguyên giá.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên bảng cân đối kế toán hợp nhất nếu, và chỉ nếu, Tập đoàn có quyền hợp pháp thi hành việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH 2012



BÁO CÁO TÀI CHÍNH 2012

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tt)

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	VNĐ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	23.152.070.852	32.008.316.053
Tiền gửi ngân hàng	9.520.161.117	50.516.469.287
Tiền đang chuyển	1.403.771.500	207.925.000
Các khoản tương đương tiền	434.579.697.337	371.381.237.854
TỔNG CỘNG	468.655.700.806	454.113.948.194

Các khoản tương đương tiền thể hiện giá trị vàng miếng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

5. PHẢI THU KHÁCH HÀNG

	VNĐ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu bên thứ ba	15.555.505.035	39.634.363.771
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	-	(615.714.050)
TỔNG CỘNG	15.555.505.035	39.018.649.721

6. CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÁC

	VNĐ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu bên thứ ba	24.259.966.279	22.790.855.759
Phải thu bên liên quan (<i>Thuyết minh số 28</i>)	11.548.875.000	-
TỔNG CỘNG	35.808.841.279	22.790.855.759
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(7.752.218.659)	-
TỔNG CỘNG	28.056.622.620	22.790.855.759

7. DỰ PHÒNG KHOẢN PHẢI THU KHÓ ĐÒI

	VNĐ	
	Năm nay	Năm trước
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi đầu năm	(615.714.050)	-
<i>Tăng:</i> Dự phòng trích lập trong năm	(7.752.218.659)	(615.714.050)
<i>Giảm:</i> Hoàn nhập dự phòng trong năm	615.714.050	-
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi cuối năm	(7.752.218.659)	(615.714.050)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tt)

8. HÀNG TỒN KHO

	VNĐ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Hàng hóa	665.769.608.019	826.969.663.077
Hàng gửi đi bán	47.055.030.564	62.759.983.676
Thành phẩm	46.328.191.292	45.958.641.939
Nguyên vật liệu	13.052.985.948	14.259.449.585
Công cụ, dụng cụ	11.987.400.954	5.240.245.599
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	4.489.399.213	8.424.569.033
Hàng mua đang đi trên đường	2.453.511.128	5.302.486.721
TỔNG CỘNG	791.136.127.118	968.915.039.630

9. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

	VNĐ	
	Số cuối năm	Số đầu năm
Ký quỹ ngắn hạn thuê cửa hàng	10.584.747.261	15.098.087.896
Tạm ứng cho nhân viên	1.282.178.073	595.033.303
TỔNG CỘNG	11.866.925.334	15.693.121.199

10. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	VNĐ				
	Nhà cửa và vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị văn phòng	Tổng cộng
Nguyên giá:					
Số đầu năm	73.738.774.635	92.282.053.254	13.760.874.430	21.378.952.507	201.160.654.826
Mua mới	423.635.012	9.788.616.966	4.973.803.784	-	15.186.055.762
Tăng trong năm	66.252.332.096	3.139.892.014	-	-	69.392.224.110
Đầu tư XDCB hoàn thành	(9.140.893.323)	(12.000.000)	(48.632.690)	(275.296.636)	(9.476.822.649)
Thanh lý	(22.099.230.472)	(16.098.549.373)	(81.015.863)	(9.518.543.282)	(47.797.338.990)
Số cuối năm	109.174.617.948	89.100.012.861	18.605.029.661	11.585.112.589	228.464.773.059
Giá trị khấu hao lũy kế:					
Số đầu năm	11.659.844.831	53.715.512.649	8.784.349.884	12.574.872.106	86.734.579.470
Khấu hao trong năm	1.934.342.422	8.757.874.154	1.709.730.757	712.390.300	13.114.337.633
Thanh lý	(700.801.812)	(11.600.000)	(3.777.589)	(275.296.636)	(1.025.476.037)
Số cuối năm	(3.170.568.099)	(4.544.425.525)	(49.200.509)	(3.923.199.130)	(11.687.393.263)
Số cuối năm	9.722.817.342	57.917.361.278	10.407.102.543	9.088.766.640	87.136.047.803
Giá trị còn lại:					
Số đầu năm	62.078.929.804	38.566.540.605	4.976.524.546	8.804.080.401	114.426.075.356
Số cuối năm	99.451.800.606	31.182.651.583	8.197.927.118	2.496.345.949	141.328.725.256

BÁO CÁO TÀI CHÍNH 2012

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tt)

11. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

VND			
	Quyền sử dụng đất không thời hạn	Phần mềm máy tính	Tổng cộng
Nguyên giá:			
Số đầu năm	279.000.379.838	868.968.725	279.869.348.563
Mua mới	-	620.500.000	620.500.000
Giảm do thanh lý công ty con	-	(376.997.112)	(376.997.112)
Số cuối năm	279.000.379.838	1.112.471.613	280.112.851.451
Giá trị khấu trừ lũy kế:			
Số đầu năm	-	669.423.796	669.423.796
Khấu trừ trong năm	-	92.215.912	92.215.912
Giảm do thanh lý công ty con	-	(200.723.651)	(200.723.651)
Số cuối năm	-	560.916.057	560.916.057
Giá trị còn lại:			
Số đầu năm	279.000.379.838	199.544.929	279.199.924.767
Số cuối năm	279.000.379.838	551.555.556	279.551.935.394

Quyền sử dụng đất trị giá 166.099.851.738 VNĐ được sử dụng để đảm bảo cho các khoản vay từ các ngân hàng thương mại (Thuyết minh số 20).

12. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

VND		
	Số cuối năm	Số đầu năm
Dự án phần mềm X-Man	5.306.686.270	-
Nhà máy tại Dương Quảng Hàm	4.338.807.956	20.556.149.133
Trung tâm kim hoàn	850.821.000	2.095.535.000
Trung tâm Thương mại Thủ Khoa Huân	521.568.800	3.300.000.000
TỔNG CỘNG	11.017.884.026	25.951.684.133

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tt)

13. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ DÀI HẠN

13.1 ĐẦU TƯ VÀO CÔNG TY LIÊN KẾT

VND				
Tên đơn vị	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị đầu tư	Tỷ lệ sở hữu (%)	Giá trị đầu tư	Tỷ lệ sở hữu (%)
Công ty Cổ phần Nhiên liệu Sài Gòn	126.537.586.088	49,99	127.147.943.587	49,99
Công ty Cổ phần Địa ốc Đông Á	131.802.230.605	30,62	131.167.212.121	30,62
TỔNG CỘNG	258.339.816.693		258.315.155.708	
VND				
	Số cuối năm	Số đầu năm		
Giá gốc của khoản đầu tư vào công ty liên kết	230.474.829.680	230.474.829.680		
Phần lãi lũy kế trong công ty liên kết	38.134.403.013	32.975.034.028		
Cổ tức đã nhận	(10.269.416.000)	(5.134.708.000)		
	258.339.816.693	258.315.155.708		

Công ty Cổ phần Nhiên liệu Sài Gòn ("SFC") là công ty cổ phần được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 030063013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 20 tháng 6 năm 2000. SFC có trụ sở đăng ký tại số 1A, Đường Phạm Ngọc Thạch, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Hoạt động chính của SFC là kinh doanh các sản phẩm dầu và gas, kinh doanh các công cụ, dụng cụ và máy móc dùng dầu và gas, sản xuất và kinh doanh các sản phẩm bằng gỗ, dịch vụ vận chuyển, cho thuê và tư vấn xây dựng. SFC chính thức được niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh kể từ ngày 21 tháng 9 năm 2004.

Công ty Cổ phần Địa ốc Đông Á ("DAL") là công ty cổ phần được thành lập theo Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 4103001739 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 24 tháng 7 năm 2003. DAL có trụ sở đăng ký tại số 43R/12, Đường Hồ Văn Huê, Phường 9, Quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Hoạt động chính của DAL là cung cấp dịch vụ thiết kế, quản lý dự án, dịch vụ xây dựng nhà cửa, cung cấp dịch vụ tư vấn và đại lý bất động sản, kinh doanh nhà và trang trí nội thất.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH 2012

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tt)

13.2 ĐẦU TƯ DÀI HẠN KHÁC

VNĐ

Tên đơn vị	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng cổ phiếu	Giá trị đầu tư	Số lượng cổ phiếu	Giá trị đầu tư
Ngân hàng TMCP Đông Á (“DAB”) (i)	42.345.875	395.271.613.400	34.646.625	356.775.363.400
Công ty Cổ phần Bất Động Sản Sài Gòn M&C	2.615.215	65.380.375.000	2.615.215	65.380.375.000
Công ty Cổ phần Quê Hương Liberty	916.662	42.499.920.000	916.662	42.499.920.000
Dự án Hoàng Minh Giám (ii)		10.089.500.000		10.089.500.000
Khác		-		500.000.000
TỔNG CỘNG		513.241.408.400		475.245.158.400
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		(10.800.000.000)		(21.124.532.250)
GIÁ TRỊ THUẦN		502.441.408.400		454.120.626.150

13.3 DỰ PHÒNG GIẢM GIÁ ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

VNĐ

	Năm nay VNĐ	Năm trước VNĐ
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn đầu năm	21.124.532.250	10.800.000.000
Cộng: Dự phòng trích lập trong năm	-	10.324.532.250
Trừ: Sử dụng và hoàn nhập dự phòng trong năm	(10.324.532.250)	-
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn cuối năm	10.800.000.000	21.124.532.250

14. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

VNĐ

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí cải tạo văn phòng và cửa hàng	5.404.424.785	2.956.937.434
Chi phí thuê cửa hàng	912.555.834	-
Vỏ bình gas	-	149.792.511.796
Chi phí thuê đất	-	29.670.699.997
Khác	364.513.847	6.208.349.863
TỔNG CỘNG	6.681.494.466	188.628.499.090

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tt)

15. VAY NGẮN HẠN

VNĐ

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay ngân hàng	383.351.676.000	382.335.248.000
Vay cá nhân	56.808.906.400	87.778.231.372
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 20)	568.069.872.600	134.243.356.496
TỔNG CỘNG	1.008.230.455.000	604.356.835.868

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn từ ngân hàng như sau:

Ngân hàng	Số cuối năm	Ngày đáo hạn	Mục đích vay	Lãi suất	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Quân Đội – Chi nhánh Bắc Sài Gòn	35.000.000.000	Từ ngày 25/12/2012 đến 27/2/2013	Bổ sung vốn lưu động	10%/năm	Tín chấp
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công Thương Việt Nam – Chi nhánh HCM	74.025.000.000	Từ ngày 29/10/2012 đến 19/3/2013	Bổ sung vốn lưu động	9,5%/năm	Tín chấp
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Việt Nam – Số Giao dịch 1	75.000.000.000	Từ ngày 13/9/2012 đến 10/1/2013	Bổ sung vốn lưu động	9%/năm	Cổ phiếu của DAB
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh HCM	189.600.000.000	Từ ngày 3/10/2012 đến 26/3/2013	Bổ sung vốn lưu động	Từ 9,8% đến 10,5% / năm	Tín chấp
	5.561.076.000	Từ ngày 27/11/2012 đến 3/3/2013	Bổ sung vốn lưu động	6% /năm	Tín chấp
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu – Số giao dịch	4.165.600.000	Từ ngày 25/4/2012 đến 29/4/2013	Bổ sung vốn lưu động	6,5%/ năm	Cổ phiếu của DAB
TỔNG CỘNG	383.351.676.000				

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn từ cá nhân như sau:

Cá nhân – vay bằng VNĐ	Số cuối năm	Ngày đáo hạn	Mục đích vay	Lãi suất	Hình thức đảm bảo
	56.808.906.400	Từ ngày 31/8/2012 đến 29/12/2013	Bổ sung vốn lưu động	Từ 8% đến 14%/năm	Tín chấp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH 2012

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tt)

16. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN

VNĐ

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả bên thứ ba	51.535.711.230	119.165.943.802
Phải trả bên liên quan (Thuyết minh số 28)	633.214.613	4.483.046.000
TỔNG CỘNG	52.168.925.843	123.648.989.802

17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

VNĐ

	Số cuối năm	Số đầu năm
Thuế thu nhập doanh nghiệp (Thuyết minh số 27.2)	12.811.414.276	11.560.020.640
Thuế giá trị gia tăng	8.832.086.394	17.490.372.400
Thuế khác	124.312.324	510.770.510
TỔNG CỘNG	21.767.812.994	29.561.163.550

18. CHI PHÍ PHẢI TRẢ

VNĐ

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí lãi vay	1.805.807.176	2.219.585.148
Chi phí thuê cửa hàng	233.035.000	233.035.000
Chi phí quảng cáo và khuyến mãi	241.437.027	5.441.527.292
Khác	1.049.550.207	537.598.669
TỔNG CỘNG	3.329.829.410	8.431.746.109

19. CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

VNĐ

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí công đoàn	5.178.029.799	-
Bảo hiểm xã hội, y tế	715.570.456	4.088.047.249
Cổ tức phải trả	184.686.525	60.254.310.200
Phải trả các bên liên quan	-	2.126.094.704
Tiền ký quỹ từ chuyển nhượng cổ phần	-	52.500.000.000
Các khoản phải trả khác	21.402.025.368	14.791.977.251
TỔNG CỘNG	27.480.312.148	133.760.429.404

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tt)

20. VAY DÀI HẠN

VNĐ

	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay ngân hàng	738.425.538.600	864.902.111.223
Trong đó:		
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh số 15)	568.069.872.600	134.243.356.496
Vay dài hạn	170.355.666.000	730.658.754.727

Chi tiết các khoản vay ngân hàng như sau:

Ngân hàng	Số cuối năm VNĐ	Kỳ hạn trả gốc	Mục đích vay	Lãi suất	Hình thức đảm bảo
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Á Châu –Sở Giao dịch	349.447.520.000	Ngày 29 tháng 4 năm 2013	Bổ sung vốn lưu động	4,2%/năm	Cổ phiếu của DAB
	217.652.600	Ngày 29 tháng 4 năm 2013	Bổ sung vốn lưu động	7%/năm	Máy móc, thiết bị
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đông Á	170.355.666.000	Ngày 29 tháng 4 năm 2015	Bổ sung vốn lưu động	4%/năm	Quyền sử dụng đất của các lô đất tọa lạc tại số 577 Đường Nguyễn Kiệm, Phường 9, Quận Phú Nhuận; Số 52A-52B Đường Nguyễn Văn Trỗi, Phường 15, Quận Phú Nhuận; và Số 174 Đường Lê Thánh Tôn, Phường Bến Thành, Quận 1; và nhà cửa, vật kiến trúc
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Sài Gòn Thương Tín – Chi nhánh Sài Gòn	218.404.700.000	Ngày 29 tháng 4 năm 2013	Bổ sung vốn lưu động	4,2%/năm	Quyền sử dụng đất của lô đất tọa lạc tại số 18-20 Đường Thủ Khoa Huân, Phường Bến Thành, Quận 1
TỔNG CỘNG	738.425.538.600				

BÁO CÁO TÀI CHÍNH 2012

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tt)

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU

21.1 TÌNH HÌNH THAY ĐỔI NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU

VND							
	Vốn cổ phần	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011:							
Số đầu năm	599.991.420.000	225.008.580.000	(7.090.000)	52.461.168.576	25.704.156.577	143.727.744.639	1.046.885.979.792
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	257.105.282.358	257.105.282.358
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	20.000.000.000	10.327.760.000	(30.327.760.000)	-
Cổ tức công bố	-	-	-	-	-	(149.996.082.500)	(149.996.082.500)
Sử dụng quỹ	-	-	-	-	(165.681.217)	-	(165.681.217)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	(23.378.121.000)	23.378.121.000
Số cuối năm	599.991.420.000	225.008.580.000	(7.090.000)	72.461.168.576	35.866.235.360	197.131.063.497	1.130.451.377.433
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012:							
Số đầu năm	599.991.420.000	225.008.580.000	(7.090.000)	72.461.168.576	35.866.235.360	197.131.063.497	1.130.451.377.433
Tăng vốn	119.986.930.000	(119.986.930.000)	-	-	-	-	-
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	-	-	254.408.662.493	254.408.662.493
Cổ tức công bố	-	-	-	-	-	(89.997.649.500)	(89.997.649.500)
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	45.000.000.000	12.085.000.000	(62.785.000.000)	(5.700.000.000)
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	(24.458.600.000)	(24.458.600.000)
Số cuối năm	719.978.350.000	105.021.650.000	(7.090.000)	96.070.897.000	46.376.732.783	274.298.476.490	1.241.739.016.273

21.2 CÁC GIAO DỊCH VỀ VỐN VỚI CÁC CHỦ SỞ HỮU VÀ PHÂN PHỐI CỔ TỨC

VND		
	Số cuối năm	Số đầu năm
Vốn cổ phần đã góp của chủ sở hữu		
Vốn góp đầu năm	599.991.420.000	599.991.420.000
Vốn góp tăng trong năm	119.986.930.000	-
Vốn góp cuối năm	719.978.350.000	599.991.420.000
Cổ tức đã trả	149.965.528.175	150.183.653.750
Cổ tức đã công bố	89.997.649.500	149.996.082.500

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tt)

21.3 CỔ PHIẾU - CỔ PHIẾU PHỔ THÔNG

VND		
	Năm nay	Năm trước
	Số lượng cổ phiếu	Số lượng cổ phiếu
Số cổ phiếu được phép phát hành	71.997.835	59.999.142
Số cổ phiếu đã phát hành, góp vốn đầy đủ		
Cổ phiếu thường	71.997.835	59.999.142
Cổ phiếu quỹ		
Cổ phiếu thường	(709)	(709)
Cổ phiếu đang lưu hành		
Cổ phiếu thường	71.997.126	59.998.433

21.4 LÃI TRÊN MỖI CỔ PHIẾU

VND		
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận thuần phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của công ty	254.408.662.493	257.105.282.358
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân	71.997.835	59.998.433
Số lượng cổ phiếu thưởng phát hành	-	11.998.693
Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân sau khi đã điều chỉnh	71.997.835	71.997.835
Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu (VND/ cổ phiếu)	3.534	4.285
Lãi suy giảm trên mỗi cổ phiếu	-	3.571

21.5 CHI PHÍ TÀI CHÍNH

Thu nhập và số cổ phiếu được sử dụng trong tính toán lãi cơ bản và suy giảm trên mỗi cổ phiếu được trình bày bên dưới:

VND		
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	101.497.808.442	103.995.485.100
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	232.580.236	10.111.164.168
Hoàn nhập dự phòng cho khoản đầu tư khác	(10.324.694.250)	10.324.532.250
Khác	-	1.103.511.033
TỔNG CỘNG	91.405.694.428	125.534.692.551

BÁO CÁO TÀI CHÍNH 2012

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tt)

22. DOANH THU

22.1 DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

VNĐ		
	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu	6.777.869.795.148	18.038.055.458.855
Trong đó:		
Doanh thu bán vàng, bạc và đá quý	6.441.007.227.886	17.376.881.158.771
Doanh thu bán gas và vỏ bình gas	6.179.536.363	6.702.380.646
Doanh thu bán phụ kiện	314.717.065.705	648.879.459.187
Doanh thu cung cấp dịch vụ	15.965.965.194	5.592.460.251
Khấu trừ		
Chiết khấu thương mại	(5.824.786.666)	(45.125.502)
Giảm giá hàng bán	-	(3.663.788.710)
Các loại thuế gián tiếp	(55.201.642.059)	(70.506.072.871)
Doanh thu thuần	6.716.843.366.423	17.963.840.471.772
Trong đó:		
Doanh thu bán vàng, bạc và đá quý	6.379.980.799.161	17.302.666.171.688
Doanh thu bán phụ kiện	6.179.536.363	6.702.380.646
Doanh thu cung cấp dịch vụ	15.965.965.194	5.592.460.251
Doanh thu bán gas và vỏ bình gas	314.717.065.705	648.879.459.187

22.2 DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

VNĐ		
	Năm nay	Năm trước
Cổ tức nhận được	57.267.924.000	53.116.224.050
Lãi thanh lý công ty DVC	52.686.293.791	2.055.522.670
Lãi tiền gửi	7.967.148.225	2.809.196.252
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.171.927.294	6.095.535.024
Thu nhập khác	1.476.000.000	678.450.078
TỔNG CỘNG	120.569.293.310	64.754.928.074

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tt)

23. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

VNĐ		
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn bán vàng, bạc và đá quý	5.820.742.004.874	16.645.023.237.523
Giá vốn bán gas và vỏ bình gas	289.762.142.689	573.461.320.575
Giá vốn bán phụ kiện	4.918.471.330	4.297.621.399
Giá vốn dịch vụ cung cấp	2.913.655.727	2.738.693.331
TỔNG CỘNG	6.118.336.274.620	17.225.520.872.828

24. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

VNĐ		
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	101.497.808.442	103.995.485.100
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	232.580.236	10.111.164.168
Hoàn nhập dự phòng cho khoản đầu tư	(10.324.694.250)	10.324.532.250
Khác	-	1.103.511.033
TỔNG CỘNG	91.405.694.428	125.534.692.551

25. THU NHẬP VÀ CHI PHÍ KHÁC

VNĐ		
	Năm nay	Năm trước
Thu nhập khác	49.775.091.650	19.224.929.719
Thu chuyển nhượng đất thuê	16.275.890.000	-
Thu thanh lý tài sản cố định	11.728.380.455	959.942.727
Thu chuyển nhượng hệ thống bán lẻ gas	9.950.000.000	11.130.325.670
Thu khác	11.820.821.195	7.134.661.322
Chi phí khác	(20.041.344.299)	1.607.851.780
Giá trị còn lại của tài sản thanh lý	(11.455.091.511)	(532.659.779)
Giá trị còn lại của đất thuê	(7.063.200.000)	(431.215.096)
Chi khác	(1.523.052.788)	(643.976.905)
THU NHẬP THUẦN	29.733.747.351	17.617.077.939

BÁO CÁO TÀI CHÍNH 2012

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tt)

26. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	VNĐ	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên vật liệu	6.142.532.421.096	17.136.011.147.989
Chi phí nhân công	158.640.674.769	224.896.006.746
Chi phí khấu hao và khấu trừ tài sản	15.134.039.127	42.308.214.488
Chi phí dịch vụ mua ngoài	105.130.025.013	74.492.678.948
Chi phí khác	40.260.846.404	135.470.081.827
TỔNG CỘNG	6.461.698.006.409	17.613.178.129.998

27. THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp (“TNDN”) áp dụng cho Tập đoàn là 25% lợi nhuận chịu thuế.

Các báo cáo thuế của Tập đoàn chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên các báo cáo tài chính hợp nhất có thể sẽ bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

27.1 CHI PHÍ THUẾ TNDN HIỆN HÀNH

	VNĐ	
	Số năm nay	Số năm trước
Chi phí thuế TNDN hiện hành	54.566.752.261	60.608.358.407
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu năm trước	680.850.422	134.232.189
TỔNG CỘNG	55.247.602.683	60.742.590.596

27.2 THUẾ TNDN HIỆN HÀNH

Thuế TNDN hiện hành phải trả được xác định dựa trên lợi nhuận chịu thuế của năm hiện tại. Lợi nhuận chịu thuế của Tập đoàn khác với lợi nhuận được báo cáo trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất vì lợi nhuận chịu thuế không bao gồm các khoản mục thu nhập chịu thuế hay chi phí được khấu trừ cho mục đích tính thuế trong các năm khác và cũng không bao gồm các khoản mục không phải chịu thuế hay không được khấu trừ cho mục đích tính thuế. Thuế TNDN hiện hành phải trả của Công ty và các Công ty con được tính theo thuế suất đã ban hành đến ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Dưới đây là đối chiếu lợi nhuận trước thuế trên báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất và lợi nhuận chịu thuế:

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tt)

	VNĐ	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận trước thuế	310.093.877.728	318.165.893.441
Các điều chỉnh:		
Chi phí không được khấu trừ	4.689.985.002	4.412.610.268
Thay đổi chi phí trích trước	2.047.244.203	-
Cổ tức nhận trong năm	(57.267.924.000)	(65.837.985.928)
Thanh lý công ty con	(7.717.231.764)	-
Hoàn nhập dự phòng cho khoản đầu tư	(19.487.170.728)	(13.053.691.104)
Lợi nhuận trong công ty liên kết	(10.294.076.985)	-
Thay đổi dự phòng trợ cấp thôi việc	(3.765.452.000)	-
Lợi nhuận chưa thực hiện	(438.518.092)	-
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	406.275.680	-
Khác	-	(1.586.611.016)
Lợi nhuận chịu thuế ước tính năm hiện hành	218.267.009.044	242.100.215.661
Thuế TNDN phải trả ước tính năm hiện hành	54.566.752.261	60.525.053.915
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu năm trước	680.850.422	134.232.189
Thuế TNDN phải trả đầu năm	11.560.020.640	16.559.048.306
Thuế TNDN đã nộp trong năm	(53.996.209.047)	(65.658.313.770)
Thuế TNDN phải trả cuối năm	12.811.414.276	11.560.020.640

27.3 THUẾ TNDN HOẢN LẠI

Tập đoàn đã ghi nhận một số khoản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả và tài sản thuế thu nhập hoãn lại với các biến động trong năm báo cáo và năm trước như sau:

	VNĐ			
	Bảng cân đối kế toán hợp nhất		Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Năm trước	Năm nay
Lợi nhuận chưa thực hiện	-	109.629.523	(109.629.523)	83.304.492
Trợ cấp thôi việc	-	941.363.000	(941.363.000)	-
Chi phí trích trước	511.811.051	-	511.811.051	-
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	(30.271.419)	(131.840.339)	101.568.920	-
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	481.539.632	919.152.184		
Thuế thu nhập hoãn lại tính vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất			(437.612.552)	83.304.492

BÁO CÁO TÀI CHÍNH 2012

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tt)

28. NGHIỆP VỤ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Những giao dịch trọng yếu của Tập đoàn với các bên liên quan trong năm bao gồm:

VNĐ

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đông Á	Bên liên quan	Cổ tức nhận được	65.828.587.500
Công ty Cổ phần Địa ốc Đông Á	Công ty liên kết	Dịch vụ xây dựng	12.326.254.537
Công ty Cổ phần Quê Hương Liberty	Công ty liên kết	Cổ tức nhận được	1.833.324.000

Thu nhập của các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc:

VNĐ

	Năm nay	Năm trước
Lương và thưởng	8.550.763.719	7.653.580.277

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2012, khoản phải thu và phải trả với các bên liên quan như sau:

VNĐ

Bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Phải thu (Phải trả)
Phải thu khác			
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đông Á	Bên liên quan	Cổ tức được nhận	11.548.875.000
Phải trả người bán			
Công ty Cổ phần Địa ốc Đông Á	Bên liên quan	Cung cấp dịch vụ	(631.214.613)
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đông Á	Bên liên quan	Cung cấp dịch vụ	(2.000.000)
			(633.214.613)

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tt)

29. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

Tập đoàn hiện đang thuê các cửa hàng theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày 31 tháng 12 năm 2012, các khoản tiền thuê phải trả trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động được trình bày như sau:

VNĐ

	Số cuối năm	Số đầu năm
Đến 1 năm	33.833.398.293	21.192.355.804
Từ 1 đến 5 năm	40.650.436.881	45.621.374.261
Trên 5 năm	10.492.878.800	37.835.623.916
TỔNG CỘNG	84.976.713.974	104.649.353.981

30. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN

Tập đoàn lựa chọn các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là bộ phận báo cáo chính yếu vì rủi ro và tỷ suất sinh lời của Tập đoàn bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm và dịch vụ do Tập đoàn cung cấp. Các hoạt động kinh doanh của Tập đoàn được tổ chức và quản lý theo tính chất của sản phẩm và dịch vụ do Tập đoàn cung cấp với mỗi một bộ phận là một đơn vị kinh doanh chiến lược cung cấp các sản phẩm khác nhau và phục vụ các thị trường khác nhau.

Tập đoàn chủ yếu hoạt động trong lĩnh vực là kinh doanh vàng, bạc và nữ trang, phụ kiện; kinh doanh gas và vỏ bình gas, và dịch vụ kiểm định.

Giá áp dụng cho các giao dịch giữa các bộ phận được xác định trên cơ sở khách quan tương tự như với các bên thứ ba. Doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh của các bộ phận bao gồm các giao dịch giữa các bộ phận. Các giao dịch này được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất.

Tập đoàn hoạt động trong một khu vực địa lý là Việt Nam.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH 2012

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tt)

30. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tt)

	Vàng, bạc và nữ trang	Phụ kiện	Gas và vỏ bình gas	Dịch vụ kiểm định	Loại trừ	Tổng cộng
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012:						
Doanh thu						
Doanh thu từ bán hàng	6.486.831.450.473	6.179.536.363	314.717.065.705	15.965.965.194	(45.824.222.587)	6.777.869.795.148
ra bên ngoài						
Các khoản giảm trừ	(60.987.322.575)	-	(39.106.150)	-	-	(61.026.428.725)
doanh thu						
Tổng doanh thu	6.425.844.127.898	6.179.536.363	314.677.959.555	15.965.965.194	(45.824.222.587)	6.716.843.366.423
Kết quả hoạt động kinh doanh						
Lợi nhuận gộp của						
bộ phận	605.102.123.024	1.261.065.033	24.915.816.866	13.052.309.467	(45.824.222.587)	598.507.091.803
Chi phí không phân bổ						
Doanh thu hoạt động						
tài chính						120.569.293.310
Chi phí tài chính						(91.405.694.428)
Lợi nhuận khác						40.027.824.336
Lợi nhuận trước thuế						310.093.877.728
TNDN						(55.685.215.235)
Chi phí thuế TNDN						254.408.662.493
Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN						2.533.355.025.644
Tài sản và công nợ						9.630.937.615
Tài sản bộ phận	2.493.347.214.735	-	-	12.688.364.430	27.319.446.479	2.542.985.963.259
Tài sản không phân bổ						1.255.373.672.934
Tổng tài sản						45.873.274.052
Công nợ bộ phận	1.267.291.083.593	-	-	1.168.829.708	(13.086.240.367)	1.301.246.946.986
Công nợ không phân bổ						
Tổng công nợ						

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tt)

30. THÔNG TIN THEO BỘ PHẬN (tt)

	Vàng, bạc và nữ trang	Phụ kiện	Gas và vỏ bình gas	Dịch vụ kiểm định	Loại trừ	Tổng cộng
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011:						
Doanh thu						
Doanh thu từ bán hàng ra	17.418.524.647.633	-	648.879.459.167	5.592.460.251	(34.941.108.196)	18.038.055.458.855
bên ngoài	(74.169.861.581)	-	(45.125.502)	-	-	(74.214.987.083)
Các khoản giảm trừ doanh thu						
Tổng doanh thu	17.344.354.786.052	-	648.834.333.665	5.592.460.251	(34.941.108.196)	17.963.840.471.772
Kết quả hoạt động kinh doanh						
Lợi nhuận gộp của bộ phận	660.531.337.006	-	75.373.013.110	2.853.766.920	(438.518.092)	738.319.598.944
Chi phí không phân bổ						(387.657.258.172)
Doanh thu hoạt động tài chính						64.754.928.074
Chi phí tài chính						(125.534.692.551)
Lợi nhuận khác						28.283.317.146
Lợi nhuận trước thuế TNDN						318.165.893.441
Chi phí thuế TNDN						(60.659.286.104)
Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN						257.506.607.337
Tài sản và công nợ						
Tài sản bộ phận	2.695.173.830.976	-	276.259.991.928	11.598.715.015	(62.010.025.183)	2.921.025.521.736
Tài sản không phân bổ						7.090.109.989
Tổng tài sản						2.928.112.622.725
Công nợ bộ phận	1.631.225.896.083	-	164.375.607.385	1.297.715.251	(189.034.257.637)	1.607.864.961.082
Công nợ không phân bổ						163.159.280.056
Tổng công nợ						1.771.024.241.138

BÁO CÁO TÀI CHÍNH 2012

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tt)

31. MỤC ĐÍCH VÀ CHÍNH SÁCH QUẢN LÝ RỦI RO TÀI CHÍNH

Nợ phải trả tài chính của Tập đoàn chủ yếu bao gồm các khoản vay và nợ, và các khoản phải trả người bán, và các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác. Mục đích chính của những khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động nguồn tài chính phục vụ các hoạt động của Tập đoàn. Tập đoàn có các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác, tiền mặt, các khoản tương đương tiền và tiền gửi ngắn hạn phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Tập đoàn. Tập đoàn không nắm giữ hay phát hành công cụ tài chính phải sinh.

Tập đoàn có rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Nghiệp vụ quản lý rủi ro là nghiệp vụ không thể thiếu cho toàn bộ hoạt động kinh doanh của Tập đoàn. Tập đoàn đã xây dựng hệ thống kiểm soát nhằm đảm bảo sự cân bằng ở mức hợp lý giữa chi phí rủi ro phát sinh và chi phí quản lý rủi ro. Ban Giám đốc liên tục theo dõi quy trình quản lý rủi ro của Tập đoàn để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro.

Ban Giám đốc xem xét và tổng nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro giá hàng hóa và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản vay.

Các phân tích độ nhạy như được trình bày dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2011 và ngày 31 tháng 12 năm 2012.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Tập đoàn chủ yếu liên quan đến các khoản vay và nợ dài hạn với lãi suất thả nổi.

Tập đoàn quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Tập đoàn và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Độ nhạy đối với lãi suất

Độ nhạy của các khoản vay và nợ đối với sự thay đổi có thể xảy ra ở mức độ hợp lý trong lãi suất được thể hiện như sau.

Với giả định là các biến số khác không thay đổi, các biến động trong lãi suất của các khoản vay với lãi suất thả nổi có ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế của Tập đoàn như sau:

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tt)

		VND
	Tăng/ giảm điểm cơ bản	Ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012		
Vàng	+100	(1.703.556.660)
Vàng	-100	1.703.556.660
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011		
VND	+300	(12.004.146.346)
USD	+100	(1.159.078.200)
Vàng	+100	(7.517.225.000)
VND	-300	12.004.146.346
USD	-100	1.159.078.200
Vàng	-100	7.517.225.000

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái giá vàng. Tập đoàn chịu rủi ro do sự thay đổi của tỷ giá hối đoái liên quan trực tiếp đến các hoạt động kinh doanh của Tập đoàn.

Độ nhạy đối với ngoại tệ

Với giả định là các biến số khác không thay đổi, bảng dưới đây thể hiện độ nhạy của lợi nhuận trước thuế của Tập đoàn (do sự thay đổi giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả) đối với các thay đổi có thể xảy ra ở mức độ hợp lý của tỷ giá Đô la Mỹ và vàng. Rủi ro do sự thay đổi tỷ giá hối đoái với các loại ngoại tệ khác của Tập đoàn là không đáng kể.

			VND
	Thay đổi tỷ giá USD	Thay đổi tỷ giá vàng	Ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2012			
	+1%	+2%	(6.092.375.814)
	-1%	-2%	6.092.375.814
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011			
	+1%	+2%	(10.435.278.703)
	-1%	-2%	10.435.278.703

BÁO CÁO TÀI CHÍNH 2012

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tt)

Rủi ro do sự thay đổi của tỷ giá hối đoái mà tập đoàn phải gánh chịu là không trọng yếu.

Rủi ro về giá cổ phiếu

Các cổ phiếu đã niêm yết và chưa niêm yết do Tập đoàn nắm giữ bị ảnh hưởng bởi các rủi ro thị trường phát sinh từ tính không chắc chắn về giá trị tương lai của cổ phiếu đầu tư. Tập đoàn quản lý giá rủi ro về giá cổ phiếu bằng cách thiết lập hạn mức đầu tư vào cổ phiếu. Hội đồng Quản trị của Tập đoàn cũng xem xét và phê duyệt toàn bộ các quyết định đầu tư vào cổ phiếu.

Tại ngày lập báo cáo tài chính, giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết và chưa niêm yết của Tập đoàn là 459.811.208.567 VNĐ (ngày 31 tháng 12 năm 2011: 430.477.435.045 VNĐ). Nếu giá của các cổ phiếu này giảm 5% thì lợi nhuận trước thuế của Tập đoàn sẽ giảm khoảng 22.990.560.428 VNĐ (ngày 31 tháng 12 năm 2011: 21.523.871.752 VNĐ), phụ thuộc vào việc giảm giá trị này có đáng kể hoặc kéo dài hay không. Nếu giá của các cổ phiếu này tăng lên 5%, lợi nhuận trước thuế của Tập đoàn sẽ tăng lên khoảng 22.990.560.428 VNĐ (ngày 31 tháng 12 năm 2011: 21.523.871.752 VNĐ).

Rủi ro về giá hàng hóa

Tập đoàn có rủi ro về giá hàng hóa do thực hiện mua một số loại hàng hóa nhất định. Tập đoàn quản lý rủi ro về giá hàng hóa thông qua việc theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường hàng hóa nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch sản xuất và mức hàng tồn kho một cách hợp lý. Tập đoàn chưa sử dụng các công cụ phái sinh đảm bảo để phòng ngừa các rủi ro về giá hàng hóa.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Tập đoàn có rủi ro tín dụng từ các hoạt động sản xuất kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình, chủ yếu là tiền gửi ngân hàng, nghiệp vụ ngoại hối và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Tập đoàn quản lý rủi ro tín dụng khách hàng thông qua các chính sách, thủ tục và quy trình kiểm soát của Tập đoàn có liên quan đến việc quản lý rủi ro tín dụng khách hàng. Rủi ro tín dụng của Tập đoàn liên quan đến các khoản phải thu chịu ảnh hưởng chủ yếu bởi đặc điểm của từng khách hàng. Phần lớn doanh thu của Tập đoàn là doanh thu bằng tiền mặt, nên không có rủi ro tín dụng.

Tập đoàn thường xuyên theo dõi các khoản phải thu khách hàng chưa thu được, đối với các khoản phải thu khách hàng ở nước ngoài Tập đoàn được đảm bảo thanh toán bởi một ngân hàng thứ ba. Đối với các khách hàng lớn, Tập đoàn thực hiện xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu khách hàng của Tập đoàn có liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không bị tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Tập đoàn chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam. Rủi ro tín dụng đối với số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý theo chính sách của Tập đoàn. Rủi ro tín dụng tối

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tt)

đa của Tập đoàn đối với các khoản mục trong bảng cân đối kế toán hợp nhất tại mỗi kỳ lập báo cáo chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 4. Tập đoàn nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Tập đoàn gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Tập đoàn chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Tập đoàn giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Tập đoàn và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Tập đoàn dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng trên cơ sở chưa được chiết khấu:

	VNĐ		
	Dưới 1 năm	Từ 2 đến 5 năm	Tổng cộng
31 tháng 12 năm 2012			
Các khoản vay	1.008.230.455.000	170.355.666.000	1.178.586.121.000
Phải trả người bán	53.906.651.210		53.906.651.210
Các khoản phải trả khác và chi phí phải trả	30.810.141.558		30.810.141.558
TỔNG CỘNG	1.092.947.247.768	170.355.666.000	1.263.302.913.768
31 tháng 12 năm 2011			
Các khoản vay	604.356.835.868	730.658.754.727	1.335.015.590.595
Phải trả người bán	123.648.989.802		123.648.989.802
Các khoản phải trả khác và chi phí phải trả	142.192.175.513		142.192.175.513
TỔNG CỘNG	870.198.001.183	730.658.754.727	1.600.856.755.910

Tài sản đảm bảo

Tập đoàn đã sử dụng tài sản cố định trị giá là 182.820.156.215 VNĐ, và cổ phiếu của DAB trị giá là 330.000.000.000 VNĐ làm tài sản thế chấp cho các khoản vay dài hạn tại các ngân hàng thương mại (Thuyết minh số 15 và 20).

Tập đoàn không nắm giữ tài sản đảm bảo của một bên khác vào ngày 31 tháng 12 năm 2012 và ngày 31 tháng 12 năm 2011.

BÁO CÁO TÀI CHÍNH 2012

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tt)

32. TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH

	Giá trị ghi số		Số đầu năm		Giá trị hợp lý		Số đầu năm
			Dự phòng		Số cuối năm		
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số đầu năm	Dự phòng	Số cuối năm	Số đầu năm	
Tài sản tài chính							
Đầu tư tài chính dài hạn	513.241.408.400	(10.800.000.000)	475.245.158.400	(21.124.532.250)	502.441.408.400	454.120.626.150	70.000.000.000
Các khoản tiền gửi ngắn hạn	-	-	70.000.000.000	-	-	-	39.634.363.771
Phải thu khách hàng	15.556.044.643	-	39.634.363.771	(615.714.050)	15.556.044.643	28.056.622.620	22.175.141.709
Phải thu khác	35.808.841.279	(7.752.218.659)	22.790.855.759	-	28.056.622.620	-	-
Tiền và các khoản tương đương tiền	434.579.697.337	-	454.113.948.194	-	434.579.697.337	454.113.948.194	-
TỔNG CỘNG	999.185.991.659	(18.552.218.659)	1.061.784.326.124	(21.740.246.300)	980.633.773.000	1.040.044.079.824	

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT ngày 31 tháng 12 năm 2012 (tt)

32. TÀI SẢN TÀI CHÍNH VÀ NỢ PHẢI TRẢ TÀI CHÍNH (tt)

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bắt buộc phải bán hoặc thanh lý.

Tập đoàn sử dụng phương pháp và giả định sau đây được sử dụng để ước tính giá trị hợp lý:

Giá trị hợp lý của tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, các khoản tương đương tiền và tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, các khoản phải trả người bán, phải trả khác và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.

Giá trị hợp lý của các khoản vay được ước tính bằng cách chiết khấu luồng tiền sử dụng lãi suất hiện tại áp dụng cho các khoản nợ có đặc điểm và thời gian đáo hạn còn lại tương tự. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2012, giá trị ghi sổ của các khoản vay không có khác biệt trọng yếu so với giá trị hợp lý.

33. CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC KỲ KẾ TOÁN

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh trong các báo cáo tài chính hợp nhất.



Dương Quang Hải
Người lập



Đặng Thị Lại
Kế toán trưởng



Cao Thị Ngọc Dung
Tổng Giám Đốc

HỆ THỐNG PHÂN PHỐI NỮ TRANG PNJ

TP. HỒ CHÍ MINH

QUẬN 1

174 Lê Thánh Tôn
Vincom Center (tầng L1)
292 Hai Bà Trưng
Thương xá TAX - Nguyễn Huệ
Citi Plaza - Nguyễn Trãi
Nowzone - 235 Nguyễn Văn Cừ
21 Trần Quang Khải
Co.op Mart Cống Quỳnh
Parkson Saigon Tourist

Q. PHÚ NHUẬN

54 - 56 Nguyễn Văn Trỗi
159 Phan Đăng Lưu
Co.opMart Nguyễn Kiệm
BigC Hoàng Văn Thụ
338 Phan Đình Phùng
Co.op Mart Rạch Miễu

QUẬN 3

652 Nguyễn Đình Chiểu
305 Nguyễn Đình Chiểu
Co.op Mart Nguyễn Đình Chiểu
4A Cao Thắng
132 CMT8

QUẬN 5

5 - 7 An Dương Vương
Parkson Hùng Vương

QUẬN 6

255A - 255B Hậu Giang

QUẬN 7: Lotte Mart

QUẬN 8

Co.op Mart Tuy Lý Vương

QUẬN 9

Co.opMart Xa lộ Hà Nội

QUẬN 10

Maximark 3/2
Co.op Mart Lý Thường Kiệt
132 Cách Mạng Tháng 8
127 Đường 3/2
477 Nguyễn Tri Phương
Co.op Mart Phú Thọ

BigC Miền Đông

QUẬN 11

257 Lê Đại Hành
Lotte Everich - Lê Đại Hành
140 Ông Ích Khiêm

QUẬN 12

Co.op Mart Nguyễn Ánh Thù

Q. TÂN BÌNH

47-49 Lý Thường Kiệt
230B Lê Văn Sỹ
Maximark Cộng Hòa
Sân bay Tân Sơn Nhất
139 CMT8
459 Trường Chinh
Parkson C&T Tân Sơn Nhất

Q. TÂN PHÚ

237 Nguyễn Sơn
BigC Phú Thạnh

Q. BÌNH TÂN

BigC An Lạc
Co.op Mart Bình Tân

Q. GÒ VẤP

362A Nguyễn Văn Nghi
403 Thống Nhất
21/3A Quang Trung
BigC Gò Vấp

Q. BÌNH THẠNH

127A Đinh Tiên Hoàng
131 Hoàng Hoa Thám
197A Lê Quang Định
201 Xô Viết Nghệ Tĩnh
60 Xô Viết Nghệ Tĩnh

Q. THỦ ĐỨC

141 Võ Văn Ngân
Co.op Mart Thủ Đức

HUYỆN CỬ CHI

Coop Mart Củ Chi

HÓC MÔN

143/6 Nguyễn Ánh Thù

HÀ NỘI

Q. HAI BÀ TRUNG

6A Trần Nhân Tông
37B Trần Nhân Tông
TTTM Vincom
548 Bạch Mai
58 Triệu Việt Vương

Q. CẦU GIẤY

TTTM BigC
256 Cầu Giấy

Q. ĐỐNG ĐA

129 Chùa Bộc
136 Tôn Đức Thắng
5B10 Phạm Ngọc Thạch

Q. LONG BIÊN

345 Ngọc Lâm
BigC Savico

Q. BA ĐÌNH

30 Đội Cấn
263 Kim Mã

Q. HÀ ĐÔNG

Co.op Mart Sài Gòn

Q. THANH XUÂN

C12 Siêu thị Hapro

HẢI PHÒNG

Parkson Hải Phòng - TD Plaza
BigC Hải Phòng
56 Cầu Đất

TP. VINH: BigC Vinh

VĨNH PHÚC

BigC Vĩnh Phúc
Co.op Mart Vĩnh Phúc

HẢI DƯƠNG

TTTM BigC

NAM ĐỊNH

BigC Nam Định

HÀ TĨNH

Co.op Mart Hà Tĩnh

TP. ĐÀ NẴNG

70-72 Trần Phú - Hải Châu
123 Hùng Vương
77 Phan Chu Trinh
BigC - Vĩnh Trung Plaza
123 Hùng Vương
Co.opMart Đà Nẵng

QUẢNG NGÃI

Co.op Mart Quảng Ngãi

BÌNH ĐỊNH

Co.op Mart Qui Nhơn

THANH HÓA

BigC Thanh Hóa

TP. HUẾ

Co.opMart Huế
BigC Huế

TP. NHA TRANG

94 Quang Trung
Maximark Nha Trang

PHAN THIẾT

Co.op Mart Phan Thiết

TP. PLEIKU

Co.op Mart Pleiku

BUỒN MA THUỘT

Co.op Mart Buôn Ma Thuột

LÂM ĐỒNG

Co.op Mart Bảo Lộc
08 Hòa Bình, Đà Lạt

TP. ĐÀ LẠT

8 khu Hòa Bình-Đà Lạt

BÌNH PHƯỚC

Co.op Mart Bình Phước

TÂY NINH

Co.op Mart Tây Ninh

BÌNH DƯƠNG

Co.op Mart Bình Dương
3A Bình Dương
BigC Green Square

TP. BIÊN HÒA

BigC Đồng Nai
Co.opMart Biên Hòa
97 Đường 30/4
105 QL1
88A Mậu Thân

BÀ RỊA-VŨNG TÀU

Co.op Mart Bà Rịa

TP. VŨNG TÀU

Co.op Mart Vũng Tàu

LONG AN

Co.op Mart Tân An

TIỀN GIANG

Co.op Mart Mỹ Tho

BẾN TRE

Co.op Mart Bến Tre

TP. VĨNH LONG

Co.opMart Vĩnh Long

TP. CẦN THƠ

46 Ngô Quyền
Co.opMart Cần Thơ
118 Hai Bà Trưng
88A Mậu Thân

SÓC TRĂNG

Co.op Mart Sóc Trăng

TP. LONG XUYÊN

63 Hai Bà Trưng
Co.opMart Long Xuyên
234/3A Nguyễn Trãi

BẠC LIÊU

Co.op Mart Bạc Liêu

KIÊN GIANG

38 Hoàng Hoa Thám
Co.opMart Kiên Giang.

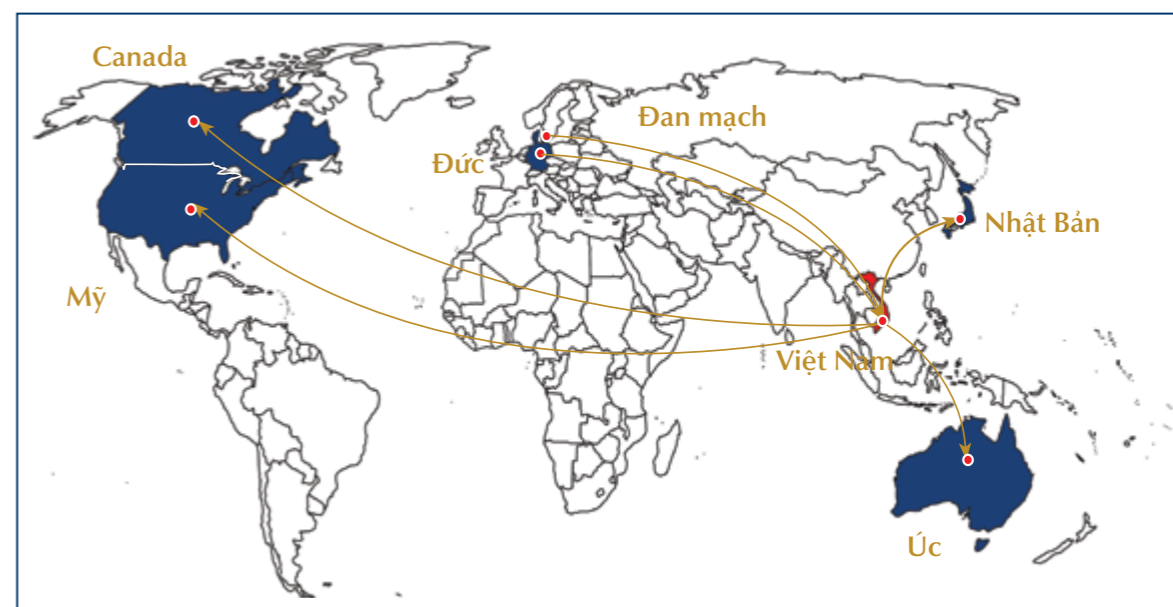
TRÀ VINH

Co.op Mart Trà Vinh.

Cà Mau

4A Hùng Vương

BẢN ĐỒ XUẤT KHẨU NỮ TRANG PNJ





CÔNG TY CỔ PHẦN VÀNG BẠC ĐÁ QUÝ PHÚ NHUẬN
Phu Nuan Jewelry Joint Stock Company

170E Phan Đăng Lưu, Q. Phú Nhuận, TP. Hồ Chí Minh

www.pnj.com.vn